Giáo Sĩ Việt Nam

#### Bán nguyệt san – Số 501 – Chúa nhật 16.02.2025

**Giáo sĩ: ĐỰƠC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net) [giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

**Chỉ những người bừng cháy mới có thể nhóm lửa lên ở những người khác.**

**THÁNH AUGUSTINÔ (354- 430)**

**MỤC LỤC**

[ĐẶC TÍNH CÁNH CHUNG CỦA GIÁO HỘI LỮ HÀNH VÀ SỰ HIỆP NHẤT VỚI GIÁO HỘI TRÊN TRỜI - CHƯƠNG VII LUMEN GENTIUM – …………………………………………………….Vatican 2](#BBTCGVN)

[ĐÚNG ĐỊA CHỈ ……………………………………… Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột](#Nghia)

[TUYỆT ĐỐI BẤT XỨNG …………………………………………………….. Lm. MINH ANH, Tgp. HUẾ](#MinhAnh)

[Làm thế nào để giải quyết những mâu thuẫn được cho là của các sách Tin Mừng……………………](#Trung)

[……………………………………………………………………….Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung](#Trung)

[CÁC TRÌNH THUẬT SÁNG TẠO TRONG THÁNH KINH ……………………………. Lm John Minh](#Minh)

[Tác Phẩm “Khám Phá Một Nguồn Vui”. ……………………………………….. Lm Inhatio Trần Ngà](#Nga)

[NỀN TẢNG VÀ CÙNG ĐÍCH CỦA CUỘC LỮ HÀNH HY VỌNG ………… Phaolô Phạm Xuân Khôi](#Khoi)

[LÀM SAO ĐỂ ĐỌC LỜI CHÚA NHƯ ĐỌC THƯ TÌNH? … Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền,OSB.](#Hien)

[CỘNG ĐOÀN CẢM THÔNG ………………………………… Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss](#Huy)

[HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH - HÌNH THÀNH LỐI SỐNG TRUNG THỰC … Lm Đan Vinh, HHTM](#DanVinh)

[CHUYỆN VỀ “BỮA TIỆC ĐÊM TRONG NHÀ VỆ SINH”……………… Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp](#Diep)

[THẾ GIỚI THƠ FRANCIS ASSISI LÊ ĐÌNH BẢNG ……………….. Thi sĩ Vincent Mai Văn Phấn](#Phan)

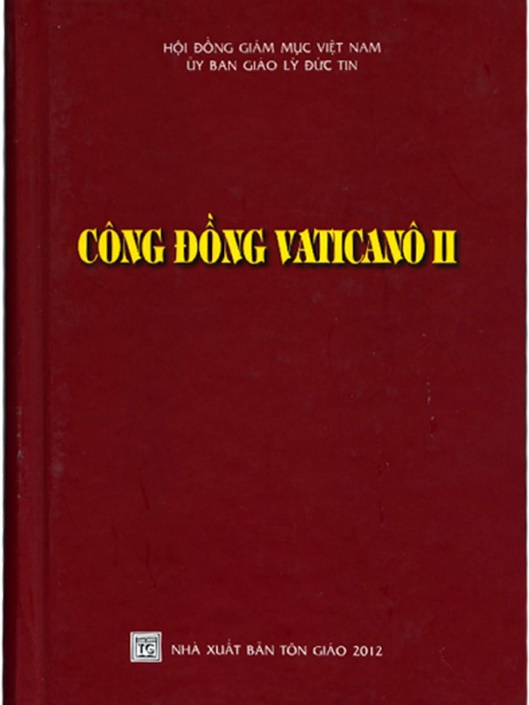
**ĐẶC TÍNH CÁNH CHUNG CỦA GIÁO HỘI LỮ HÀNH VÀ SỰ HIỆP NHẤT VỚI GIÁO HỘI TRÊN TRỜI**

**PHAOLÔ GIÁM MỤC**

**TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA**

**HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG**

**ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ**



HIẾN CHẾ TÍN LÝ  
VỀ GIÁO HỘI

**LUMEN GENTIUM***Ngày 21 tháng 11 năm 1964*

*Tiếp theo*

CHƯƠNG VII  
**ĐẶC TÍNH CÁNH CHUNG  
CỦA GIÁO HỘI LỮ HÀNH  
VÀ SỰ HIỆP NHẤT  
VỚI GIÁO HỘI TRÊN TRỜI**

**48**. Giáo Hội là nơi mà trong Đức Kitô, tất cả chúng ta được mời gọi đến và ở đó chúng ta được nên thánh nhờ ân sủng Chúa, Giáo Hội ấy chỉ thành toàn trong vinh quang trên trời, khi đến thời canh tân mọi sự (Cv 3,21), và cũng là lúc cùng với nhân loại, toàn thể vũ trụ, vì được liên kết mật thiết với con người và nhờ con người mà đạt được cùng đích của mình, sẽ được tái tạo toàn vẹn trong Đức Kitô (x. Ep 1,10; Cl 1,20; 2 Pr 3,10-13).

Khi được giương lên cao khỏi đất, Đức Kitô đã kéo mọi người lên với Người (x. Ga 12,32: bản Hy Lạp); khi từ cõi chết sống lại (x. Rm 6,9), Người đã sai Thánh Thần ban sự sống đến với các môn đệ, và nhờ Chúa Thánh Thần, Người thiết lập Thân Mình Người là Giáo Hội như bí tích phổ quát của ơn cứu độ; nay ngự bên hữu Chúa Cha, Người không ngừng tác động trong thế giới để dẫn đưa mọi người đến với Giáo Hội, và qua Giáo Hội, kết hợp họ mật thiết hơn với Người, và khi nuôi dưỡng họ bằng chính Mình Máu của Người, Người cho họ tham dự vào cuộc sống vinh hiển của Người. Vì thế, sự tái tạo mà Chúa đã hứa và chúng ta đang mong đợi đã khởi sự nơi Đức Kitô và đang tiến triển trong sứ mệnh của Chúa Thánh Thần, và nhờ Chúa Thánh Thần, công trình ấy vẫn đang tiếp diễn trong Giáo Hội, nơi đây, nhờ đức tin, chúng ta hiểu được ý nghĩa của cuộc sống trần thế, trong khi vẫn luôn nỗ lực hoàn tất công việc Chúa Cha trao phó ở đời này, với niềm hy vọng hạnh phúc mai sau và làm cho mình được cứu độ (x. Pl 2,12).

Như vậy, thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta rồi (x. 1 Cr 10,11), công cuộc canh tân thế giới đã được tiến hành cách bất khả vãn hồi, và thật ra một cách nào đó đã sớm được thực hiện khi Giáo Hội, ngay từ lúc còn ở trần gian, đã được trang điểm bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa đến mức vẹn toàn. Dù vậy, cho tới khi có trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị (x. 2 Pr 3,13), Giáo Hội lữ hành vẫn mang khuôn mặt chóng qua của đời này, thể hiện nơi các dấu chỉ và các định chế vốn gắn liền với cuộc sống trần thế, đồng thời Giáo Hội vẫn sống giữa các thụ tạo tới nay còn rên siết và đau đớn như lúc sinh nở đang khi mong đợi sự mạc khải của con cái Thiên Chúa (x. Rm 8,19-22).

Như vậy, được liên kết với Đức Kitô trong Giáo Hội và được ghi dấu Thánh Thần “là bảo chứng của cơ nghiệp chúng ta” (Ep 1,14), chúng ta được gọi là con Thiên Chúa và thật sự chúng ta là thế (x. 1 Ga 3,1), dù chưa được xuất hiện với Đức Kitô trong vinh quang (x. Cl 3,4), lúc đó chúng ta sẽ nên giống Thiên Chúa, vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy (x. 1 Ga 3,2). Vì thế, “đang khi còn ở trong thân xác này, chúng ta phải lưu đày xa Chúa” (2 Cr 5,6), và khi lãnh nhận Thánh Thần như ân huệ mở đầu, chúng ta rên siết trong lòng (x. Rm 8,23) và khao khát được ở với Đức Kitô (x. Pl 1,23). Chính đức ái thúc bách chúng ta sống cho Đấng đã chết và sống lại vì chúng ta (x. 2 Cr 5,15). Do đó, chúng ta tìm cách làm đẹp lòng Chúa trong mọi sự (x. 2 Cr 5,9) và mặc lấy binh giáp của Thiên Chúa để có thể đối phó và đứng vững trước những cạm bẫy của ma quỷ trong ngày đen tối (x. Ep 6,11-13). Vì không biết ngày nào giờ nào, nên chúng ta phải luôn tỉnh thức như lời Chúa nhắc nhở, để khi mạng sống duy nhất của mỗi người ở trần gian này chấm dứt (x. Dt 9,27), chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được kể vào số những người được chúc phúc (x. Mt 25,31-46), chứ không như những đầy tớ hư hỏng và lười biếng (x. Mt 25,26) bị vất vào lửa đời đời (x. Mt 25,41), vào chốn tối tăm bên ngoài, nơi “khóc lóc và nghiến răng” (Mt 22,13 và 25,30). Thật vậy, trước khi hiển trị với Đức Kitô vinh quang, tất cả chúng ta đều phải trình diện “trước toà Đức Kitô, để mỗi người lãnh nhận những gì tương xứng với những việc lành hoặc dữ đã làm khi còn trong thân xác” (2 Cr 5,10), và ngày tận thế, “ai đã làm lành sẽ sống lại để được sống, còn ai làm ác sẽ sống lại để chịu án phạt” (Ga 5,29; x. Mt 25,46). Bởi đó, tin rằng “những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu so với vinh quang sắp tới sẽ được mạc khải trong chúng ta” (Rm 8,18; x. 2 Tm 2,11-12), chúng ta vững lòng tin tưởng đợi trông “niềm hy vọng hồng phúc và ngày trở lại vinh quang của Thiên Chúa cao cả và của Đấng Cứu độ chúng ta, là Đức Giêsu Kitô” (Tt 2,13). “Đấng sẽ biến đổi thân xác thấp hèn của ta nên giống thân xác sáng láng của Người” (Pl 3,21), và sẽ ngự đến “để được tôn vinh giữa các thánh của Người và được ngưỡng mộ giữa mọi kẻ đã tin” (2 Ts 1,10).

**49**. Trong khi mong đợi Chúa ngự đến trong vinh quang cùng với các thiên thần (x. Mt 25,31), và chờ ngày muôn loài quy phục Người sau khi sự chết đã bị tiêu diệt (x. 1 Cr 15,26-27), trong số các môn đệ Chúa, có những người đang còn lữ hành nơi trần thế, có những kẻ đang được thanh luyện sau khi đã hoàn tất cuộc sống này, và có những người được hiển vinh, đang chiêm ngưỡng “rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi như Người hằng có”[[1]](#footnote-1). Nhưng tất cả mọi người, tùy cấp độ và cách thức khác nhau, đều chia sẻ cùng một lòng mến Chúa yêu người, cùng hát lên một bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Quả vậy, tất cả những ai thuộc về Đức Kitô và lãnh nhận Thần Khí của Người, đều hợp thành một Giáo Hội duy nhất và liên kết với nhau trong Người (x. Ep 4,16). Như vậy, sự hợp nhất giữa những người còn lữ hành với các anh em đã yên nghỉ trong bình an của Đức Kitô không hề bị gián đoạn, trái lại, Giáo Hội xưa nay luôn tin rằng sự hợp nhất đó còn được củng cố nhờ việc thông truyền cho nhau những ơn phúc thiêng liêng[[2]](#footnote-2). Quả thật, nhờ kết hợp mật thiết với Đức Kitô hơn, những người đang ở trên trời càng giúp cho toàn thể Giáo Hội được vững bền hơn trong sự thánh thiện, làm cho việc thờ phượng mà Giáo Hội tại thế dâng lên Thiên Chúa được cao cả hơn, và bằng nhiều cách góp phần xây dựng Giáo Hội rộng lớn hơn (x. 1 Cr 12,12-27)[[3]](#footnote-3). Được nhận vào quê trời và hiện diện trước nhan Chúa (x. 2 Cr 5,8), nhờ Người, với Người và trong Người, các thánh không ngừng chuyển cầu với Chúa Cha cho chúng ta[[4]](#footnote-4), bằng cách dâng lên các công trạng các ngài đã lập được khi còn ở dưới thế, nhờ Đấng Trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Đức Giêsu Kitô (x. 1 Tm 2,5), khi phục vụ Chúa trong mọi sự và hoàn tất nơi thân xác các ngài những gì còn thiếu trong cuộc khổ nạn của Đức Kitô vì Thân thể Người là Giáo Hội (x. Cl 1,24)[[5]](#footnote-5). Như thế, sự yếu đuối của chúng ta được nâng đỡ rất nhiều nhờ mối quan tâm đầy tình huynh đệ của các ngài.

**50**.Nhận biết rõ ràng sự hiệp thông trong toàn Nhiệm Thể Đức Giêsu Kitô, ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, Giáo Hội lữ hành luôn tưởng nhớ[[6]](#footnote-6), và dâng lời cầu cho những người đã chết, “vì cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi, là một ý nghĩ lành thánh” (2 Mcb 12,46). Đối với các Tông đồ và những vị Tử đạo của Đức Kitô là những chứng nhân cao cả đã đổ máu vì đức tin và đức ái, Giáo Hội luôn tin rằng các ngài liên kết với chúng ta mật thiết hơn trong Đức Kitô, đồng thời, Giáo Hội đặc biệt yêu mến tôn kính các ngài cùng với Đức Trinh Nữ Maria và các thánh Thiên thần[[7]](#footnote-7), và sốt sắng nài xin sự trợ giúp qua lời chuyển cầu của các ngài. Sau đó, những người đặc biệt sống theo gương khiết trinh và khó nghèo của Đức Kitô cũng được kể vào số các thánh[[8]](#footnote-8), và sau cùng, những người đã thực hành cách nổi bật các nhân đức Kitô giáo[[9]](#footnote-9) và được Chúa ban nhiều ơn kỳ diệu, cũng được các tín hữu sốt sắng tôn kính và noi gương[[10]](#footnote-10).

Quả thật, khi ngắm nhìn đời sống những người đã trung thành bước theo Đức Kitô, chúng ta được thúc đẩy với niềm hứng khởi mới để tìm kiếm thành đô tương lai (x. Dt 13,14 và 10,11), đồng thời được dạy cho biết con đường chắc chắn nhất để có thể đạt tới sự kết hiệp hoàn toàn với Đức Kitô, nghĩa là đạt tới sự thánh thiện, giữa bao đổi thay của trần thế, trong bậc sống và hoàn cảnh riêng của mỗi người[[11]](#footnote-11). Qua cuộc sống của những người cùng chung thân phận nhân loại như chúng ta, nhưng đã được biến đổi nên giống hình ảnh Đức Kitô cách trọn hảo hơn (x. 2 Cr 3,18), Thiên Chúa tỏ lộ cách sống động cho con người thấy sự hiện diện và dung nhan của Ngài. Chính Ngài nói với chúng ta qua các thánh và ban cho chúng ta dấu chỉ về vương quốc của Ngài[[12]](#footnote-12), phần chúng ta, khi có những chứng nhân đông đảo như đám mây bao quanh (x. Dt 12,1) như một lời chứng thực của chân lý Tin Mừng, chúng ta cũng được lôi cuốn mạnh mẽ tiến về vương quốc ấy.

Tuy nhiên, chúng ta không chỉ kính nhớ các thánh trên trời vì gương lành các ngài mà thôi, nhưng đúng hơn để sự hợp nhất của toàn thể Giáo Hội trong Thần Khí được luôn bền vững nhờ thực hành đức bác ái huynh đệ (x. Ep 4,1-6). Thật vậy, cũng như mối hiệp thông giữa các Kitô hữu lữ hành trên dương thế đưa chúng ta tới gần Đức Kitô hơn, việc gắn bó với các thánh cũng liên kết chúng ta với Đức Kitô, Đấng như là mạch suối và là đầu phát sinh mọi ân sủng và sự sống của đoàn Dân Thiên Chúa[[13]](#footnote-13). Do đó, chúng ta phải thành tâm yêu mến các bạn hữu và những người đồng thừa tự ấy của Đức Kitô, đồng thời cũng là anh chị em và ân nhân đặc biệt của chúng ta, chúng ta phải dâng lời cảm tạ Thiên Chúa vì các ngài[[14]](#footnote-14), cũng như “khiêm tốn kêu cầu, chạy đến xin các ngài chuyển cầu và trợ lực nâng đỡ, để Thiên Chúa ban cho chúng ta muôn ơn lành, nhờ Con của Ngài là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng Cứu Chuộc và Cứu Độ duy nhất của chúng ta”[[15]](#footnote-15). Thật vậy, mọi chứng từ đích thực biểu hiện lòng yêu mến đối với các thánh trên trời, tự bản chất luôn hướng về cùng đích là Đức Kitô, “triều thiên của toàn thể các thánh”[[16]](#footnote-16), và nhờ Người, quy hướng về Thiên Chúa, Đấng được ngưỡng mộ và tôn vinh trong các thánh của Ngài[[17]](#footnote-17).

Sự hợp nhất của chúng ta với Giáo Hội trên trời được thực hiện cách tuyệt hảo, khi chúng ta cùng hợp đoàn hân hoan cử hành lời ngợi khen Thiên Chúa uy linh, đặc biệt trong phụng vụ thánh, ở đó, quyền năng Thánh Thần hoạt động trên chúng ta qua các dấu chỉ bí tích[[18]](#footnote-18), và khi tất cả mọi người thuộc mọi chi tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia đã được cứu chuộc trong máu Đức Kitô (x. Kh 5,9), họp nhau trong một Giáo Hội duy nhất, đồng thanh ca hát ngợi khen một Thiên Chúa Ba Ngôi. Vì thế, khi cử hành hy lễ tạ ơn, chúng ta liên kết mật thiết với việc thờ phượng của Giáo Hội thiên quốc, khi hiệp thông và kính nhớ trước hết Đức Maria vinh hiển, trọn đời đồng trinh, sau là thánh Giuse, các thánh Tông đồ và Tử đạo cùng toàn thể các thánh[[19]](#footnote-19).

**51***.* Thánh Công Đồng thành tâm đón nhận niềm tin cao quý của cha ông chúng ta vào sự hiệp thông sống động giữa chúng ta với các anh chị em được hiển vinh trên trời hay còn phải thanh luyện sau khi chết, và Thánh Công Đồng một lần nữa lấy lại các sắc lệnh của các thánh Công Đồng Nicêa II[[20]](#footnote-20), Firenzê[[21]](#footnote-21) và Trentô[[22]](#footnote-22). Đồng thời, với mối quan tâm đến mục vụ, Công Đồng khích lệ tất cả những vị hữu trách phải bỏ đi hay sửa sai bất kỳ những lạm dụng, thái quá hay bất cập mà có lẽ đã len lỏi vào nơi này nơi kia, và hãy tái lập mọi sự để Thiên Chúa và Đức Kitô được ngợi khen cách trọn hảo hơn. Bởi vậy, các ngài hãy dạy cho tín hữu biết rằng việc tôn kính các thánh cách đích thực không hệ tại ở chỗ thực hành nhiều việc bề ngoài cho bằng gia tăng cường độ tình yêu tích cực của chúng ta, nhờ đó, chúng ta tìm “một gương mẫu nhờ cách sống của các ngài, sự đồng phận nhờ hiệp thông với các ngài và sự trợ giúp nhờ lời chuyển cầu của các ngài”[[23]](#footnote-23), vì thiện ích lớn lao hơn của chính chúng ta và của Giáo Hội. Đàng khác, các mục tử cũng hãy giúp các tín hữu hiểu rằng mối hiệp thông giữa chúng ta và các thánh trên trời, nếu được hiểu theo ánh sáng đầy đủ của đức tin, không hề làm suy giảm sự tôn thờ Thiên Chúa là Cha nhờ Đức Kitô trong Chúa Thánh Thần, trái lại, còn làm cho sự tôn thờ ấy phong phú hơn[[24]](#footnote-24).

Vì nếu luôn liên kết với nhau trong tình yêu thương và nhất tâm ca ngợi Thiên Chúa Ba ngôi chí thánh, thì tất cả chúng ta, những người con của Thiên Chúa và thành viên của cùng một gia đình trong Đức Kitô (x. Dt 3,6), chúng ta sẽ sống đúng với ơn gọi sâu xa nhất của Giáo Hội và sẽ thông phần vào sự cảm nếm trước phụng vụ vinh hiển toàn hảo[[25]](#footnote-25). Khi Đức Kitô xuất hiện và khi kẻ chết sống lại trong vinh quang, ánh sáng Thiên Chúa sẽ chiếu soi Thành Đô Thiên Quốc và Con Chiên sẽ là đuốc sáng của thành (x. Kh 21,24). Bấy giờ toàn thể Giáo Hội gồm các thánh, trong hạnh phúc sung mãn của đức ái, sẽ thờ lạy Thiên Chúa và “Con Chiên đã bị giết” (Kh 5,12) và đồng thanh ca tụng: “Ngợi khen, danh dự, vinh hiển, quyền năng muôn đời, xin dâng lên Đấng ngự trên ngai và Con Chiên” (Kh 5,13-14).

****

**“A Christian who in these times is not a revolutionary is not a Christian”.**

**“Un Chrétien, s’il n’est pas un révolutionnaire en ce temps, n’est pas Chrétien”.**

**“Một Kitô hữu sống trong thời đại này mà không dám lội ngược dòng thì không phải là Kitô hữu”.**

**Đức Giáo Hoàng Phanxicô**

**Chỉ cá sống mới bơi được ngược dòng.**

Khuyết danh (DoCat số 315)

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**ĐÚNG ĐỊA CHỈ**

**Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột**

*(Chúa Nhật VI TN C)*

Kitô hữu chúng ta không xa lạ gì với kinh Tám Mối Phúc Thật. Giáo Hội khẳng định đây chính là bản Hiến Chương Nước Trời. Thế nhưng để hiểu nội dung, ý nghĩa của tám mối phúc thì không hẳn dễ dàng. Tám mối phúc như Tin Mừng thánh Matthêu tường thuật hay là chỉ có bốn mối phúc theo Tin Mừng thánh Luca? Vì sao nghèo khó, sầu khổ, khóc than, bị oán ghét, bị sỉ vả mà lại là có phúc? Một cuộc cách mạng về bậc thang giá trị hay là những thách thức với quan niệm của người đời xưa nay?

Không sợ sai lầm để khẳng định rằng sự khổ hay cái nghèo tự chúng không phải là mối phúc. Nhưng chính người nghèo, người đau khổ là những đối tượng được chúc phúc. Họ được chúc phúc vì họ đang còn biết mong chờ, biết hy vọng một điều gì đó tốt lành hơn đến từ trên cao. Có thể nói rằng họ đã như vô phương tự cứu mình và cũng chẳng còn có thể cậy dựa vào các nguồn lực ở dưới trần gian này. Và khi Đấng cứu độ đến thi ân giáng phúc, thì họ là những người biết mở rộng tâm hồn để sẵn sàng đón nhận.

Chúng ta có thể hiểu điều này khi Chúa Giêsu sau khi chúc phúc cho những người nghèo, người bất hạnh, khốn khổ, thì Người đã báo họa những người bây giờ đang giàu có, vui cười, sung sướng, đang được mọi người ca tụng. Cái khốn của họ là ở thái độ tự thỏa mãn trong tình trạng đủ đầy sự may lành trần gian hiện có. Cái khốn của họ còn thể hiện nơi việc họ đặt niềm tin cậy vào những thiện hảo chóng qua đời này, vào quyền lực của thế gian này, khi cho rằng chúng chính là hạnh phúc thật, là nguồn bảo đảm hạnh phúc thật. Ngôn sứ Giêrêmia đã thẳng thừng: “Đức Chúa phán như sau: Đáng nguyền rủa thay kẻ tin ở người đời, lấy sức phàm nhân là nơi nương tựa, và lòng dạ xa rời Đức Chúa! Người đó sẽ như bụi cây trong hoang địa chẳng được thấy hạnh phúc bao giờ…”(Gr 17,5-6).

Đã là hạnh phúc thật thì phải mãi mãi thường tồn. Những thực tại tốt đẹp ở trần gian này như của cải, chức quyền, bổng lộc…dù quý giá đến mấy thì cũng chỉ là những kho tàng “có thể bị ten sét, bị mối mọt đục khoét, bị mất trộm, mất cướp”(x.Mt 6,19-21). Cái hữu hạn thì không thể đem lại hạnh phúc đích thật. Chỉ có Thiên Chúa, Đấng là nguồn mọi thiện hảo, là Đấng vô thủy vô chung, không hề đổi thay, mới là nguồn của hạnh phúc thật.

Bỏ hình để bắt bóng là một trong những chước cám dỗ muôn đời với con người, nhất là với những người vốn có chút của tiền, danh vọng hay quyền lực trong tay. Có thể nói nhiều luật sĩ, biệt phái, thượng tế thời Chúa Giêsu đã rơi vào chước cám dỗ này. Họ tự hào về lòng đạo đức qua việc giữ luật tỉ mỉ cách bên ngoài của mình. Họ tự cao về sự hiểu biết, về vị thế của mình trước mặt đám đông dân chúng. Họ tự mãn về của cải vật chất và chức quyền đang có trong tay. Vì thế khi Chúa Cứu Thế đến thì họ chối từ Đấng là nguồn của hạnh phúc thật.

Hạnh phúc thật sẽ đến với những ai biết đặt niềm tin cậy vào Thiên Chúa. Giêrêmia khẳng định: “Phúc thay kẻ đặt niềm tin vào Đức Chúa, và có Đức Chúa làm chỗ nương thân. Người ấy như cây trồng bên dòng nước, đâm rễ sâu vào mạch suối trong, mùa nóng có đến cũng chẳng sợ gì, lá trên cành vẫn cứ xanh tươi, gặp năm hạn hán cũng chẳng ngại, và không ngừng trổ sinh hoa trái” (Gr 17,7-8).

Như thế khi chúc phúc cho người nghèo, người khốn khổ, bất hạnh…Chúa Giêsu xác nhận rằng họ đã biết đặt niềm tin cậy đúng địa chỉ, đó là vào chính Người. “Ẩn thân bên cạnh Chúa Trời, thì hơn tin cậy ở người trần gian…”(Tv 118,8). Khi đặt niềm tin cậy vào một ai đó thì chúng ta hoàn toàn giao phó cuộc đời của mình, tương lai của mình, số phận đời đời của mình cho người ấy. Động thái giao phó đời mình được biểu hiện bằng việc đi theo bước chân người mình tin cậy và sống theo lời người ấy chỉ dạy.

Đấng mà chúng ta tự nguyện đặt niềm tin cậy, tức là gắn bó và sống theo lời Người chỉ dạy đó là Giêsu Kitô. Chúa Kitô không chỉ là người có quyền năng trong lời nói và hành động mà Người còn bảy tỏ uy quyền tối thượng của Người bằng việc chiến thắng sự chết. Mầu nhiệm Chúa Phục Sinh là nền tảng để chúng ta đặt niềm tin cậy vào Người. Thánh Phaolô khẳng định: “Nếu Đức Kitô đã không trỗi dậy, thì lòng tin của anh em thật hão huyền, và anh em vẫn còn sống trong tội lỗi của anh em…Nếu chúng ta đặt hy vọng vào Đức Kitô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người” (1Cr 15,17-19).

Đã là người thì ai cũng mong muốn và luôn kiếm tìm hạnh phúc. Tuy nhiên vẫn có nhiều người lầm tưởng tình trạng hạnh phúc là khi có đủ đầy tiện nghi vật chất, chức quyền, danh vọng hay được thỏa mãn một số nhu cầu nào đó. Cái ảo tưởng này sẽ tan vỡ, khi họ đối diện với những biến cố không may trong cuộc đời mà ít ai tránh được và nhất là khi đối diện với cánh cửa sự chết. Hạnh phúc đích thật của con người là tình trạng được hiệp thông với Đấng Tạo Thành như Chúa Giêsu diễn tả là “được Thiên Chúa xót thương, an ủi, được nhìn thấy Thiên Chúa...” Có thể nói đây là cảm nghiệm của các thánh nhân khi cận kề với giờ sinh ly tử biệt mà dân gian quen gọi là “sống thánh – chết lành”.

Không quá khó để đồng thuận với nhau rằng sắc đẹp không qua khỏi làn da, vinh hoa phú quý không theo chúng ta đi vào nấm mộ lạnh. Tuy nhiên biết sống tự do với chúng để hướng tìm hạnh phúc vĩnh tồn thì thật không mấy dễ dàng. Ứớc gì chúng ta biết xác tín đâu là hạnh phúc thật để rồi biết đặt niềm tin cậy đúng địa chỉ. Nếu đêm nay tôi giã từ thế gian này thì tôi sẽ đi về đâu?

***Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa –  Ban Mê Thuột***

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**TUYỆT ĐỐI BẤT XỨNG**

**QUÀ TẶNG TIN MỪNG:**

**LỜI CHÚA Thứ Năm Tuần V TN, Năm Lẻ:**

**TUYỆT ĐỐI BẤT XỨNG**

**Lm. MINH ANH, Tgp. HUẾ**

****

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://youtu.be/RsF0cbmkkD0>

“Lạy Chúa, **những chó con dưới gầm bàn cũng có thể lượm những mảnh bánh vụn của con cái**!”. (Mc 7, 28)

**“Đừng khóc vì tôi, hãy khóc vì chính các bạn!** Tôi đến với Cha của Đức Chúa Giêsu Kitô, Đấng sẽ - thông qua sự trung gian của Con Một Chí Ái - tiếp nhận tôi, **mặc dù tôi là một tội nhân, tuyệt đối bất xứng.** Trước nhan Ngài, **nơi tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp nhau để hát bài ca mới và mãi mãi hạnh phúc, cho đến muôn đời!”** - John Bunyan.



Kính thưa Anh Chị em,

Như một tội nhân được xót thương, John Bunyan - trước khi lìa đời - cảm nhận sâu sắc tình yêu và niềm hy vọng nơi Thiên Chúa, Lời Chúa hôm nay xác định **một chân lý: trước Thiên Chúa, bất cứ ai - kể cả các thánh - tất cả đều ‘tuyệt đối bất xứng!’.**

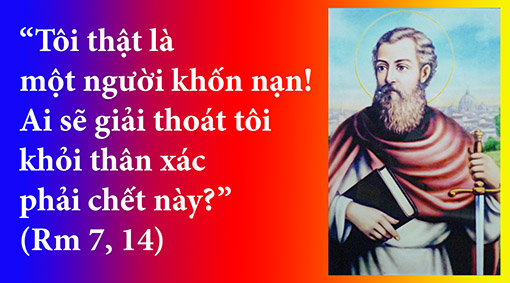
Tin Mừng cho biết, Chúa Giêsu - một người ‘rất Do Thái’ - đang đứng trên phần đất của những người ngoại. Ở đó, Ngài ‘mạo hiểm’ thử thách đức tin của một người mẹ lương dân - người vừa đến ném mình dưới chân Ngài để xin chữa lành cho đứa con gái đang bị quỷ ám. **Đây là câu chuyện dự đoán đức tin của những người ‘ngoại đạo tương lai’ sẽ trở thành Kitô hữu!** Nghe lời cầu xin của cô, Chúa Giêsu đáp, “Phải để con cái ăn no trước đã, vì không được lấy bánh dành cho con cái mà ném cho chó con!”. Tại sao Ngài lại dùng những lời lẽ xem ra khá thô lỗ và lạnh lùng đến thế khi đáp lại một **người mẹ ngoại giáo - vốn được người Do Thái gọi là những con chó?** Ngài có thực sự nói những lời đó không? Tại sao? Có! Chúa Giêsu đã nói như thế!



Trước hết, đừng quên, **bất cứ điều gì Chúa Giêsu nói và làm, luôn luôn là một hành vi yêu thương!** Đó là một hành vi nhân ái ‘độc đáo’ của Ngài! Vậy làm thế nào để dung hoà sự mâu thuẫn ‘thanh thiên bạch nhật’ này với con người xót thương của Ngài? Đâu là chìa khoá để hiểu cuộc đối thoại ‘kỳ cục’ ấy? Hãy xem câu trả lời của người mẹ và kết thúc của cuộc gặp gỡ! Vâng, **cô đã đáp lại với một lòng khiêm hạ thẳm sâu kèm theo một đức tin đáng kinh ngạc,** “Thưa Ngài, đúng thế, nhưng chó con ở dưới gầm bàn lại được ăn những mảnh vụn của đám trẻ nhỏ!”. Chúa Giêsu đầu hàng; Ngài chiều cô, con cô được lành! Phải chăng Ngài đã thấy trước đức tin sâu sắc của cô nên cho cô một cơ hội để thể hiện nó hầu mọi người có thể nhìn thấy? Và cô đã làm như vậy. **Điều Chúa Giêsu nói là đúng, “Chẳng ai xứng đáng” để đương nhiên có quyền hưởng nhận ân điển và lòng thương xót của Ngài. Không ai! Cả cô, con cô, bạn và tôi hoặc bất cứ ai - kể cả một vị thánh - tất cả đều ‘tuyệt đối bất xứng!’.**

****

****

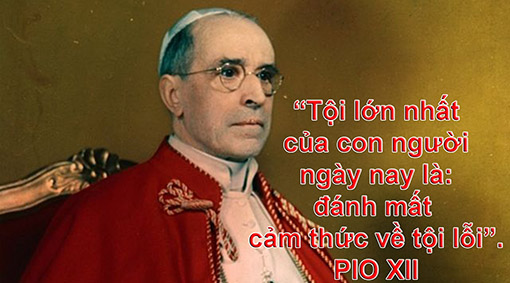
****

Anh Chị em,

Trong cuộc sống, thật dễ dàng để chúng ta rơi vào cái bẫy khi nghĩ rằng, chúng ta xứng đáng với lòng thương xót của Chúa, chúng ta có quyền được hưởng mọi ân huệ của Ngài. Và mặc dù Thiên Chúa vô cùng mong muốn tuôn đổ ân sủng và lòng nhân ái của Ngài một cách dồi dào trên cuộc sống chúng ta, nhưng điều cần thiết là chúng ta **phải hiểu đầy đủ về sự ‘tuyệt đối bất xứng’ của mình - không có gì là đương nhiên cả! Thái độ của người phụ nữ là một mẫu gương hoàn hảo về cách thức chúng ta phải đến với Chúa.**

Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, **con là một tội nhân, giàu có tội lỗi,** hoàn toàn không xứng đáng trước bao ơn lành của Chúa. **Xin hoán cải trái tim con mỗi ngày hầu con bớt bất xứng!”**, Amen.



(**lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: [minhanhhue06@gmail.com](mailto:minhanhhue06@gmail.com) – xin cảm ơn).

**Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ**

**Hẹn gặp lại**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Làm thế nào để giải quyết những mâu thuẫn được cho là của các sách Tin Mừng**

**Chuyên mục:**

**TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN**

**Làm thế nào để giải quyết những mâu thuẫn được cho là của các sách Tin Mừng**

**Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung**

từ <https://www.catholic.com/magazine/online-edition/how-to-resolve-alleged-gospel-contradictions>



Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://youtu.be/xYgy2LFCwVs>

Kitô hữu luôn biết rằng bốn sách Tin Mừng chính thống mô tả **cùng một sự kiện chính trong cuộc đời của Chúa Kitô nhưng theo những cách khác nhau.** Ví dụ, hãy xem xét những gì Thiên Chúa nói khi Chúa Giêsu chịu phép rửa. Trong Máccô 1:11 và Luca 3:22, Thiên Chúa nói, “*Con là Con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con*”. Nhưng trong Mátthêu 3:17, Thiên Chúa nói, “*Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người*”. Vậy thì Thiên Chúa đã nói câu nào, “*Con là Con yêu dấu của Cha*” hay “*Đây là Con yêu dấu của Ta*”?



Sách Phúc âm ngụy thư của người Ebionites thế kỷ thứ hai đã đề xuất một câu trả lời mới cho câu hỏi này. Trong trình thuật này, được viết hơn một thế kỷ sau các sự kiện được cho là nó mô tả, Chúa Cha phán ba lần - có lẽ là để giải thích cho những gì Mátthêu, Máccô và Luca ghi lại. Nhưng điều này có vẻ không hợp lý vì không có sách Tin Mừng chính thống nào - những sách Tin Mừng mà Giáo hội công nhận là được linh hứng - mô tả Chúa Cha phán nhiều hơn một lần. Hơn nữa, Chúa Cha có thực sự cần phải lặp lại với đám đông, hay với Chúa Giêsu, khi cả hai bên đều có thể nghe những gì Ngài nói lần đầu tiên không? [1]

Một lời giải thích tốt hơn cho những đoạn văn như thế này là chúng **chỉ khác nhau ở những gì chúng nói, không phải ở những gì chúng xác quyết.** Điều này đưa chúng ta đến một nguyên tắc chung hữu ích: những mô tả khác nhau của các sách Tin Mừng không đồng nghĩa với mâu thuẫn. Một mâu thuẫn thực sự trong Kinh thánh chỉ xảy ra khi hai câu phát biểu cùng đưa ra một khẳng định rằng cả “X” và “không phải X” đều đúng cùng một lúc và trong cùng một hoàn cảnh. Những mô tả không giống hệt nhau không nhất thiết là mâu thuẫn, bởi vì tác giả có thể không khẳng định sự thật theo nghĩa đen của mọi chi tiết trong lời kể của mình. Điều này có thể hiểu được, xét đến bản chất của văn bản lịch sử cổ đại.

1. **Làm thế nào để viết lịch sử**

Tác giả La Mã thế kỷ thứ hai Lucianus xứ Samosata đã nói rằng nhà sử học **“không được hy sinh cho bất kỳ Vị Thần nào ngoài Chân lý”** và rằng **“Sự thật không được thu thập một cách ngẫu nhiên mà phải thông qua quá trình điều tra cẩn thận, công phu và lặp đi lặp lại”.** [2] Điều này tương tự như lời mở đầu của sách Tin Mừng Luca trong đó vị thánh sử mô tả việc thu thập các nguồn để tạo ra hồ sơ lịch sử về những gì Chúa Giêsu đã nói và đã làm. Cả Luca và Lucianus đều cam kết ghi lại chính xác quá khứ, nhưng Lucianus cũng viết, **“Tinh thần của nhà sử học không được thiếu một chút thi vị.”[**3]



Ví dụ, hãy xem xét cách các nhà sử học cổ đại ghi lại các bài phát biểu được đưa ra hàng thập kỷ hoặc hàng thế kỷ trước đó. Theo Lucianus, các bài phát biểu “phải phù hợp với tính cách của cả người nói và hoàn cảnh… nhưng trong những trường hợp này, bạn có **quyền của luật sư để thể hiện sự hùng biện của mình.”**[4]

Nói cách khác, các nhà sử học có thể soạn thảo các bài phát biểu bằng những từ ngữ chưa từng được nói ra miễn là những từ ngữ họ chọn là những từ ngữ mà người đó sẽ nói. Thucydides, một trong những nhà sử học quan trọng nhất của Hy Lạp cổ đại, đã nói theo cách này: liên quan đến các bài phát biểu trong lịch sử này, một số bài phát biểu được truyền đạt trước khi chiến tranh bắt đầu, những bài phát biểu khác được truyền đạt trong khi chiến tranh đang diễn ra; một số bài phát biểu tôi tự nghe, những bài phát biểu khác tôi lấy từ nhiều nguồn khác nhau; trong mọi trường hợp, thật khó để ghi nhớ từng từ một, vì vậy thói quen của tôi là yêu cầu diễn giả phải nói những gì mà theo tôi là họ được yêu cầu nói trong những dịp khác nhau, tất nhiên là phải **bám sát nhất có thể vào ý chung của những gì họ thực sự nói.** [5]

Học giả nghiên cứu sử học Jonas Grethlein xác nhận điều này: “Người ta đồng ý rộng rãi rằng hầu hết các bài phát biểu trong sử học cổ đại **không sao chép lại *verba ipissima - những gì đã nói ban đầu*.”** [6] **Miễn là ý nghĩa của người nói được bảo toàn,** một nhà sử học cổ đại được tự do sử dụng những từ khác với những gì người nói thực sự có thể đã nói.

Chúng ta vẫn làm như vậy ngay cả ngày nay khi chúng ta diễn giải lại các bài phát biểu tại các sự kiện long trọng. Sau cùng, khi chúng ta được hỏi, “Diễn giả đã nói gì?”, chúng ta sẽ tóm tắt bằng một số trích dẫn – chứ không phải bằng một bài diễn văn dài cả tiếng đồng hồ.

Những gì đúng với các sử gia cổ đại cũng đúng với các tác giả của Tin Mừng. Họ quan tâm đến việc **ghi chép lịch sử, nhưng phong cách viết lịch sử của họ không giống với lịch sử mà chúng ta quen thuộc ngày nay.**

Theo học giả Tân Ước Craig Keener, thật là lạc hậu khi cho rằng lịch sử cổ đại và hiện đại sẽ có tất cả các đặc điểm chung, chẳng hạn như cách soạn thảo bài phát biểu, chỉ vì ngày nay chúng ta sử dụng cùng một thuật ngữ để mô tả cả hai... Các nhà sử học cổ đại đôi khi đã thêm thắt các cảnh vào bài phát biểu để tạo ra một câu chuyện mạch lạc **theo cách mà những người cùng thời mong đợi,** nhưng các nhà sử học hàn lâm hiện đại sẽ không coi cách làm đó là chấp nhận được khi viết cho các đồng nghiệp của họ. [7]

Đây là lý do tại sao khi chúng ta đọc các sách Tin Mừng, chúng ta phải phân biệt giữa **các chân lý mà các tác giả sách Tin Mừng xác quyết và các chi tiết họ cung cấp để đi kèm với các xác quyết đó.** Chi tiết đi kèm có thể thay đổi theo các tiêu chuẩn của tác phẩm lịch sử cổ đại mà không làm ảnh hưởng đến các chân lý mà tác giả muốn bày tỏ với độc giả của mình.

1. **Tác động đến Tin Mừng**

Chúng ta hãy quay lại ví dụ về phép rửa của Chúa Giêsu. Cả ba thánh sử đều đồng ý rằng tại sự kiện này, **Thiên Chúa đã công khai tiết lộ chính Ngài là Cha của Chúa Giêsu.** Các tường thuật của Mátthêu, Máccô và Luca chỉ khác nhau ở những từ ngữ họ sử dụng để mô tả sự mặc khải đó. Mátthêu đã chọn nhấn mạnh cách thông điệp này ảnh hưởng đến đám đông như thế nào, trong khi Máccô và Luca nhấn mạnh cách thông điệp ảnh hưởng đến Chúa Giêsu như thế nào. Không có mâu thuẫn nào cả, bởi vì cả ba thánh sử đều khẳng định cùng một chân lý: **rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa. Các ngài làm như vậy nhưng theo những cách khác nhau.**

****

Cũng có thể nói như vậy về tiếng gà gáy trước khi Phêrô chối Chúa. Mỗi tác giả sách Tin Mừng ghi lại chi tiết này theo cách khác nhau, có thể vì họ sử dụng các nguồn khác nhau, nhưng tất cả đều khẳng định cùng một sự thật: **tiếng gà gáy trùng với lúc Phêrô chối Chúa Giêsu.** Trong thực tế, đôi khi những khác biệt này tiết lộ về tác giả của câu chuyện nhiều hơn là về câu chuyện mà ông đang mô tả.

Ví dụ, hãy nghĩ về cách Máccô mô tả người phụ nữ bị băng huyết mà Chúa Giêsu đã chữa lành. Ông nói rằng bà “*bao phen khổ sở vì chạy thầy chạy thuốc đã nhiều đến tán gia bại sản, mà vẫn tiền mất tật mang, lại còn thêm nặng là khác*” (Máccô 5:26). Mặt khác, Luca, vốn là “*Anh Luca, thầy thuốc yêu quý*” (Côlôsê 4:14), có thể không muốn chỉ trích quá đáng những người đồng nghiệp của mình, vì vậy ông chỉ đơn giản nói rằng “*Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, không ai có thể chữa được*” (Luca 8:43). Cả hai câu đều khẳng định cùng một điều - **thuốc tốt nhất của con người không thể giúp người phụ nữ này. Họ chỉ mô tả sự thật này theo những cách khác nhau.**

Tóm lại, sẽ là một ngụy biện khi nói rằng các sách Tin Mừng phải được sắp xếp theo trình tự thời gian và trình bày chi tiết các tường thuật phong phú về cuộc đời của Chúa Kitô, bằng không thì hẳn các sách Tin Mừng chỉ là các chuyên luận thần học hư cấu. Thay vào đó, thể loại văn học gần đây nhất mô tả các sách Tin Mừng là *bioi*, hay tiểu sử cổ đại. [8]

Theo Richard Burridge, tiểu sử cổ đại “là một thể loại linh hoạt có mối quan hệ chặt chẽ với lịch sử, với lời ca ngợi và hùng biện, với triết lý đạo đức và mối quan tâm đến tính cách.” [9] Mục đích của tiểu sử là **kể lại những câu chuyện về những người quan trọng nhằm mục đích giáo dục người đọc, chứ không chỉ đơn thuần là kể lại những sự kiện lịch sử trong cuộc đời của một người nào đó.**

Burridge tiếp tục nói, “Thúc đẩy giải mã các sách Tin Mừng theo kiểu thể loại tiểu sử hiện đại, trong khi tác giả các sách Tin Mừng mã hóa thông điệp của mình theo thể loại tiểu sử cổ đại, sẽ dẫn đến một điều vô lý khác - đổ lỗi cho văn bản vì nó không chứa đựng những khuynh hướng hiện đại mà nó không bao giờ có ý định chứa đựng.” [10] Điều này bao gồm đổ lỗi cho Máccô vì không mô tả thời thơ ấu của Chúa Giêsu, đổ lỗi cho Gioan vì không mô tả các sự kiện như Bữa Tiệc Ly, hoặc đổ lỗi cho các tác giả các sách Tin Mừng nói chung vì không tuân theo kỳ vọng của chúng ta đối với một tiểu sử hiện đại hoặc đối với một bài báo.



Sự khác biệt giữa các trình thuật Tin Mừng cũng là đặc trưng của các bản văn lịch sử La Mã cổ đại. Ví dụ, có ba tường thuật cổ đại trái ngược nhau về những gì Hoàng đế Nêrô đã làm trong Vụ Cháy Lớn ở Rôma năm 64 sau Công nguyên. Một số người nói cách ẩn dụ rằng ông ấy “chơi đàn trong khi Rôma bốc cháy”, nhưng những người khác nói rằng ông ấy không liên quan gì đến vụ hỏa hoạn. [11]

Vì các học giả hiếm khi nghi ngờ tính chính xác của lịch sử La Mã cổ đại, vốn không phải là Kinh thánh, dù có những mâu thuẫn này, do đó họ nên dành sự tôn trọng tương tự cho các sách Tin Mừng và không vội vàng coi các sách Tin Mừng là những mâu thuẫn phi lịch sử **chỉ vì chúng khác nhau về các chi tiết được ghi lại.**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ghi chú

[1] Ngay cả Tatianus người Syria, tác giả của nỗ lực đầu tiên được biết đến để hài hòa bốn sách Tin Mừng trong Diatessaron, cũng nói rằng Chúa chỉ phán một lần và nói rằng, “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Ngài” (4.28).

[2] “HW Fowler và FG Fowler, dịch, Các tác phẩm của Lucianus xứ Samosata, Tập II (Oxford: Clarendon Press, 1905), 129–31.”

[3] Như trên, 130.

[4] Như trên, 134.

[5] “Thucydides, Lịch sử Chiến tranh Peloponnesian 1.22.1. Được trích dẫn trong Brant Pitre, Trường hợp của Chúa Giêsu: Bằng chứng Kinh thánh và Lịch sử của “Đấng Kitô” (New York: Doubleday, 2016), 79–81).

[6] “Jonas Grethlein, Trải nghiệm và Mục đích luận trong Lịch sử học Cổ đại: “Tương lai trong quá khứ” từ Herodotus đến Augustine (Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2014), 64.

[7] “Craig Keener, Chúa Giêsu lịch sử của các sách Tin Mừng (Grand Rapids, MI: Wm. B. Eerdmans, 2009), 110.”

[8] “Rõ ràng hơn nhiều rằng các sách Tin Mừng thực sự rất giống với các tiểu sử cổ đại (tiếng Hy Lạp, bioi; tiếng La tinh, vitae).” James DG Dunn, Jesus Remembered: Christianity in the Making, Tập 1 (Grand Rapids, MI: William B. Eerdmans, 2003), 185.”

[9] “Richard Burridge, What Are the Gospels?: A Comparison with Graeco-Roman Biography, ấn bản thứ hai (Grand Rapids, MI: William B. Eerdmans, 2004), 67.”

[10] Như trên, 249.

[11] “Các nguồn chính của chúng tôi về vụ cháy là Tacitus, Suetonius và Cassius Dio. Cả ba nhà sử học La Mã cổ đại này đều đồng ý rằng đã xảy ra hỏa hoạn ở Rôma, nhưng họ không đồng ý về hành động của hoàng đế, mà nhiều người tin rằng đã châm lửa nhằm giải phóng không gian để xây dựng cung điện trong tương lai. Chẳng phải Nêrô không chịu trách nhiệm vì ở xa trong thị trấn Antium ven biển ở Latium, phía nam Rôma trong vụ hỏa hoạn như Tacitus nói sao (Biên niên sử 15.44)? Nêrô có cử người đến đốt thành phố và quan sát từ tháp Maecenas như Suetonius nói (Cuộc đời Nêrô 38) không? Hay chính Nêrô đã châm lửa và quan sát từ nóc cung điện hoàng gia như Dio Cassius nói (Lịch sử La Mã 62.16–17)? Xem thêm Michael Licona, The Resurrection of Jesus: A New Historiographical Approach (Downer's Grove, IL: InterVarsity Press, 2010), 570.”

***Phêrô Phạm Văn Trung,***

***Hẹn gặp lại***

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**CÁC TRÌNH THUẬT SÁNG TẠO TRONG THÁNH KINH:**

**[](javascript:showpopup('file=article/1737798849.jpg'))**

**Lm John Minh**

**Câu hỏi:**

Hai trình thuật khác nhau về sáng tạo trong sách Sáng Thế Ký. Trong trình thuật ở chương 1, Thiên Chúa sáng tạo các thú vật trước hết rồi mới đến con người; người nam và người nữ được sáng tạo cùng lúc (Stk 1, 25-27). Trình thuật ở chương 2 thì Thiên Chúa sáng tạo người nam đầu tiên, rồi đến thú vật và cuối cùng là đàn bà (Stk 2, 18-19).

**Trả lời:**

 Có thể chia câu hỏi làm ba phần:

**1. Hai trình thuật khác nhau về sáng tạo trong sách Sáng Thế Ký.**

**Trả lời ngắn gọn:**Có nhiều trình thuật nữa suốt từ đầu đến cuối Thánh Kinh.

**Giải thích thêm:**

Tại sao là hai ?

Chủ đề sáng tạo được trình bày nhiều lần trong Thánh Kinh, nhưng hai chương đầu của sách Sáng Thế nổi bật lên vì có chứa đựng nhiều chi tiết của các truyền thống khác nhau, và được trình bày như bài thi ca, có vần có điệu.

Tại sao khác nhau?

Vì hai chương thuộc hai truyền thống khác nhau. Tuy hai chương có nhiều điểm khác nhau về truyền thống, bố cục, câu văn, v.v... nhưng về những điểm chính thì tương đồng với nhau. Hai bài hát về cùng một chủ đề không nên trình bày giống nhau.

**2. Trong trình thuật ở chương 1, Thiên Chúa sáng tạo các thú vật trước hết rồi mới đến con người; người nam và người nữ được sáng tạo cùng lúc (Stk 1, 25-27).**

**Trả lời ngắn gọn:**Trình thuật này cho thấy con người là đỉnh cao trong công trình sáng tạo.

**Giải thích thêm:**

Có lẽ người đặt câu hỏi muốn hiểu về trình thuật trong hai câu 26 và 27, chứ không phải từ câu 25, trừ khi người đặt câu hỏi trích dẫn từ một nguồn nào khác. Lời khuyên là nên đọc từ 1,1 đến 2,4a để thấy toàn bộ câu truyện.

Những câu Thánh Kinh trích dưới đây lấy từ bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn (NTT) in năm 1976, trừ khi có ghi chú riêng.

**1**1 Khởi thủy Thiên Chúa đã dựng nên trời và đất.

2 Ðất thời trống không mông quạnh,

và tối tăm trên mặt uông mang

và khí thần là là trên mặt nước.

3 Và Thiên Chúa đã phán: "Hãy có ánh sáng!"

và ánh sáng đã có.

4 Và Thiên Chúa đã thấy rằng ánh sáng thực tốt lành,

và Thiên Chúa đã tách ánh sáng với tối tăm.

5 Và Thiên Chúa đã gọi ánh sáng là Ngày,

và tối tăm thì Người gọi là Ðêm.

Và đã có một buổi chiều và đã có một buổi mai.

Ngày thứ nhất.

6 Thiên Chúa đã phán: "Giữa nước hãy có một cái vòm

để nó tách nước với nước". Và đã xảy ra như vậy.

7 Và ThiênChúa đã làm một cái vòm,

cũng đã tách nước phía dưới vòm với nước bên trên vòm.

8 Và Thiên Chúa đã gọi vòm ấy là Trời.

Và đã có một buổi chiều và đã có một buổi mai.

Ngày thứ hai.

9 Và Thiên Chúa đã phán: "Nước dưới vòm hãy tụ lại một chỗ,

để cho khô ráo lộ hiện". Và đã xảy ra như vậy.

10 Và Thiên Chúa đã gọi khô ráo là Ðất,

còn khối nước tụ lại là Biển.

Và Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành.

11 Và Thiên Chúa đã phán: "Ðất hãy xanh um thảo vật xanh tươi,

rau cỏ nảy hạt giống và cây có quả sinh quả theo loại trên đất,

những quả trong có hạt giống". Và đã xảy ra như vậy.

12 Và đất đã mọc thảo vật xanh tươi, rau cỏ nảy hạt giống theo loại,

cây sinh quả trong có hạt giống theo loại.

Và Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành.

13 Và đã có một buổi chiều và đã có một buổi mai.

Ngày thứ ba.

14Và Thiên Chúa đã phán: "Hãy có đèn đóm trên vòm trời

để tách ngày với đêm, và chúng hãy nên

dấu định thời đại hội, định ngày, định năm.

15 Chúng hãy làm đèn đóm nơi vòm trời để soi mặt đất".

Và đã xảy ra như vậy.

16 Và Thiên Chúa đã làm hai cái đèn lớn

- cái đèn lớn hơn để cai ngày, cái đèn nhỏ hơn để cai đêm.

Và thêm có các tinh sao.

17 Và Thiên Chúa đã đặt chúng trên vòm trời để soi mặt đất,

18 Và để cai ngày và đêm cùng để tách sáng với tối.

Và Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành.

19 Và đã có một buổi chiều và đã có một buổi mai.

Ngày thứ tư.

20 Và Thiên Chúa đã phán:

"Nước hãy nhung nhúc những sinh vật lúc nhúc,

và chim hãy bay lượn bên trên đất, nơi mặt vòm trời!"

Và đã xảy ra như vậy.

21Và Thiên Chúa đã dựng nên những thuồng luồng to lớn,

và mọi thứ sinh vật vùng vẫy lúc nhúc dưới nước

theo loại chúng và mọi thứ chim có cánh, theo loại chúng.

Và Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành.

22 Và Thiên Chúa đã chúc lành cho chúng mà rằng:

"Hãy sinh sôi nảy nở, và hãy nên đầy dẫy trong nước.

Chim chóc hãy sinh sôi trên đất".

23 Và đã có một buổi chiều và đã có một buổi mai.

Ngày thứ năm.

24 Và Thiên Chúa đã phán: "Ðất hãy sản xuất ra sinh vật

theo loại: súc vật, côn trùng, mãnh thú theo loại chúng".

Và đã xảy ra như vậy.

25 Và Thiên Chúa đã làm ra mãnh thú theo loại

và súc vật theo loại, và mọi thứ côn trùng trên đất cát theo loại.

Và Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành.

26 Và Thiên Chúa đã phán: "Ta hãy làm ra người

theo hình ảnh Ta, như họa ảnh của Ta.

Chúng hãy trị trên cá biển và chim trời, và trên súc vật và

mọi loài mãnh thú và mọi thứ côn trùng nhung nhúc trên đất".

27 Và Thiên Chúa đã dựng nên người theo hình ảnh mình.

Theo hình ảnh của Thiên Chúa Người đã dựng nên nó.

Là nam là nữ, Người đã dựng nên chúng.

28 Và Thiên Chúa đã chúc lành cho chúng

và Thiên Chúa đã phán bảo chúng:

"Hãy sinh sôi nẩy nở và hãy nên đầy dẫy trên đất.

Và hãy bá chủ nó! Hãy trị trên cá biển và chim trời

và mọi loài sinh vật nhung nhúc trên đất".

29 Và Thiên Chúa đã phán:

"Này Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ lả sinh hạt giống

có trên cả mặt đất, và mọi thứ cây có quả sinh hạt giống,

chúng sẽ làm của ăn cho các ngươi.

30Và cho mọi loài sinh vật trên đất và mọi thứ chim trời

và mọi loài nhung nhúc trên đất, loài có sinh khí nơi mình,

Ta ban các thứ cỏ cây xanh tươi làm của ăn".

Và đã xảy ra như vậy.

31 Và Thiên Chúa đã thấy mọi sự Người đã làm ra:

và này tốt lành quá đỗi. Và đã có một buổi chiều

và đã có một buổi mai.

Ngày thứ sáu.

**2** 1 Thế là đã được hoàn thành trời và đất và các cơ ngũ của chúng hết thảy.2Và ngày thứ bảy Thiên Chúa đã hoàn tất công việc Người làm. Và ngày thứ bảy Người đã nghỉ mọi công việc Người làm. 3Và Thiên Chúa đã chúc lành cho ngày thứ bảy và Người đã tác thành nó, vì ngày ấy, Người đã nghỉ mọi công việc Người đã tạo dựng.

4a Thế đó sự tích trời đất, khi chúng được dựng nên.

-------

Trình thuật này (**1** 1 - **2** 4a)  thuộc truyền thống Tư Tế (P), có niên đại vào khoảng thế kỷ VI BC hoặc thế kỷ IV BC, khá trễ so với các truyền thống khác. Truyền thống này sử dụng kho tàng truyện kể về sáng tạo phổ biến của nhiều dân tộc như là chất liệu để trình bày, không phải những sự kiện như một bản báo cáo khoa học, mà những điểm chính sau đây về Thiên Chúa và con người (chưa liệt kê tất cả):

Hai câu 26 & 27 này cho thấy con người có địa vị cao quý hơn vạn vật vì:

**a. Giống hình ảnh Thiên Chúa:** Ý tưởng này dù chỉ vỏn vẹn trong hai câu nhưng được lặp lại đến bốn lần: ba lần 'hình ảnh' và một lần 'họa ảnh'. Thiên Chúa không chỉ 'phán' hay 'làm' để tạo nên con người như Ngài đã làm với vạn vật, mà dường như Thiên Chúa có sự 'bàn bạc' với chính mình để tạo nên con người. Ngôn ngữ của bản văn cho thấy con người giống hình ảnh Thiên Chúa nên con người là một chủ thể duy nhất như Thiên Chúa là Đấng duy nhất.

**b. Con người được trao quyền làm chủ vũ trụ:**Như Thiên Chúa làm chủ vũ trụ, con người cũng được chia sẻ quyền năng này, thống trị mọi loài Chúa đã dựng nên. Ý tưởng đặt con người làm bá chủ vạn vật nằm trong mục đích sáng tạo ra con người của Thiên Chúa khi Thiên Chúa 'nói' với chính mình (c. 26). Nếu đọc thêm thì sẽ thấy Thiên Chúa truyền đạt mục đích này lại cho con người (c. 28).

**c. Con người có nam có nữ:**Được mang hình ảnh Thiên Chúa nên con người cũng được chia sẻ thiên tính, không phải đơn độc mà có nam có nữ. Lưu ý hai lần chữ 'người', tiếng Hebrew là *adam*, trong các câu 26-27 đều ở số ít, nói lên tính duy nhất và hiệp nhất nam-nữ của con người. Trong tất cả các loài Chúa đã tạo dựng và ban lệnh truyền sinh sản trong chương 1 này, chỉ có con người là có sự phân biệt phái tính.

**d. Con người được chúc lành:** Trong toàn bộ trình thuật sáng tạo này, truyền thống P chỉ dùng chữ 'chúc lành' ba lần:

Lần đầu tiên (cc. 20-24):

22 Và Thiên Chúa đã chúc lành cho chúng mà rằng:

"Hãy sinh sôi nảy nở, và hãy nên đầy dẫy trong nước.

Chim chóc hãy sinh sôi trên đất".

.........

 Đây là những sinh vật ở bậc cao hơn thực vật. Chúng được tạo ra từ đất (c. 24; xem thêm St 2,19) và có 'sinh khí' (c. 30).

Lần thứ hai:

28 Và Thiên Chúa đã chúc lành cho chúng

và Thiên Chúa đã phán bảo chúng:

"Hãy sinh sôi nẩy nở và hãy nên đầy dẫy trên đất.

Và hãy bá chủ nó! Hãy trị trên cá biển và chim trời

và mọi loài sinh vật nhung nhúc trên đất".

Con người là một sinh vật trong thế giới động vật, nhưng ở bậc cao hơn vì giống hình ảnh Thiên Chúa để cai quản muôn loài (c.26), là một chủ thể có phái tính (c.27), và được tạo nên vào 'ngày thứ sáu' (ngày làm việc cuối cùng).

Lần thứ ba:

**2**3Và Thiên Chúa đã chúc lành cho ngày thứ bảy và Người đã tác thành nó, vì ngày ấy, Người đã nghỉ mọi công việc Người đã tạo dựng.

Đây là một nét đặc thù của truyền thống P với việc trình bày ngày thứ bảy là ngày được Thiên Chúa chúc lành. Ngày này sẽ được gọi là Sabát trong giao ước Sinai (Xh **31** 12-17).

**Kết luận 1:**Truyền thống P trình bày việc sáng tạo ra con người là đỉnh cao nhất trong công cuộc sáng tạo ra vũ trụ vạn vật. Như người cha yêu thương và đầy tinh thần trách nhiệm, Thiên Chúa đã dành một thời gian dài chuẩn bị mọi sự rồi cuối cùng mới sáng tạo ra con người. Khi sáng tạo ra con người xong, và trao cho họ quyền quản trị muôn loài rồi Thiên Chúa mới gọi là xong việc và nghỉ ngơi (cc. **2** 1-3).

**2. Trình thuật ở chương 2 thì Thiên Chúa sáng tạo người nam đầu tiên, rồi đến thú vật và cuối cùng là đàn bà (Stk 2, 18-19).**

**Trả lời ngắn gọn:**Trình thuật này cho thấy con người là trung tâm trong công trình sáng tạo.

**Giải thích thêm:**

- Truyền thống Yahwist dùng chữ Yavê và chữ này dần dần cũng trở nên phổ biến trong các truyền thống khác. Lưu ý là Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích vào ngày 29 tháng 6 năm 2008 đã chỉ thị rằng trong các bản văn phụng vụ (sách các bài đọc, sách lễ, sách hát, v.v...) không được dùng tên Thiên Chúa là Yavê. Kinh Thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước (in năm 1998), và bản KPA (2011) trên mạng của nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, dịch là ĐỨC CHÚA (chữ in hoa).

 - Vấn đề bản dịch: Người đặt câu hỏi cho rằng '**Trình thuật ở chương 2 thì Thiên Chúa sáng tạo người nam đầu tiên, rồi đến thú vật và cuối cùng là đàn bà (Stk 2, 18-19)'.**

Phải chi người đặt câu hỏi cho biết bản dịch Stk 2, 18-19 với thứ tự sáng tạo là: 'Người nam - Thú vật - Đàn bà' là bản nào thì hy vọng có thể kiếm cách trả lời.

 Để xem mối quan hệ giữa con người và vạn vật, giữa đàn ông và đàn bà, v.v... trong công trình sáng tạo thì hãy xem toàn bộ trình thuật (2, 4b-25) trong bản KPA (2011), trừ khi có chú thích riêng.

4bNgày ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa làm ra đất và trời, 5chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. 6Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất. 7ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật. 8Rồi ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Ê-đen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra.

9ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác. 10Một con sông từ Ê-đen chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh. 11Tên nhánh thứ nhất là Pi-sôn, nó bao quanh tất cả đất Kha-vi-la là nơi có vàng; 12vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc. 13Tên nhánh thứ hai là Ghi-khôn; nhánh này bao quanh tất cả đất Cút. 14Tên nhánh thứ ba là Tích-ra; nhánh này chảy ở phía đông Át-sua. Còn nhánh thứ bốn là Êu-phơ-rát. 15ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Ê-đen, để cày cấy và canh giữ đất đai. 16ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “Hết mọi trái cây trong vườn, ngươi cứ ăn; 17nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì ngươi không được ăn, vì ngày nào ngươi ăn, chắc chắn ngươi sẽ phải chết.”

18ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó.” 19ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế. 20Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng. 21ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lắp thịt thế vào. 22ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người.

23Con người nói :

“Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi !

Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.”

24Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt.

25Con người và vợ mình, cả hai đều trần truồng mà không xấu hổ trước mặt nhau.

--------

Nếu căn cứ vào bản KPA ở trên thì Stk 2, 18-19 mà người đặt câu hỏi nêu ra thì chỉ có thú vật được tạo ra trong câu 19: 'ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời', còn con người (chưa nói đến phái tính) thì đã được tạo ra trong câu 7 trước đó. Còn đàn ông đàn bà thì được tạo ra từ câu 22 trở đi.

Do đó, hãy xem một vài điểm đáng lưu ý trong bản văn này:

**a. Con người được tạo ra cho ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa (4b-17):**

**Đây có thể coi là giai đoạn 1 của công trình sáng tạo, một giai đoạn khá hoàn chỉnh, giải quyết được yêu cầu của câu 4b. Trong giai đoạn 1 này mọi sự quy hướng về ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa.**

 - Công trình tạo dựng nên đất trời của ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa được truyền thống J gói gọn trong một câu rưỡi (cc. 4b-5), và dường như có một cái gì đó thiếu thiếu trong công trình sáng tạo này. Lý do được ghi rõ: 'vì ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai'.

 - ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa giải quyết chuyện này bằng cách cho 'một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất' (c. 6), và tạo ra con người cách lạ lùng (c. 7). Con người được đặt vào vườn cây ở Ê-đen (c. 8) để cày cấy và canh giữ đất đai (c.15). Đây là sự tham gia của con người vào công trình sáng tạo, và qua đó là mối tương giao mật thiết giữa người và đất.

 - Sau đó, ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa tiếp tục công cuộc sáng tạo. Con người được biết rõ công trình sáng tạo này: vị trí, số lượng, tên của chúng, và những sản vật (cc. 9-14). ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cũng đặt ra ranh giới và lề luật cho con người (c. 16). Sự tuân phục những huấn lệnh này sẽ quyết định số phận con người (c. 17).

 - Chương 2 cho thấy con người là trung tâm của trình thuật sáng tạo vạn vật (sáng tạo trời đất + sáng tạo con người + tiếp tục sáng tạo). Cách con người được tạo ra (bụi đất + sinh khí) khiến con người trở thành cầu nối giữa đất với trời, cho ở nơi tuyệt vời (chữ Ê-đen thường được dịch là 'địa đàng'), chia sẻ quyền sáng tạo (canh tác) với ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa, và 'canh giữ' công trình của Ngài.

**b. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa sáng tạo cho con người:**

**Đây có thể coi là giai đoạn 2 của công trình sáng tạo, một giai đoạn khá độc lập với giai đoạn 1. Trong giai đoạn 2 này ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa quy hướng mọi sự về con người.**

 - ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa thấy rằng con người ở một mình không tốt, muốn 'làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó' (c. 18). Việc ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa sáng tạo ra các động vật từ đất là để con người thấy rằng chúng cũng cùng nguồn gốc như con người. Ngài hy vọng con người sẽ tìm thấy trong những sinh vật được tạo ra vì con người này một sự trợ giúp tương xứng. Ngài dẫn chúng đến cho con người tuyển chọn, 'nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng' (cc. 19-20). Lưu ý trong Thánh Kinh chữ 'trợ tá' ở các câu 18 & 20b vẫn chưa có nghĩa là 'người nữ', lại càng không có nghĩa là người dưới mình. Chữ này xuất hiện rất nhiều lần trong Thánh Kinh và được dịch theo nghĩa tinh thần như 'cứu giúp' (Xh 18,4), 'Ơn phù hộ' (Tv 121,2), v.v.... Chữ này thường mang ý nghĩa 'hồng ân trợ giúp của Thiên Chúa' hơn là ý nghĩa vật chất.

- ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho con người được quyền quyết định 'trợ tá tương xứng' của mình trong các sinh vật mà đã tạo ra cho con người. Khái niệm 'tương xứng' ở đây có thể hiểu: 'Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi !' (c. 23), và 'một xương một thịt' (c.24). Quyền tự do mà ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa ban cho con người đã khiến Ngài 'thất bại' trong hiệp đầu. Ngài phải tìm cách sáng tạo ra 'trợ tá tương xứng' cho con người. Không ai có thể 'tương xứng' với con người trừ khi bởi chính xương thịt con người mà ra.

**c. Con người là một chủ thể hiệp nhất:**

**Đây có thể coi là phần kết thúc của giai đoạn 2. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đã giải quyết thành công được yêu cầu của câu 18.**

- Trước câu 22, tất cả những câu về việc sáng tạo ra con người trong chương 2 này đều diễn tả con người là một chủ thể duy nhất, không hề có sự phân chia phái tính. Chữ 'adam' đã được dùng hai lần trong St 1, 26-27 cũng với ngĩa là 'con người' nói chung. (Nói thêm: Chúa Giêsu dùng chữ 'Con Người'; tiếng Hebrew là 'Ben Adam'). Không có câu nào trước câu 22 nói rằng con người là phái nam.

- Câu 22 là câu 'bản lề' mở ra một chương mới cho con người. Khác với những công trình sáng tạo trước đó, lần này ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phải dùng một giải pháp mới là lấy chất liệu từ con người. Ngài làm cho con người trải qua 'một giấc ngủ mê ập xuống' (c. 21) và được một 'mặc khải' làm biến mất quá khứ 'một mình không tốt'.

- Con người vốn là một chủ thể duy nhất từ đầu trình thuật sáng tạo, nhưng con người được bước vào một chương mới khi người đàn bà được 'làm' ra. Con người, một chủ thể duy nhất, phải 'mất' đi một phần của mình để trở thành 'người nam' (c. 23). Người nam này phải ra đi để 'gắn bó' với phần đã mất của mình hầu trở thành 'một xương một thịt' (c.24) trở lại. Sự kết hợp nam nữ này đã biến đổi chủ thể duy nhất thành chủ thể hiệp nhất.

 “Mình với ta tuy hai mà một

Ta với mình tuy một mà hai”. (Tản Đà)

 Sự 'khắc xuất' trong câu 22 đã 'khắc nhập' trong câu 24, cho nên khó lòng có thể nói có việc 'ai trước ai sau' trong phiên khúc biến đổi từ 'duy nhất' sang 'hiệp nhất'.

 - Chương 2 không nói rõ người nam hay người nữ được tạo ra trước, mà nói người nữ được tạo ra từ 'con người' là một danh từ chung (c. 22). Tất nhiên, cách nói này khiến nhiều người, nhiều truyền thống (ví dụ 1 Tim 2,13) hiểu rằng 'con người' trong danh từ chung này chính là A-đam trong chương 4.

Hơn nữa, khi nói rằng đàn bà được ''rút ra' từ đàn ông (c. 23) thì cũng thể hiểu rằng người nữ 'gá nghĩa, kết hôn' với người nam, vì động từ này trong tiếng Hebrew thường đi kèm với một khế ước. Rồi bản văn nói thêm: 'Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình ...' (c. 24) không có nghĩa là người nam đi theo vợ, mà là nên một cùng với người nữ , thành một chủ thể hiệp nhất.

**Kết luận 2:** Truyền thống J trình bày việc tạo dựng ra con người nằm ở trung tâm và là trọng tâm, chiếm phần lớn trình thuật sáng tạo trong chương 2. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa muốn mọi sự quy phục vào Ngài, và muốn con người do Ngài tạo nên có cuộc sống viên mãn. Tuy nhiên, quyền tự do lựa chọn và quyết định mà con người có trong câu 20 đã khiến con người phải đi một hành trình rất dài. Dù trong cứ hoàn cảnh nào, ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cũng luôn kiếm được một giải pháp tốt nhất cho con người.

**Lm John Minh**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

*Tác Phẩm “****Khám Phá Một Nguồn Vui****”.*

Chúng con trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Khám Phá Một Nguồn Vui”** của Lm Inhatio Trần Ngà biên tập với trọn tấm lòng nhiệt thành và tình yêu muốn chia sẻ với tất cả mọi anh chị em, đặc biệt là các Bạn Trẻ, để giúp nhau xây dựng một nền tảng Đức Tin vững chắc và tiến bước…

Sách đã phát hành và có bán tại các nhà sách Công Giáo, giá rất nhẹ nhàng (15.000), có thể dùng làm quà tặng người thân. Chúng con sẽ giới thiệu tại đây mỗi kỳ một chương.

**Đặc San GS VN**

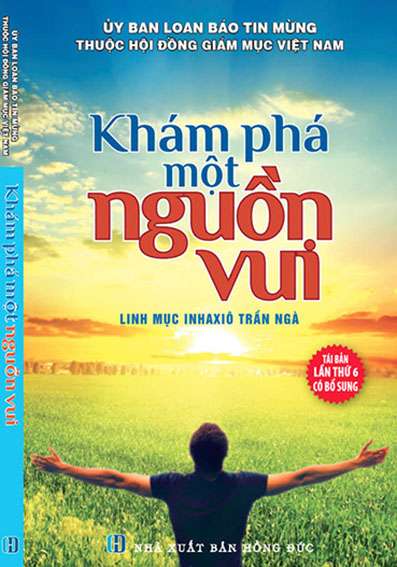
**LỜI GIỚI THIỆU**

**CỦA UỶ BAN LOAN BÁO TIN MỪNG**

*Bạn thân mến,*

*Đức Thánh Cha Phanxicô, qua Tông  Huấn “Niềm Vui của Tin Mừng”, đã nhắc  nhở sứ mạng hàng đầu của Hội Thánh là  loan báo Tin Mừng, đồng thời khích lệ mọi  tín hữu dấn thân vào sứ vụ này với niềm  hân hoan.*

*Đáp lại lời mời gọi của Vị Cha Chung,  với mong muốn đồng hành cùng những tâm  hồn thiện chí khám phá niềm vui bất tận của  Tin Mừng, để rồi chia sẻ với anh chị em chung  quanh, Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng thuộc Hội  Đồng Giám Mục Việt Nam và Chương Trình  Chuyên Đề Giáo Dục thuộc Ban Mục Vụ Gia  Đình Tổng Giáo Phận Sài Gòn xin gởi đến  bạn cuốn sách “****Khám Phá Một Nguồn Vui****”.*

*Tác giả, linh mục Inhaxiô Trần Ngà,  qua những chương ngắn gọn, sẽ trình bày những điều chính yếu trong kho tàng giáo lý  Hội Thánh Công Giáo, giúp bồi bổ kiến thức  giáo lý của bạn.*

*Hy vọng cuốn sách sẽ đem lại niềm vui  cho bạn khi khám phá ra mình có một Người  Cha rất tuyệt vời, và mọi người đều là anh  chị em; để rồi bạn sẽ sống thảo kính Cha  trên trời, sống yêu thương anh chị em dưới  thế, cùng chung tay xây dựng Hội Thánh và  Quê Hương Việt Nam an vui hạnh phúc.*



Hưng Hóa, ngày 24 tháng 11 năm 2014

**+ Anphong Nguyễn Hữu Long**

Giám mục Phụ tá Giáo phận Hưng Hóa

Chủ Tịch Uỷ Ban Loan Báo Tin Mừng

Thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

***Mời bạn lên đường  khám phá một nguồn vui***

***Thưa bạn,***

*Khi bạn lên hai, nếu tôi đưa ra hai món quà để bạn chọn một: một là chiếc bánh, hai là lượng vàng, bạn chọn thứ gì? Tất  nhiên là bánh.*

*Khi bạn ba mươi tuổi, tôi cũng đưa cho bạn hai món này, bạn chọn món nào? Dĩ nhiên là vàng.*

*Tại sao lúc hai tuổi bạn lại chọn bánh? Tại sao lúc ba mươi tuổi, bạn lại chọn  vàng?*

*Vì lúc nhỏ, bạn chỉ biết giá trị của bánh  mà không biết giá trị của vàng; còn khi  khôn lớn, bạn hiểu rõ giá trị của vàng cao  nhiều lần hơn bánh, nên bạn chọn vàng.*

*Cũng thế, xưa nay bạn chưa hiểu giá  trị của Đạo Thánh Chúa nên bạn không  quan tâm, không lựa chọn. Nhưng nếu  ngày nào đó, bạn có cơ duyên biết được  giá trị cao quý của đạo này, chắc chắn bạn  sẽ hân hoan đón nhận.*

*Muốn bắt được cá bạn phải giong buồm ra khơi, không ai có câu được cá ven bờ. Muốn ăn được trái ngon, phải chịu khó leo ngọn cây cao vì những trái nằm trong tầm với của mọi người, chắc không còn cho bạn. Muốn tìm được kỳ nam, bạn phải lặn lội vào rừng sâu đầy gian nan hiểm trở. Muốn tìm được kho báu, bạn phảo phiêu lưu vào chốn khó khăn*

*Vậy muốn thủ đắc được “Kho Đạo Thánh Chúa, bạn cũng cần phải hy sinh thời giờ để tìm hiểu cho tường tận.*

***Nào, mời bạn lên đường khám phá “kho tàng thiêng liêng!”.***

**1Chương**

**CHƯƠNG MỘT:**

**CÓ MỘT THIÊN CHÚA**

**TẠO DỰNG TRỜI ĐẤT MUÔN VẬT**

**I. AI LÀ CHỦ CỦA VŨ TRỤ NÀY?**

Ba trăm người đang du hành trên  một chuyến bay liên lục địa; nhưng  không may, sau 12 giờ cất cánh, máy  bay bị trục trặc kỹ thuật nên phải hạ  cánh khẩn cấp xuống một hải đảo xa  lạ nằm giữa đại dương. Phúc thay, đây  là một miền đất thần tiên với vô vàn  hoa thơm cỏ lạ và cảnh vật đẹp mê hồn,  lại có sẵn cả một dãy lâu đài nguy nga tráng lệ đầy đủ tiện nghi dành cho tất cả  mọi người, bên trong có đầy đủ thức ăn,  nước uống. Tuy vậy, nơi đây lại không có một bóng người.



Thế là các du khách hết sức vui mừng  vì vừa thoát chết trong gang tấc lại vừa  được nghỉ dưỡng trong những cơ ngơi  tuyệt vời.

Bấy giờ, có một vấn đề mà ai nấy đều nôn nao muốn biết và cần phải biết ngay,  đó là: Ai là chủ nhân của tòa lâu đài sang trọng và của giang sơn trù phú này? Vị  chủ nhân đó thuộc hạng người nào, thuộc  diện tiên ông hiền lành tốt bụng hay là  phù thủy nham hiểm, hung ác? Lẽ nào  mình được hưởng dùng những tiện nghi  này mà chẳng cần biết người chủ là ai!

Tương tự như thế, mỗi người chúng  ta cũng được “hạ cánh” xuống địa cầu,  trở thành người khách trọ trong thế giới  huy hoàng tráng lệ này, lẽ nào chúng ta  lại không đặt câu hỏi: “Ai là chủ của thế  giới và vũ trụ rất tuyệt vời này? Ngài là  Đấng như thế nào, hiền lành tốt bụng hay  nham hiểm, hung ác?”

Thế rồi, chúng ta đến gặp những  người vô tín và hỏi: “Ai là chủ của vũ trụ  này?” Họ đáp: “Đây là nhà vô chủ. Nó tự  nhiên mà có, không do ai tạo thành”. Rồi  chúng ta lại tìm hỏi những người khác:  “Ông chủ của vũ trụ này là Đấng thế nào,  hiền lành hay hung ác?” Họ đáp: “Tôi  cũng chẳng biết”.

Không ai trong loài người có thể trả  lời được câu hỏi nêu trên, vì họ cũng chỉ  là người khách trọ trong thế giới này  như ta.

Không ai trên đời biết Đấng nào đã  dựng nên vũ trụ càn khôn cùng muôn vật  muôn loài trong đó, ngoại trừ Đấng từ  trời xuống là Chúa Giêsu.

Khi ra trước tòa Philatô, Chúa Giêsu  tuyên bố: "Tôi đã sinh ra và đã đến thế  gian nhằm mục đích này: làm chứng cho  sự thật" (*Ga 18, 37*). Qua những lời đó,  Chúa Giêsu cho thấy sứ mạng của Ngài  là bày tỏ cho nhân loại biết những sự  thật lớn lao có ảnh hưởng đến vận mệnh  loài người.

Sự thật quan trọng mà Chúa Giêsu  vén mở cho nhân loại bao gồm ba điều  chính yếu sau đây:

\* Một là Thiên Chúa là Đấng tạo dựng  vũ trụ càn khôn.

\* Hai là Thiên Chúa là Người Cha  đầy lòng yêu thương nhân loại là con  cái Ngài.

\* Ba là tất cả mọi người trên thế  giới đều là anh em con cùng một Cha  là Thiên Chúa, nên mọi người phải yêu  thương nhau như Cha trên trời đã yêu  thương họ.

Tiếc thay, còn rất nhiều người trên  thế giới hiện nay chưa nhận biết Thiên  Chúa là Cha tốt lành thánh thiện nên họ  không màng gì đến Ngài, và vì không biết  mọi người là anh chị em con cùng Cha  nên họ sống vô cảm với những người  chung quanh, thậm chí còn coi người  khác là kẻ thù cần phải tiêu diệt không  thương tiếc.

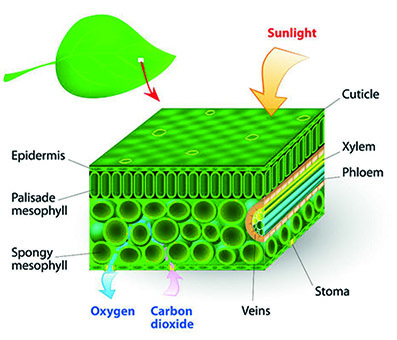
Như thế, sự thật này vô cùng quan  trọng vì nhờ đó, mọi người trên khắp thế  giới được liên kết thành anh chị em một  nhà có cùng một Người Cha.

Sự thật này sẽ đẩy lùi oán thù, ghen  ghét, chia rẽ, chiến tranh do tưởng lầm  người khác là thù địch hay là kẻ xa lạ.

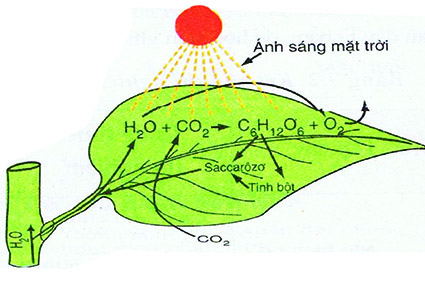
Sự thật này cũng là nền tảng vững  chắc xây dựng hòa bình và hạnh phúc  cho nhân loại, bởi vì ở đâu có yêu thương  huynh đệ, ở đấy sẽ có hạnh phúc, an hòa.

**II. THIÊN CHÚA LÀ ĐẤNG TẠO DỰNG VŨ TRỤ CÀN KHÔN**

**1. Điều kỳ diệu của một chiếc lá**

Bạn hãy thử ngắm nhìn một chiếc lá  trong vô vàn chiếc lá. Những chiếc lá bé  nhỏ kia là những thứ quá tầm thường,  không đáng cho ta quan tâm; nhưng thực ra, chúng là những kỳ quan vĩ đại trong số vô vàn kỳ quan vĩ đại đang bao trùm cuộc sống chúng ta.

Mỗi chiếc lá là một nhà máy tuyệt vời  tự chế biến ra thức ăn để nuôi cây chủ và  nuôi sống nhiều loài động vật khác, kể cả  con người.

Lá hút nước từ đất lên, hóa hợp với khí cacbonic đầy dẫy trong không khí, phơi mình dưới ánh sáng mặt trời (để quang hợp).  Thế rồi từ hai thứ nguyên liệu dư dật này,  lá sản xuất ra khí ôxy trong lành tối cần  thiết cho cuộc sống và cung cấp chất dinh  dưỡng (Glucose C6H12O6) nuôi cây, nuôi  các loài cầm thú và cả loài người.

Nếu không có những chiếc lá quá đỗi  tầm thường này thì sẽ không có rau cỏ,  không có hạt, không có trái cây để nuôi  sống chim chóc, thú vật cũng như con người và như thế, cuộc sống trên địa cầu  sẽ lụi tàn ngay.

Đến đây, chúng ta cần làm sáng tỏ  vấn đề: Ai tạo nên những chiếc lá? Đất  đai chăng?

Các nhà khoa học hiện nay chưa  thể tạo ra những chiếc lá, những con  ong, con kiến… nhỏ bé và kỳ diệu như  ta vẫn thấy đầy dẫy khắp nơi, thì làm  sao đất đai lại tự sinh ra những chiếc  lá được? Hòn đất vô tri không thể tài  giỏi hơn các nhà khoa học.

Chỉ còn một câu trả lời thỏa đáng nhất:  Chính Thiên Chúa là Đấng tạo dựng nên  muôn vật muôn loài, từ những chiếc lá nhỏ  bé cho đến những công trình lớn lao.

**2. Hệ Mặt Trời**

Sau khi ngắm nhìn chiếc lá nhỏ xíu,  giờ đây chúng ta hãy nhìn một hệ thống  lớn lao: Hệ mặt trời.



Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời ở trung  tâm và 8 hành tinh quay chung quanh, theo  thứ tự từ gần đến xa như sau: Sao Thủy,  Sao Kim, Địa Cầu, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao  Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương.

Mỗi một trong số 8 hành tinh này đều  nằm gần như trên cùng một mặt phẳng  với mặt trời và đều quay quanh mặt trời  theo một quỹ đạo nhất định, với một  vận tốc không thay đổi, từ triệu năm này  sang triệu năm khác mà không bao giờ đi  chệch ra khỏi quỹ đạo của mình, không  bao giờ quay nhanh hơn hay chậm hơn  dù chỉ một vài giây.

Thử hỏi:

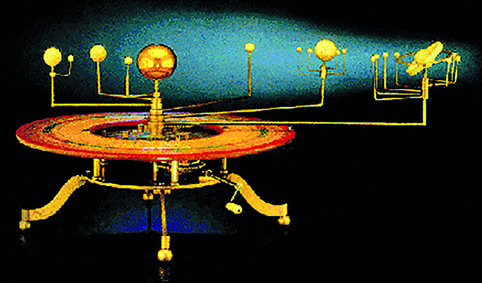
Ai tạo nên Hệ Mặt Trời và điều khiển 8  hành tinh vận hành chung quanh Mặt Trời?

Các hành tinh này là vật chất vô tri  vô giác [Được cấu tạo bằng kim loại và đá (như Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất và Sao Hỏa) hoặc bằng khí heli và hít-rô (như Sao Mộc, Sao Thổ) hoặc bằng băng (gồm nước, ammoniac, mê-tan) như Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương] thì nhờ đâu chúng “rủ nhau”  quay quanh Mặt Trời cách nhịp nhàng  và chính xác như thế. Ví dụ: Chu kỳ Trái  Đất quay quanh Mặt Trời đúng khít 365  ngày 6 giờ, và tự quay quanh trục của  mình 24 giờ, mà không hề sai chạy?

Tại sao quỹ đạo của 8 hành tinh này [Quỹ đạo của 8 hành tinh có độ chênh so với quỹ đạo Trái Đất không đáng kể] hầu như nằm trên cùng một mặt phẳng mà không nằm lộn xộn?

Cách đây nhiều năm, một nhà vật lý, đồng thời cũng là nhà thiên văn học, triết học và toán học nổi tiếng là Isaac Newton (*1643-1727*) tạo ra một mô hình  nhỏ của Hệ Mặt Trời trong phòng làm việc của mình.

Chính giữa mô hình có một quả cầu  vàng tượng trưng cho Mặt Trời và có  những hình cầu nhỏ hơn, tượng trưng  cho Sao Thủy, Sao Kim, Địa Cầu, Sao Hỏa,  Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao  Hải Vương, quay chung quanh.



Tất cả những quả cầu nhỏ được nối  kết với quả cầu lớn nhờ hệ thống bánh xe  răng cưa, nên khi người ta dùng tay quay  cần quay thì 8 quả cầu nhỏ xoay quanh  quả cầu lớn cách nhịp nhàng.

Một hôm, khi Newton đang khảo  sát bộ máy và cho nó vận hành thì một  người bạn của ông, vốn là người không  tin Thiên Chúa là Đấng tạo dựng vũ trụ,  đến thăm ông.

Kinh ngạc trước bộ máy đang vận  hành rất nhịp nhàng, chính xác, ông ta  thốt lên: “Ồ, Newton, thật tuyệt vời! Ai  đã tạo nên cho bạn một bộ máy diệu kỳ  như thế?”

Nhà khoa học đáp: “Có ai tạo nên  đâu! Nó tự có mà!”

Người bạn đáp: “Thật vô lý, không  thể như thế được!”

Newton đáp: “Càng vô lý hơn khi bạn cho rằng Trái Đất và vũ trụ bao la này tự nhiên mà có” *(Theo Richard W. de Haan).*

“Sự vận hành đúng giờ của một  chiếc đồng hồ chứng tỏ phải có một  nhà chế tạo tài giỏi đã làm nên nó;  tương tự như thế, sự vận hành hết sức chính xác của các hành tinh trong vũ  trụ bao la chứng tỏ có một Đấng sáng  tạo đầy quyền năng” *(*Robert Millikan  *(1868-1953)*, *vật lý gia đoạt giải thưởng Nobel).*

*Sao Thuỷ, Sao Kim, Địa Cầu, Sao Hoả, Sao Mộc,  Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương*

***Cùng ngẫm nghĩ:***

1. Sự thật quan trọng mà Chúa  Giêsu vén mở cho nhân loại bao gồm  những điều chính yếu nào?

2.Sự thật do Chúa Giêsu bày tỏ cho  nhân loại có mang lại lợi ích gì cho họ  không?

3.Theo nội dung chương này, ta có  thể dựa vào những hình ảnh cụ thể nào  để biết chắc chắn có Đấng Tạo Hoá?

**Còn tiếp nhiều kỳ**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**NỀN TẢNG VÀ CÙNG ĐÍCH CỦA CUỘC LỮ HÀNH HY VỌNG**

**Phaolô Phạm Xuân Khôi**

Trong cuộc hành trình đức tin, các Kitô hữu được mời gọi sống như những lữ khách trên con đường hướng về Thiên Chúa. Tuy nhiên, nhiều người trong thế giới ngày nay đã đặt hy vọng của mình vào những điều tạm bợ: của cải vật chất, quyền lực, danh vọng, hay những giải pháp nhân tạo để đạt được hạnh phúc. Những loại "hy vọng sai lầm" này thường dẫn đến thất vọng, vì chúng không thể đáp ứng được khát vọng sâu xa nhất của tâm hồn con người.

Hy vọng đích thực không bắt nguồn từ những điều chóng qua, mà từ lời hứa vĩnh cửu của Thiên Chúa. Chủ đề "*Những Người Lữ Hành Hy Vọng*" trong Năm Thánh 2025 nhấn mạnh đến vai trò của niềm hy vọng đặt nơi Đức Kitô, giúp chúng ta vượt qua những thử thách và tìm được nguồn vui thật sự trong hành trình tiến về sự sống đời đời..

**Hy Vọng Bắt Đầu từ Ý Thức về Ơn Cứu Độ**

Hy vọng đích thực bắt nguồn từ việc ý thức rằng con người không thể tự cứu mình mà cần đến ơn cứu độ của Thiên Chúa. Tội Nguyên Tổ đã để lại một vết thương sâu xa trong bản tính con người, khiến chúng ta dễ sa ngã và đối diện với sự yếu đuối. Hội Thánh dạy rằng, việc nhận thức rõ ràng tình trạng tội lỗi và sự cần thiết của ơn thánh là bước đầu để xây dựng niềm hy vọng. Dẫu thế giới hiện đại thường cắt nghĩa tội lỗi qua các yếu tố tâm lý hoặc xã hội, nhưng Hội Thánh khẳng định rằng chỉ khi con người tìm đến Thiên Chúa, chúng ta mới có thể vượt qua sự yếu đuối nội tại và tiến bước trong niềm hy vọng.

**Ơn Cứu Chuộc qua Đức Kitô**

Trước tình trạng của con người, Thiên Chúa đã đáp lại bằng cách ban chính Con Một Ngài, Chúa Giêsu Kitô. Qua cuộc Thương Khó, Cái Chết, và Phục Sinh của Người, Đức Kitô đã mở ra con đường cứu rỗi cho nhân loại. Người không loại bỏ đau khổ mà biến đổi nó, dạy chúng ta cách nhìn thấy ý nghĩa trong những thử thách và kết hợp đau khổ của mình với cuộc Khổ Nạn của Người. Bí tích Thánh Thể, như Hội Thánh dạy, là tột đỉnh của việc cứu chuộc, trong đó chúng ta được nuôi dưỡng để sống trong niềm hy vọng. Bí tích này không chỉ ban ân sủng mà còn là lời mời gọi chúng ta kết hợp với Đức Kitô trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

**Thánh Thể là Lương Thực Nuôi Dưỡng Lữ Khách**

Bí tích Thánh Thể đóng vai trò trung tâm trong hành trình hành trình hy vọng. Trong Bí tích này, Đức Kitô thật sự hiện diện, ban chính Mình và Máu Người để nuôi dưỡng linh hồn chúng ta. Khi rước Mình Máu Thánh Chúa trong các Thánh Lễ, chúng ta không chỉ tham dự vào Hy lễ của Chúa mà còn được kết hợp mật thiết với Người, nhận được sức mạnh để đối diện với những khó khăn trong cuộc sống. Không những thế, Người còn hiện diện liên tục trong các Nhà Tạm để đồng hành với chúng ta. Chúng ta có thể đến tâm sự với Người, than van với Người, hội ý Người, và thậm chí nghỉ ngơi bên Người để được Người bồi dưỡng. Trong một thế giới đầy chia rẽ và tuyệt vọng, Thánh Thể là nguồn hy vọng và hiệp nhất, giúp chúng ta sống yêu thương và làm chứng cho sự hiện diện của Thiên Chúa giữa nhân loại. Nhờ thế chúng ta có thể đem niềm hy vọng này đến cho thế gian qua cách sống của chúng ta trong những tương tác thường nhật.

**Hy Vọng Hướng về Sự Sống Vĩnh Cửu**

Hy vọng Kitô giáo vượt qua mọi giới hạn của thế gian để hướng đến sự sống đời đời bên Thiên Chúa. Bí tích Thánh Thể là nếm trước bữa tiệc thiên quốc, ở đó Thiên Chúa sẽ xóa đi mọi đau khổ và trao ban cho chúng ta niềm vui trọn vẹn. Trong khi nhiều người thời đại tìm kiếm hạnh phúc nơi của cải hoặc quyền lực, Hội Thánh mời gọi chúng ta làm chứng cho niềm hy vọng đích thực nơi Đức Kitô. Hy vọng này đòi hỏi mỗi người hoán cải và sống đức tin qua cầu nguyện, bác ái, và đời sống hy sinh. Sứ vụ của chúng ta là mang ánh sáng của Tin Mừng đến với mọi người, để họ cũng nhận ra niềm vui và ý nghĩa của cuộc đời.

**Kết luận**

Chủ đề "Những Người Lữ Hành Hy Vọng" trong Năm Thánh 2025 là lời mời gọi sống đức tin cách sâu sắc và vững vàng. Hành trình đức tin không tránh khỏi những khó khăn và thử thách, nhưng với niềm hy vọng đặt nơi Đức Kitô, chúng ta được mời gọi bước đi trong tin tưởng và bình an. Thánh Thể chính là nguồn sức mạnh và niềm an ủi trên cuộc hành trình này, giúp chúng ta hướng đến sự sống đời đời. Hãy cùng nhau sống tinh thần lữ hành hy vọng, trở thành ánh sáng thế gian, và dẫn đưa những người khác đến gần Thiên Chúa hơn.

**Câu Hỏi Suy Niệm**

*1. Bạn có nhận thấy nhu cầu về ơn cứu độ trong cuộc sống của mình không? Điều này giúp bạn củng cố niềm tin vào Chúa Kitô như thế nào?*

*2. Bí tích Thánh Thể đã giúp bạn thay đổi đời sống ra sao, và bạn có thể dùng Bí tích này để lan tỏa hy vọng đến người khác không?*

*3. Làm thế nào bạn có thể xây dựng tinh thần đoàn kết trong giáo xứ hoặc cộng đoàn của mình, phản ánh tinh thần "cùng nhau lữ hành"?*

*4. Những bước cụ thể nào bạn sẽ thực hiện để sống và làm chứng cho niềm hy vọng Kitô giáo trong đời sống hàng ngày?*

**Phaolô Phạm Xuân Khôi**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**LÀM SAO ĐỂ ĐỌC LỜI CHÚA NHƯ ĐỌC THƯ TÌNH?**

**Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền,OSB.**

[](javascript:showpopup('file=article/1738936962.jpg'))**Thánh Kinh là bức thư tình,** mà Thiên Chúa ngỏ với toàn thể nhân loại. Đã là thư tình, thì tất yếu, phải **riêng tư, cá vị,** chỉ người tình mới hiểu, mới dâng trào những cung bậc **cảm xúc** theo từng dòng câu, con chữ. Văn tự, chữ viết không hề thay đổi, nhưng, mỗi lần, ta đọc lại bức thư tình, là **mỗi lần** **mới,** không bao giờ có sự trùng lắp, nhàm chán, tẻ nhạt. Ấy thế mà, mỗi khi suy niệm Lời Chúa, chúng ta thường **“nhốt”** Lời Chúa vào trong những **“ngăn tủ”** có sẵn, khiến Lời Chúa bị bóp nghẹt, mất sức sống, để rồi, Lời Chúa không thể trở thành lương thực nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của chúng ta.

**Làm sao để có thể đọc Lời Chúa như đọc một bức thư tình?**Thưa, phải **bám sám Phụng Vụ.** Nếu không **bám sát Phụng Vụ,** chúng ta rất dễ rơi vào sự **lười lĩnh,** bởi vì, ta đã có sẵn những**“bài tủ”,**cứ lấy ra xài, suy niệm chi cho mệt. Chẳng hạn, với **Bài Tin Mừng Mc 6,7-13:** Đức Giêsu sai các Tông Đồ đi rao giảng. Khi gặp những Bài Tin Mừng về việc **sai đi truyền giáo,** chúng ta thường suy niệm: *Người được sai đi, trước hết, phải là người đến “ở với Chúa”, rồi, “được Chúa sai đi”, khi đi, thì đi trong khó nghèo, không cậy dựa vào bất cứ thứ gì khác, ngoài một mình Chúa…*Những suy niệm này **“đúng”,** nhưng, không **“trúng”,**bởi vì, Lời Chúa không chỉ có một mùi vị như thế, mà còn, có đủ mọi mùi vị thơm ngon khác, khi chúng ta đặt đoạn Tin Mừng đó, vào trong từng **bối cảnh** phụng vụ của những ngày lễ cụ thể.

Chẳng hạn, **Bài Tin Mừng Mc 6,7-13**được đặt trong bối cảnhPhụng Vụ của Thứ Năm Tuần IV Thường Niên, Năm lẻ: Bài đọc một, câu in nghiêng được trích từ thư Hípri nói: *Anh em đã tới núi Xion, tới thành đô Thiên Chúa hằng sống.* Tác giả thư Hípri đã so sánh **núi Sinai** với **núi Xion:**các trung gian của **giao ước** **cũ** và Đấng Trung Gian của **giao ước** **mới,**máu của Abel và máu của Đức Kitô. Điều này cho thấy hai chế độ: **lề luật** và **ân sủng;** đến gần núi **Sinai,** núi lề luật với những cảnh tượng hãi hùng, kinh sợ, với những **gánh nặng** của lề luật; đến gần núi **Xion,** núi thánh, đến gần Vị Trung Gian của giao ước mới, Đấng mời gọi hãy mang lấy ách êm ái và **gánh nhẹ nhàng** của Người, để được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Do đó, các nhà Phụng Vụ đã chọn Bài Đáp Ca: Thánh Vịnh 47: *Lạy Thiên Chúa, giữa nơi****đền thánh,****chúng con đón nhận****tình Chúa yêu thương:***Giữa nơi đền thánh, đón nhận **tình yêu,** đón nhận **ân sủng,** chứ không phải đón nhận Lề Luật của núi Sinai. Câu Tung Hô Tin Mừng: ***Triều đại Thiên Chúa****đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào****Tin Mừng.***Triều đại Thiên Chúa là triều đại của **tình yêu,** của **ân sủng;** Tin vào Tin Mừng, là tin vào Đức Kitô, Đấng chính là Ngôi Lời, là **Tin Mừng cứu độ** cho toàn thể nhân loại. Bài Tin Mừng,câu in nghiêng được trích từ Tin Mừng Máccô: ***Đức Giêsu****bắt đầu sai các****Tông Đồ****đi rao giảng.* Thuở xưa nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã dùng **các ngôn sứ** mà phán dạy, nhưng, đến thời sau hết, Người phán dạy qua **Thánh Tử.**Đức Giêsu nhận **sứ mạng** từ Chúa Cha, và Người trao **sứ mạng** đó cho các **Tông Đồ:** *Như Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em.*

 Qua các bản văn Phụng Vụ, và Lời Tổng Nguyện của Thứ Năm Tuần IV Thường Niên: *Xin cho tất cả chúng con biết hết lòng****thờ phượng Chúa,****và thành tâm****yêu mến mọi người.***Như lời Đức Giêsu nói với người phụ nữ bên bờ giếng Giacóp, đã đến lúc không còn **thờ phượng**Thiên Chúa trên núi này hay núi kia, nhưng, **thờ phượng** Người trong Thần Khí và Sự Thật, không còn **thờ phượng** Thiên Chúa bằng thứ lề luật của núi **Sinai,** nhưng, bằng một **luật mới** trên núi thánh, núi **Xion,** thành đô Giêrusalem mới; không còn khiếp sợ Chúa như đầy tớ khiếp sợ ông chủ, nhưng, như **con thơ kính sợ Cha hiền.**Khi **nhìn nhận** Chúa là Cha, thì đồng nghĩa, ta cũng **nhìn nhận** tất cả mọi người là anh chị em con cùng một Cha trên trời. Chúng ta phải **lo cho mình** và **lo cho anh chị em mình** được hưởng ơn cứu độ. Vì thế, ta phải nhanh chân, ra đi loan báo **Tin Mừng**cho tất cả mọi người. Có hạnh phúc nào, mà người nhận được, lại không muốn chia sẻ và làm lan tỏa, để cho **tất cả mọi người** cùng được vui hưởng?

**Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền,OSB.**

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**CỘNG ĐOÀN CẢM THÔNG**

**Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss**

**NGƯỜI NỮ TU**

**SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN**

LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ

TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU

2008 – 2009

**chương NĂM**

**SỐNG TRIỂN NỞ**

**đỜi sỐng cỘng đoàn,**

**YẾU TỐ SỐNG CÒN CỦA TU SĨ**

**tiếp theo**

# C. CỘNG ĐOÀN CẢM THÔNG

# (Slideshow CƯA BỚT THÁNH GIÁ)

# I. MỜI GỌI CẢM THÔNG

“*Phúc cho ai thương xót người vì họ sẽ được xót thương*” (Mt 5:7): Chúa Giêsu đã hứa rằng vì họ cảm thông nên họ sẽ nhận được lòng thương xót.

Một người không cảm thông thì lạnh lùng, vô cảm “*sống bên nhau mà như nước mây hững hờ*…” Một người như vậy không thể đồng cảm với người khác, không thể thấu hiểu cái gì xảy ra trong họ và cho họ.

Sự vô cảm đưa tính ích kỷ và chỉ chăm lo bản thân đến độ thái quá (tự say mê mình, narcissisme: “*tôi mê tôi*”).

Trái lại, sự cảm thông đưa người ta đến với người khác và đồng cảm với họ (x. Đôi bạn Quản Trọng và Bảo Thúc Nha).

Cảm thông bao gồm khả năng nhận biết, kể cả tưởng tượng ra, hoàn cảnh thực tế của tha nhân.

Phim truyện, truyền hình và bây giờ các thực tế ảo của máy tính có thể đánh động trí tưởng tượng và các cảm nhận ở một mức độ sâu xa.

Người xem có thể bật khóc khi nghe những lời cuối cùng của Jeanne d’Arc trên giàn lửa thiêu. Ai cũng cảm phục câu trả lời khôn khéo của ngài: *“Nếu tôi không có ơn nghĩa Chúa, xin Chúa dẫn tôi vào; nếu tôi đang sống trong ơn nghĩa Chúa, xin Chúa giữ gìn cho tôi.”*

Tuy nhiên, việc phơi bày nỗi đau khổ của người khác có thể có phản tác dụng, chẳng hạn người xem có thể trở nên nhẫn tâm trước những điều trông thấy và bỏ đi.

Những hình ảnh truyền hình về chiến tranh, bạo lực trên trẻ em và phụ nữ động viên những người này chống chiến tranh, nhưng cũng có thể đóng lòng trí những người khác lại trước thực tế thương tâm ấy, kể cả phủ nhận nó và coi nó như là một cuốn phim đã được dàn dựng nên.

**II. CẢM THÔNG VÀ CÔNG BẰNG**

Thấy được mối liên hệ giữa cảm thông và công bằng, và biết rằng nếu không có cảm thông thì không thể sống cách công bằng được là điều quan trọng: *tỏ sự bất bình và can thiệp khi người lớn bắt nạt trẻ nhỏ, người mạnh ăn hiếp người yếu…* ‘KIẾN NGHĨA BẤT VI BẤT NGHĨA”

Do đó, việc lấy lại được cảm thức thương xót và coi nó như căn bản của bất cứ cảm thức luân lý và công bằng nào là điều rất quan trọng.

Cảm thông là tâm điểm của công bằng đích thực.

Nếu chúng ta nhìn thấy những người chung quanh chúng ta đau khổ mà kết luận là "do lỗi của chính họ", và nếu chúng ta nghe các nhà chính trị nói về sự cân bằng ngân sách trên lưng người lao động (người nghèo) mà vẫn thản nhiên, thì chúng ta đã đánh mất, không chỉ cảm thức cảm thông, mà còn đánh mất cả cảm thức của chúng ta về công bằng nữa.

Khi nghe có kẻ nói "Tại sao đồng tiền của người khó nhọc làm việc lại phải giúp cho những kẻ biếng nhác?", chúng ta phải thấy là “*không ổn*” vì không những lời nói đó có thể dựa trên những thông tin sai lầm, mà còn đánh giá thấp những người đau khổ, trẻ em, người già, thất nghiệp (*x. dụ ngôn người làm từ giớ thứ 11*), và tạo nên hố sâu giữa chúng ta và những người đang phải đau khổ.

Lời kêu gọi công bằng không phải là việc của một chọn lựa, song đúng hơn là việc của trách nhiệm.

Đó là một lời mời gọi căn bản đối với nhân tính.

Dù được các tôn giáo kêu gọi và hỗ trợ, công bằng tự nó thuộc bản chất của nhân tính. Ngay cả trẻ con cũng nhận ra cái gì là công bằng và cái gì là không công bằng, và chống lại những việc bất công.

Cái dễ làm cho chúng ta trở nên bất nhân đối với nhau chính là khuynh hướng thiết lập sự đối chọi "chúng ta - chúng nó."

Nếu chúng ta nhìn mình đối nghịch với tha nhân thì càng dễ trở nên độc ác hơn nữa.

**III. TRỌNG TÂM ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN**

Một thực tế vừa phát triển vừa suy tàn trong thế giới hiện đại là khát vọng sống cộng đoàn, bởi vì thực tế đời sống cộng đoàn (sống hiệp nhất với) bị áp đảo bởi nhu cầu cá nhân bảo vệ chính mình (cá nhân chủ nghĩa).

Sống cộng đoàn có nghĩa là hợp nhất với nhau và cam kết trả cái giá của sự hợp nhất ấy: sẵn sàng cống hiến sự trợ giúp cũng như sẵn sàng tìm kiếm sự trợ giúp.

Có một sự hỗ tương trong cộng đoàn đòi hỏi cả hai, vừa trao ban vừa lãnh nhận: Cộng đoàn không thể tồn tại nếu không có sự hiểu nhau và lòng cảm thông.

Mỗi thành viên được kêu gọi giúp đỡ chính mình, giúp đỡ người khác và để người khác giúp đỡ mình.

Cộng đoàn cảm thông phải được ưu tiên xây dựng trên lòng tín nhiệm và mối tương quan. Công trình này phải được thực hiện bởi các nỗ lực cá nhân và nhóm.

Hạt giống đã được gieo sâu vào văn hóa nhân bản (con người là con vật có tính xã hội cao), nhưng cần phải được nuôi dưỡng, nhất là vào thời điểm mà lòng cảm thông và nếp sống cộng đoàn bị đe dọa bởi sự tự vun quén cho bản thân của một số người.

Chúng ta cần được chuyển vào một giai đoạn liên đới quan trong của lịch sử con người. Nhu cầu đã tạo nên những khả năng để phát triển một thực tại dân sự mới, trong đó người ta đáp ứng nhu cầu của tha nhân mà không nhận thấy rằng lợi ích của nhiều người được gắn liền với lợi ích của chính họ, và ngược lại.

Nhiều người viết và nói đến giá trị của một “xã hội tốt đẹp” phối hợp lợi ích cá nhân với ý thức cộng đồng. Chúng ta thấy gương của những người đã kinh nghiệm một biến đổi nội tâm khiến họ chìa tay ra cứu giúp những người đang gặp khó khăn. Các nhóm tình nguyện là một tuyên bố hùng hồn rằng khi chúng ta chăm sóc những người khác là chúng ta giúp đỡ chính chúng ta, không ít hơn những ai chúng ta cứu giúp.

Thời đại mới đòi hỏi những cơ cấu mới phục vụ công ích. Nếu chúng ta muốn phát triển những cơ cấu như thế, chúng ta sẽ cần đến những con người có quan tâm và khả năng thực hiện những quan niệm mới và những chương trình hành động mới.

Do đó, ta cần không ngừng đổi mới quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động, cách sống và cách yêu thương. Lòng cảm thông là cái cần phải có để mang lại sự đổi mới các yếu tố cộng đoàn rất cần thiết cho ngày hôm nay. Các cơ cấu nhân bản cần được trở về với một thực tại cảm thông hơn và chú tâm tới đời sống cộng đồng.

Cảm thức tùy thuộc lẫn nhau phải là tâm điểm của bất cứ cộng đoàn đích thực nào. Người ta không thể quay lưng lại với nhau: cùng đi trên một chiếc thuyền, để thuyền chìm thì cùng chết tất cả. Nhưng tinh thần thuộc về nhau này bị đánh mất vì cái tôi chủ nghĩa, và những hình thức bạo động chống đối và loại trừ lẫn nhau.

Cộng đoàn cảm thông vận hành một cách đúng đắn rõ ràng là nhu cầu thiết yếu cho thế giới hiện tại. Chính cộng đoàn cảm thông và công bằng làm cho hành trình thiêng liêng của chúng ta càng ngày càng tiến bộ.

**IV. LÒNG CẢM THÔNG**

**VÀ LẦM LỖI CỦA NGƯỜI KHÁC**

Chúng ta đừng quên tiến trình chỉ bảo huynh đệ để sửa chữa lầm lỗi của người khác mà Chúa Giêsu dạy trong Phúc âm Mt.18, 15-17.

*“Nếu anh chị em ngươi trót phạm tội, thì hãy đi sửa lỗi nó, riêng ngươi với nó thôi. Nếu nó nghe ngươi, ngươi đã lợi được người anh chị em. Nếu nó không nghe ngươi, ngươi hãy kèm theo một/hai người nữa, để tất cả công việc được đoán định do miệng hai/ba nhân chứng. Nếu nó không màng nghe họ, hãy thưa với cộng đoàn…”*

Một người có thể phạm lỗi cố tình hay vô tình, biết rõ hay không biết gì. Người có trách nhiệm có thể có hai thái độ hành xử:

* hoặc là phòng bệnh,
* hoặc là chữa bệnh.

Người cảm thông phòng bệnh đi bước trước, ngăn ngừa những ảnh hưởng tác hại từ bên ngoài, hay dập tắt ngay từ trứng nước cái mầm bệnh từ bên trong, để lỗi lầm không thể xảy ra.

Như người làm nông năng thăm vườn cây, khi phát hiện cây bị sâu bệnh liền phun thuốc diệt sâu bệnh hại cây, người cảm thông đón trước, khuyến cáo ngay lỗi lầm có thể, ngăn ngừa các ảnh hưởng và nguyên nhân từ bên ngoài, hay những yếu đuối từ bên trong thân phận con người.

Người cảm thông tin tưởng vào sự biến đổi tốt đẹp trong tương lai, cho người phạm lỗi biết lỗi, lắng nghe lời giải thích biện hộ, kết luận xác định đúng lỗi lầm, cho đương sự cơ hội và thời gian sửa chữa, và nhẫn nại giúp đương sự tập đức tính ngược lại, hy vọng vào kết quả sẽ có trong tương lai.

Như dụ ngôn cây vả của Chúa Giêsu*: "Người kia có một cây vả trồng trong vườn nho mình. Bác ta ra cây tìm trái mà không thấy, nên bảo người làm vườn: ‘Anh coi, đã ba năm nay tôi ra cây vả này tìm trái, mà không thấy. Vậy anh chặt nó đi, để làm gì cho hại đất?’ Nhưng người làm vườn đáp: ‘Thưa ông, xin cứ để nó lại năm nay nữa. Tôi sẽ vun xới chung quanh, và bón phân cho nó. May ra sang năm nó có trái, nếu không thì ông sẽ chặt nó đi*’” (Lk 13: 6-9)

Người thiếu cảm thông mới khám phá thấy lỗi lầm đã có biện pháp ngay, vì óc cầu toàn đòi hỏi và đốt giai đoạn, coi người khác như đã đạt tới trình độ của mình. Thật đáng tiếc!

Hoặc khá hơn, người thiếu cảm thông sẽ chờ đợi lỗi lầm trở nên rõ ràng để có biện pháp, nhất là khi người có lỗi che đậy, giấu giếm vì một lý do nào đó.

Cũng tùy thái độ ngoan cố và thiếu tinh thần phục thiện của người lầm lỗi, người thiếu cảm thông thường âm thầm theo dõi, hoặc tệ hại hơn, (ngược với sư phạm giáo dục đích thực), đặt người theo dõi và báo cáo, có khi còn “gài bẩy” cho mắc phải để đương sự không thể cãi lại, chữa mình hay chối cãi được nữa.

*Một khi người lớn thẳng tay,*

*Chao ôi, ngậm đắng nuốt cay thế nào,*

*Nỗi lòng biết tỏ làm sao,*

*Bất công đành chịu tuôn trào nước mắt,*

*Nhiều phen muốn bỏ đi phắt,*

*Ra sao mặc kệ số dắt số dìu!*

Chớ gì tiến trình chỉ bảo huynh đệ của Chúa Giêsu được thực thi. Cha ông chúng ta cũng từng quan niệm: “Nhân thùy vô quá, hữu quá tắc cãi, thị vị vô quá” (Đã là người thì ai ai cũng đều có lỗi, có lỗi thì sửa lỗi, và như vậy sẽ không còn lỗi nữa)

Tuy nhiên, để thực hiện lòng nhân ái ấy, chúng ta cần khéo léo sử dụng kỹ năng chỉ bảo huynh đệ “feed-back”, áp dụng vào Đào tạo và Tự đào tạo, cả về chiều dọc lẫn chiều ngang.

Người và ta, trên và dưới gặp được nhau, đối thọai được với nhau, hiểu được nhau trong mọi quan điểm thì mọi việc đều được giải quyết dễ dàng và tốt đẹp. Tiến trình này sẽ dễ dàng hơn khi cùng nhận ra hoạt động của Thiên Chúa xuyên qua các biến cố thăng trầm của cuộc đời. Gương David khiêm tốn nhận ra chương trình của Chúa trong cơn hoạn nạn chạy trốn khỏi chính con trai của mình: “Người đưa tin đến nói với vua Đavít: ‘Lòng người Ít-ra-en đã theo Áp-sa-lôm.’ Vua Đa-vít bảo toàn thể triều thần ở với vua tại Giê-ru-sa-lem: ‘Đứng lên! Chúng ta chạy trốn đi, vì chúng ta sẽ không thoát được Áp-sa-lôm. Đi cho mau, kẻo chẳng mấy chốc nó đuổi kịp chúng ta, giáng tai hoạ xuống chúng ta và dùng lưỡi gươm giết dân thành.’ Vua Đa-vít lên dốc Cây Ô-liu, vừa lên vừa khóc, đầu trùm khăn, chân đi đất, và toàn dân đi với vua ai cũng đầu trùm khăn, vừa lên vừa khóc. (2 Sm 15,13-14.30)

“Khi vua Đa-vít đến Ba-khu-rim thì kìa có một người từ đó đi ra. Y thuộc cùng một thị tộc với nhà Sa-un, và tên là Sim-y, con ông Ghê-ra. Y vừa đi ra vừa nguyền rủa. Y ném đá vào vua Đa-vít và tất cả bề tôi vua, mặc dầu có toàn thể quân đội và toàn thể các dũng sĩ ở bên phải và bên trái vua. Sim-y nói thế này trong lời nguyền rủa của y: ‘Cút đi, cút đi, tên khát máu, thằng vô lại! Đức Chúa đã đổ xuống đầu mày tất cả máu của nhà Sa-un, người đã bị mày chiếm ngôi, và Đức Chúa đã trao vương quyền vào tay Áp-sa-lôm, con mày. Và này, mày phải tai hoạ, vì mày là tên khát máu!”(2 Sm 16, 5-8)

“Ông A-vi-sai, con bà Xõ-ru-gia, thưa với vua: ‘Tại sao thằng chó chết này dám nguyền rủa đức vua là chúa thượng tôi? Xin cho tôi qua chặt đầu nó!’ Vua nói: ‘Chuyện của ta can gì đến các ngươi, hỡi các con bà Xõ-ru-gia? Nếu nó nguyền rủa và nếu Đức Chúa bảo nó: ‘Hãy nguyền rủa Đa-vít’, thì ai dám hỏi: ‘Tại sao mày làm nhý thế?’ Vua Đa-vít nói với ông A-vi-sai và tất cả bề tôi: ‘Này con trai ta, do chính ta sinh ra mà còn tìm hại mạng sống ta, huống chi là tên Ben-gia-min này! Cứ để nó nguyền rủa, nếu Đức Chúa đã bảo nó. May ra Đức Chúa sẽ đoái nhìn đến nỗi khổ cực của ta và Đức Chúa sẽ trả lại cho ta hạnh phúc, thay vì lời nguyền rủa của nó hôm nay.” (2 Sm 16: 9-12)

**V. CỘNG ĐOÀN VÀ ĐƯỜNG LỐI CẢM THÔNG**

*“Hãy trắc ẩn như Chúa hằng động lòng trắc ẩn” (Lk 6,36)*

Người thời nay nhấn mạnh đến quyền lực kinh tế và sự thống trị chính trị. Nhiều ngýời lãng quên giáo huấn trọng tâm của Chúa Giêsu: “*Anh chị em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh chị em*”

Cuộc sống chúng ta cách nào đó xa lạ với Chúa Giêsu, Đấng đã bước đi giữa dân chúng, chữa lành người ốm đau, nuôi ăn người đói khát, tha thứ cho người ngoại tình bị bắt, và dạy luật mới của tình yêu: yêu nhau như Chúa yêu, và yêu cả kẻ thù.

Cộng đoàn chúng ta phải làm chứng tá cho các giá trị Phúc âm như con đường canh tân cuộc sống và các mối tương quan, và truyền lại sức sống ấy cho thế giới đã lạc đường hay có lẽ đã “*bán quyền trưởng nam đổi lấy bát cháo.”*

Việc khám phá ra và thực sự sống sự phong phú của đời sống tu đức giúp chúng ta đạt tới một ý thức được canh tân về một cộng đoàn cảm thông và công bằng.

Tu đức nhắc nhở chúng ta rằng yếu tố quan trọng nhất của cuộc sống trên trần gian này được nối kết sâu xa với một cái gì lớn hơn thế giới này, tức Nước vĩnh hằng của Thiên Chúa, và ta phải nỗ lực thiết lập một nền tảng vững chắc cho một cộng đoàn nhân ái, cảm thông và công bằng, vốn là dấu chỉ và chứng tá của Nước Trời.

Kinh Thánh luôn nói đến tầm quan trọng của việc chăm sóc người nghèo, người đau khổ, cô nhi quả phụ, người đau ốm. Và cám õn Chúa, đó là một nét nổi bật của đạo Công giáo chúng ta.

Đối với Chúa Giêsu, lòng cảm thông trắc ẩn là phẩm chất nồng cốt trong đời sống của bất cứ ai lấy Chúa làm trọng tâm để bắt chước: “Hãy có lòng trắc ẩn như Cha trên trời hằng động lòng trắc ẩn” (x. Lk 6:36) - “Vui với người vui, khóc với người khóc” (Rm 12:15).

(Hát ĐÂU CÓ TÌNH YÊU THƯƠNG)

Sự bắt chước Chúa này vượt quá đầu óc duy lý của con người trần gian. Việc bắt chước Chúa Giêsu chú trọng tới cảm nhận nỗi đau của người khác, khiến chúng ta phải ra tay làm một cái gì để làm nhẹ bớt nỗi đau khổ đó. Việc cảm nhận lòng thương xót dẫn chúng ta đến từ tâm trong hành động.

*“Ngày sabát kia, Đức Giêsu giảng dạy trong một hội đường. Ở đó, có một phụ nữ bị quỷ làm cho tàn tật đã mười tám năm. Lưng bà còng hẳn xuống và bà không thể nào đứng thẳng lên được. Trông thấy bà, Đức Giêsu gọi lại và bảo: "Này bà, bà đã được giải thoát khỏi tật nguyền! " Rồi Người đặt tay trên bà, tức khắc bà đứng thẳng lên được và tôn vinh Thiên Chúa. Ông trưởng hội đường tức tối vì Đức Giêsu đã chữa bệnh vào ngày sabát. Ông lên tiếng nói với đám đông rằng: "Đã có sáu ngày để làm việc, thì đến mà xin chữa bệnh những ngày đó, đừng có đến vào ngày sabát!“ Chúa đáp: "Những kẻ đạo đức giả kia! Thế ngày sabát, ai trong các người lại không cởi dây, dắt bò lừa rời máng cỏ đi uống nước? Còn bà này, là con cháu ông Ápraham, bị Xatan trói buộc đã mười tám năm nay, thì chẳng lẽ lại không được cởi xiềng xích đó trong ngày sabát sao?" Nghe Người nói thế, tất cả những kẻ chống đối Người lấy làm xấu hổ, còn toàn thể đám đông thì vui mừng vì mọi việc hiển hách Người đã thực hiện” (Lk 13,10-17)*

Chúa Giêsu kể câu chuyện vị tư tế và trợ tế đã tránh đi qua bỏ mặc người bị nạn trên đường Giêricô, trong khi người Samaritanô đã băng bó vết thương, mang vào quán trọ cứu giúp và trả tiền chăm sóc cho người ấy. Ngài đã coi người không bỏ đi là mẫu gương của người cảm thông.

Theo Chúa Giêsu, cộng đoàn nào bỏ đi khỏi người đang có nhu cầu nhất liều mình làm cho Chúa không hài lòng. “Kẻ nào áp bức người nghèo là lăng mạ Đấng dựng nên mình, còn kẻ nào tốt với người quẩn bách là tôn vinh Thiên Chúa” (Cn 14,31)

Chúa Giêsu nhận cho sứ mệnh mình câu định nghĩa của Isaia: “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Ngài đã xức dầu sai tôi loan báo Tin mừng cho người nghèo khó, giải thoát kẻ tù đày, cho người mù được thấy, trả tự do cho người bị áp bức, công bố năm hồng ân của Thiên Chúa” (Lk 4, 18-19).

Sự công chính đích thực mà Chúa mời gọi đòi hỏi một đáp trả sâu xa và cảm thông, hơn là một sự công bằng đơn thuần. Và thường chúng ta không đạt tới những đòi hỏi của Chúa.

Còn tệ hơn nữa là biết rõ những gì Chúa đòi hỏi, nhưng lại làm hỏng lời mời gọi đó bằng cách rao giảng và sống một sứ điệp thiếu cảm thông, thiếu ân cần đối với người nghèo, dù có nói là Giáo Hội ưu tiên chọn đứng về phía người nghèo, người bị bỏ quên, người quẩn bách, người đứng bên lề, người bị áp bức, người không có tiếng nói…

(Slideshow CHÚA GIÊSU NÓI GÌ TRÊN THẬP GIÁ?)

*“Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Người là Cha giàu lòng từ bi lân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an. Người luôn nâng đỡ ủi an chúng ta trong mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó”* (2 Cr 1,3-4)

**VI. CÔNG BẰNG BÊN TRONG**

**CỘNG ĐOÀN CẢM THÔNG**

*“Hỡi dân Ta, Chúa đã tỏ cho ngươi biết cái gì là tốt, và cái gì Chúa đòi hỏi ngươi, nếu không phải là thực thi công bình, đối xử tốt với nhau và khiêm tốn bước đi cùng Chúa” (Mica 6:8)*

Trong đời sống phục vụ với tư cách là tu sĩ, nhiều việc chúng ta cho là bác ái, nhưng kỳ thực là việc của đức công bằng: chăm sóc một thành viên bị ốm thuộc về công bằng, chăm sóc một cụ già hàng xóm neo đơn… thuộc về bác ái.

Suy tư về từ ngữ bác ái và công bằng, chúng ta nhận thấy mỗi chữ có một cảm nhận khác nhau.

(Slideshow HÃY BIẾT ƠN CUỘC SỐNG)

Khi nghĩ tới bác ái, cái đến ngay trong trí chúng ta là những công việc của lòng từ tâm phát ra từ sự giàu có dư dật hay những cảm nghĩ cao thượng của chúng ta. Những việc này chúng ta không bị bó buộc phải làm, nhưng vì chúng ta động lòng.

Điều này cho chúng ta thấy hậu quả của lòng cảm thông trắc ẩn. Bị động lòng vì đau khổ của người khác, chúng ta làm một việc bác ái, nghĩa là chúng ta làm một việc gì đó không đòi hỏi chúng ta bị bó buộc phải làm.

Công bằng là một cái gì đi trước bác ái. Chúng là hai chị em ruột. Thiên Chúa rất công bằng, nhưng từ bi thương xót và hay tha thứ: Loài người phạm tội phải chết, nhưng Chúa đến cứu độ.

Công việc chữa lành không phải là bác ái, vì dân chúng có quyền có sức khoẻ và được giúp đỡ trong khi đau ốm. Cho người đói ăn là cho họ cái mà họ có quyền là của họ.

Sự sống, tự do và tìm kiếm hạnh phúc là quyền mà người dân phải có. Nhưng họ không thể có được những thứ đó, nếu họ không có lương thực, nhà ở, sức khoẻ, việc làm và giáo dục. Và Nhà Nước có bổn phận phải cung cấp cho họ.

Một xã hội đúng đắn nhìn nhận một số quyền căn bản mà tất cả mọi người đều được hưởng. Dân chúng thường coi hệ thống trợ cấp như một thứ quỹ có thể được tiếp tục hay bị cắt bỏ vì nó là một hình thức bác ái của nhà nước. Nhưng không phải như vậy đâu.

Kỳ thực, đó là một trong những đường lối mà Nhà Nước chu toàn các yêu sách về công bằng đối với dân chúng của mình. Mọi người đều có một đòi buộc về công bằng.

Hành động một cách đúng đắn là một đặc tính của một con người tốt cũng như của một xã hội tốt. Một người công bằng không chỉ trực tiếp quan tâm đối với cộng đồng gia đình mình, nhưng cũng đối với cộng đồng rộng lớn hơn là quốc gia và Giáo hội, có thể trải rộng ra cả thế giới.

Sống công bằng là một thách đố.

Người ta quan tâm đến người nghèo, cô nhi quả phụ, và người đau ốm vì đức công bằng đòi hỏi như vậy. Dù chúng ta chấp nhận hay không, bác ái có một yếu tố là làm cái gì chúng ta có khả năng, hay do lòng tốt của chúng ta, nếu chúng ta có thời gian rảnh rỗi hay tiền bạc dư thừa.

Trái lại, công bằng đòi hỏi chúng ta làm tất cả những gì chúng ta phải làm, bất kể cái giá phải trả. Như một phần thiết yếu của cuộc sống tốt, đức công bằng là mối quan tâm và trách nhiệm của mỗi người chúng ta.

Công bằng là một lời mời gọi cá nhân, dựa trên tình nhân loại, và cũng là một đức tính cần thiết của các cơ cấu tốt, hệ thống tốt và chính quyền tốt.

Nếu chúng ta không công bằng trong cuộc sống và hoạt động của chúng ta, nếu chúng ta không có những hệ thống tốt, và nếu chính phủ của chúng ta không thực thi chức năng của mình cách công bằng với tất cả mọi người, thì bác ái trở nên một trợ lực thiết yếu bù đắp cho một thực tế bất công của thế giới quanh chúng ta.

Trải qua lịch sử nhân loại, đã có những thời kỳ đức công bằng rất yếu nên vai trò của bác ái trở nên thiết yếu. Thường công việc bác ái của các Giáo Hội, của những hiệp hội thiện nguyện, của những người thiện chí cố gắng bù đắp cho những bất công của chính phủ và của thế giới thương mại.

(Slideshow NHỮNG VẤN ĐỀ MÂU THUẪN)

Cái khó khăn là chỉ có bác ái không thể bù đắp cho những bất công trên mức độ rộng lớn. Do đó cần có tiếng kêu của các liên minh vì công bằng. Công bằng và cảm thông phải cùng nhau hành động. Chúng ta bịt mắt lại với bất công khi chúng ta không thể cảm thông.

Chúng ta có thể khoan dung cho bất công bằng cách tự nhủ rằng “vì họ thích như vậy”, hay “vì họ khác chúng ta”, hay “vì họ không cảm nhận sự việc cùng đường lối với chúng ta”. Chúng ta tách mình ra với tâm thức “chúng ta - chúng nó”. Dù giải thích thế nào đi nữa, chúng ta hỗ trợ cho bất công, và chúng trở nên có lỗi.

Phải đối mặt với bất công. Chúng ta cần nói với các hệ thống và cơ cấu đã tạo nên các nạn nhân, các người đau khổ vì những bất công căn bản của chúng.

Chúng ta cũng cần quan tâm đến những người phạm vào bất công vì họ cũng phải gánh chịu hậu quả hành vi của họ, cả khi họ không ý thức rằng họ bị hạ thấp đến mức nào do các chọn lựa của họ.

Công bằng và bác ái phải sát cánh bên nhau. Công bằng mà không có bác ái có thể trở nên lạnh lùng và vô cảm. Bác ái mà không có công bằng sẽ không thể tiếp cận với hết những ai phải đau khổ. Mọi cá nhân, hiệp hội, chính phủ và các hệ thống đều cần phải vừa công bằng vừa bác ái.

Đòi hỏi đó còn cao hơn đối với cộng đoàn tu sĩ chúng ta, qua chứng tá cá nhân và tập thể cho tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta: “Các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con… Cứ dấu này mà thiên hạ nhận biết các con là môn đệ của Thầy là các con hãy yêu thương nhau” ; và đối với thế giới: “Thiên Chúa yêu thương thế gian đến đỗi ban Con Một Ngài cho thế gian được sống” (Ga 3,16)

(Hát CON XIN ĐỨC ÁI)

**Còn tiếp**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH - HÌNH THÀNH LỐI SỐNG TRUNG THỰC**

**TRI ÂN CHA ĐA MINH ĐINH VĂN VÃNG,**

**BÚT HIỆU LM. ĐAN VINH, HHTM (HIỆP HỘI THÁNH MẪU)**

****

**22/6/1947 – 14/6/2023**

**Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”**

**của Lm Đan Vinh, HHTM**

**BÀI 65**

**HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH - HÌNH THÀNH LỐI SỐNG TRUNG THỰC**



**1. LỜI CHÚA :** Thánh Phao lô :“Anh em phải cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, Anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải **mặc lấy con người mới, là người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện.** Bởi thế, một khi đã cởi bỏ sự gian dối, mỗi người trong anh em **hãy nói sự thật với người thân cận**, vì chúng ta là phần thân thể của nhau” (Ep 4,23-25).

**2. CÂU CHUYỆN : SỰ TRUNG THỰC CỦA LÃO ĂN MÀY.**

Ngày nọ, một lão ăn xin đến gõ cửa một lâu đài tráng lệ”. Ông nói với người quản gia : “Vì tình yêu của Chúa, xin hãy bố thí cho kẻ nghèo này”.

Người quản gia trả lời : “Tôi phải hỏi ý kiến bà chủ đã”. Bà chủ là một quý bà keo kiệt. Bà nói : “Hãy cho ông lão tội nghiệp một ổ bánh mì. Một thôi nhé. Đưa bánh ngày hôm qua ấy”.

Ông lão trở về gốc cây nơi ông trú ngụ cả ngày lẫn đêm, ngồi xuống lôi ổ bánh vừa xin được ra ăn. Đột nhiên, răng ông cắn phải vật gì đó rất cứng. Ông lão hết sức ngạc nhiên khi phát hiện ra đó là chiếc nhẫn vàng nạm kim cương mặt ngọc trai.

“Mình thật may mắn !”, ông lão nghĩ thầm. “Mình sẽ bán chiếc nhẫn này đi và sẽ có đủ tiền tiêu xài trong thời gian dài”.

Thế nhưng, lòng trung thực trong ông lão đã lập tức ngăn ý định đó lại : “Không, ta sẽ tìm chủ nhân của chiếc nhẫn và trả nó lại cho họ”. Bên trong chiếc nhẫn có khắc hai chữ J. X. Ông lão liền đi thẳng đến cửa hàng bán đồ trang sức và tìm hỏi cuốn niên giám điện thoại. Cả thị trấn chỉ có mỗi một gia đình có tên bắt đầu bằng chữ X : Gia đình Xofaina. Quyết tâm sống trung thực, ông lão vội đi tìm nhà Xofaina. Và rất bất ngờ khi đó lại chính là gia đình mới cho ông ổ bánh. Ông nói với người quản gia : “Tôi tìm thấy chiếc nhẫn vàng trong ổ bánh ông mới cho tôi”. Bà chủ vui mừng khôn xiết : “May quá, ta tìm lại được chiếc nhẫn bị mất mấy hôm trước do làm rơi khi coi thợ nhào bột làm bánh. J.X. là viết tắt tên của ta, Josermina Xofaina”.

Sau một hồi suy nghĩ, bà chủ nhà nói : “Hãy cho ông lão tội nghiệp đó bất kỳ cái gì ông ấy muốn, miễn là đừng đắt quá”.

Ông quản gia quay qua hỏi ông lão : “Vì hành vi cao thượng, ông muốn nhận được phần thưởng gì ?”

Ông lão ăn xin nói : “Tôi chỉ xin một ổ bánh mì ! thế là đủ cho tôi rồi”.

Thấy ông không có lòng tham, bà chủ bỗng nảy ra ý định : Sẽ cho ông làm người coi kho trong nhà của bà. Từ đó bà hoàn toàn an tâm không còn sợ bị mất trộm. Còn ông lão do có việc làm nên không còn sợ đói phải đi xin ăn như thời gian qua.

**3. SUY NIỆM :**

Người trung thực trước mắt có vẻ thiệt thòi nhưng họ lại nhận được điều lớn hơn nhiều, đó là ***sự tin tưởng của mọi người.***

Chúa Giê-su dạy : “Anh em đong đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong đấu ấy cho anh em, và còn cho anh em hơn nữa.” (Mc 4,24).

***Sống trung thực giúp chúng ta có sự bình an trong tâm hồn,*** và thật tốt đep biết bao khi người ta cư xử ***với nhau bằng tình cảm chân thành, vô vị lợi* !**

**4. SINH HOẠT :**

Hãy cho biết **tầm quan trọng của tính trung thực trong giao tiếp hằng ngày và trong việc làm ăn buôn bán xã hội ?**

**5. LỜI CẦU :**

Lạy Chúa Giê-su. Chúa dạy chúng con phải ***luôn trung thực trong lời nói và hành động***, khi ***luôn nói thật*** như Lời Chúa phán : “Có thì nói có, không thì nói không”. Xin cho chúng con luôn hành động trung thực bằng việc ***không tham lam của cải người khác***. Nhờ đó chúng con nên con hiếu thảo của Chúa Cha, nên môn đệ thực sự của Chúa, và nên chứng nhân của Tin Mừng Nước Trời.- AMEN.

**LM ĐAN VINH – HHTM**

**Ý NGHĨ LÀ NỤ HOA , LỜI NÓI LÀ BÔNG HOA , VIỆC LÀM LÀ TRÁI QUẢ**

##### [VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)

**CHUYỆN VỀ “BỮA TIỆC ĐÊM TRONG NHÀ VỆ SINH”…**

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp**

[](javascript:showpopup('file=article/1737964286.jpg'))

*Chị là “Oshin” – người giúp việc nhà cho một ông chủ ngoại ngũ tuần, rất giàu có. Đêm xuống, xong việc, vội vàng về với đứa con trai nhỏ 5 tuổi suốt ngày ngóng đợi trong căn nhà tồi tàn..*

*Hôm ấy, chủ nhà có lễ lớn, mời rất nhiều bạn bè quan khách đến dự tiệc đêm. Ông chủ bảo: Hôm nay việc nhiều, chị có thể về muộn hơn không? Thưa được ạ, có điều đứa con trai tôi nhỏ quá, ở nhà tối một mình lâu sẽ sợ hãi. Ông chủ ân cần: Vậy chị hãy mang cháu đến cùng nhé.*

*Chị mang theo con trai đến. Đi đường chị nói với nó rằng : Mẹ sẽ cho con đi dự tiệc đêm. Thằng bé rất háo hức. Nó đâu biết mẹ làm Oshin là như thế nào kia chứ! Vả lại, chị cũng không muốn cho trí tuệ non nớt của nó phải sớm hiểu sự khác biệt giữa người giàu kẻ nghèo. Chị âm thầm mua 2 chiếc xúc xích.*

*Khách khứa đến mỗi lúc mỗi đông. Ai cũng lịch sự. Ngôi nhà rộng và tráng lệ… Nhiều người tham quan, đi lại, trò chuyện. Chị rất bận không thường xuyên để mắt được đến đứa con nhếch nhác của mình. Chị sợ hình ảnh nó làm hỏng buổi lễ của mọi người. Cuối cùng chị cũng tìm ra được cách : đưa nó vào ngồi trong phòng vệ sinh của chủ… Đó có vẻ như là nơi yên tĩnh và không ai dùng tới trong suốt buổi tiệc đêm nay. Đặt 2 miếng xúc xích vừa mua vào chiếc đĩa sứ, chị cố lấy giọng vui vẻ nói với con: Đây là phòng dành riêng cho con đấy, nào tiệc đêm bắt đầu! Chị dặn con cứ ngồi yên trong đó đợi chị đón về. Thằng bé nhìn “****căn phòng dành cho nó****” thật sạch sẽ thơm tho, đẹp đẽ quá mức mà nó chưa từng được biết. Nó thích thú vô cùng, ngồi xuống sàn, bắt đầu ăn xúc xích được đặt trên bàn đá có gương, và âm ử hát… tự mừng cho mình.*

*Tiệc đêm bắt đầu. Người chủ nhà nhớ đến con trai chị, gặp chị đang trong bếp hỏi. Chị trả lời ấp úng: Không biết nó đã chạy đi đằng nào… Ông chủ nhìn chị làm thuê như có vẻ giấu diếm điều gì đấy khó nói. Ông lặng lẽ đi tìm… Qua phòng vệ sinh thấy tiếng trẻ con hát vọng ra, ông mở cửa, ngây người: Cháu nấp ở đây làm gì ? Cháu biết đây là chỗ nào không ? Thằng bé hồ hởi : Đây là phòng ông chủ nhà dành riêng cho cháu dự tiệc đêm, mẹ cháu bảo thế, nhưng cháu muốn có ai cùng với cháu ngồi đây cùng ăn cơ!*

*Ông chủ nhà thấy sống mũi mình cay xè, cố kìm nước mắt chảy ra, ông đã rõ tất cả, nhẹ nhàng ngồi xuống nói ấm áp: Con hãy đợi ta nhé. Rồi ông quay lại bàn tiệc nói với mọi người hãy tự nhiên vui vẻ, còn ông sẽ bận****tiếp một người khách đặc biệt****của buổi tối hôm nay. Ông lấy một ít thức ăn vào cái đĩa to, và mang xuống phòng vệ sinh. Ông gõ cửa phòng lịch sự… Thằng bé mở cửa… Ông bước vào: Nào chúng ta cùng ăn tiệc trong căn phòng tuyệt vời này nhé. Thằng bé vui sướng lắm. Hai người ngồi xuống sàn vừa ăn ngon lành vừa chuyện trò rả rích, lại còn cùng nhau nghêu ngao hát nữa chứ… Mọi người cũng đã biết. Liên tục có khách đến ân cần gõ cửa phòng vệ sinh, chào hỏi hai người rất lịch sự và chúc họ ngon miệng, thậm chí nhiều người cùng ngồi xuống sàn hát những bài hát vui của trẻ nhỏ… Tất cả đều thật chân thành, ấm áp!*

*Nhiều năm tháng qua đi… Cậu bé đã rất thành đạt, trở nên giàu có, vươn lên tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Nhưng anh không bao giờ quên giúp đỡ những người nghèo khó chăm chỉ…*

Người viết đã có dịp đọc mẩu chuyện nghĩa tình này từ khá lâu…và vẫn tự hỏi : có khi nào thật sự có được dăm ba  ông chủ nhà  giàu ứng xử đẹp như thế không nhỉ ? Dĩ nhiên là sẽ có rất nhiều người đọc lặng lẽ mỉm cười : chỉ là “chuyện” thôi mà ! Đúng, chỉ là “chuyện” thôi - nghĩa là “sản phẩm của tưởng tượng” vậy thôi ! – Đâu mà tệ thế nhỉ ? Chẳng lẽ lòng tốt thực sự không còn chỗ trên hành tinh trái đất dễ thương này  của chúng ta nữa sao ? Người viết không nghĩ vậy. Chỉ một cầu thủ gãy xương…thì đã nườm nượp khách thăm và quà tặng…Chẳng lẽ những “***bần cùng***” không tên không tuổi lại chẳng được một ai để tâm đến sao ?

Lẩn quẩn trong đầu óc già cỗi của lão niên bát tuần những suy nghĩ, những câu hỏi vu vơ như thế mỗi khi ngồi trước Thánh Thể năm mười phút cuối ngày sống lúc mà đầu óc cứ sểnh ra một chút là lang thang đây đó từ những câu chuyện vui, câu chuyện buồn gặp được trong đời và trên mạng…

Thôi thì cứ cho câu chuyện “***Bữa Tiệc Đêm Trong Nhà Vệ Sinh***” là một mẩu chuyện nhằm ca tụng và khích lệ “***lòng tốt***” của “***nhân sinh***” đi…

Nói đến nhân sinh, người viết liền nghĩ tới cái quan niệm về cuộc nhân sinh của cụ Lệ Thần Trần Trọng Kim trong một buổi nói chuyện từ xa xưa lắm rồi…Cụ bảo rằng:

“*Người ta sinh ra ở đời, giả cứ như các loài thú ở trong rừng, đói thì đi tìm ăn, no thì kiếm chỗ nằm nghỉ, chỉ cần có một ít trí khôn để đi săn bắt các thú khác và để giữ mình trong khi có nguy nan, rồi cứ sống theo lẽ tự nhiên, để mặc Tạo Hóa xoay vần biến đổi, được thế nào hay thế , không nghĩ gì đến việc sống chết, không lo gì đến việc còn mất. Cứ như thế, tôi tưởng cũng xong, mà có lẽ lại có nhiều thú vị hơn trong cuộc đời này, thấy đầy những cảnh khổ não, làm cho ta phải nhiều nỗi âm thầm đau đớn, gặp bao nhiêu những sự gian ác giả dối, khiến ta phải ngẩn ngơ, sinh ra lòng hoài nghi, cho Tạo Hóa là một cuộc hí trường không có ý nghĩa gì cả.*

*Đó chẳng qua là bởi giống người có trí não, dễ cảm xúc, hay suy nghĩ. Lúc đầu nhờ có cái TRÍ NÃO ấy mà được nhiều điều thắng lợi, bắt các loài thú phải phục tùng mà làm việc cho mình, rồi dần dà bày đặt ra cách nọ thứ kia để cho tiện việc làm ăn và sắp đặt thành đoàn-thể xã- hội, có luật lệ, có luân lý, nghiễm nhiên chiếm giữ lấy cái địa vị chủ nhân ông trong thế gian.. Nhưng Tạo-Hóa lại lừa lọc, đem cái ảo tưởng làm cho giống người mê muội, khiến phải chầy- chật (trầy trật) trong cuộc nhân sinh. Ấy mới thành ra bao nhiêu cái vấn đề bắt buộc người ta phải băn khoăn tìm tòi…Nhưng hễ tìm ra được mối này thì lại mất mối nọ, tựa như mắc phải lưới, lẩn quẩn loanh quanh, không sao gỡ ra được…*

*Song cuộc đời dù hay dù dở thế nào, ta không thể tránh khỏi được. Ta chỉ biết cuộc đời đã có thì ta phải tìm lấy một con đường  để mà đi, mà hành động cho đúng cái LẼ PHẢI và cho khỏi uổng mất sự sống của ta.*

*Trong những cái vấn đề nó bắt ta phải để ý mà suy nghĩ, mà tìm tòi đó, có cái vấn đề NHÂN SINH là hệ trọng hơn cả. Nhân sinh là người sống ở đời. Sống để làm gì ? Tại làm sao mà sống ? Sống thế nào cho phải ? Sống rồi lại chết : chết thì đi đâu ? Đấy là mấy câu hỏi không bao giờ người ta không nghĩ đến.Mà càng nghĩ, càng không tìm thấy câu trả lời…*”

Còn cụ Nguyễn Công Trứ …thì lại ngân nga :

*Ôi – nhân sinh là thế ấy.*

*Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao…*

*Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,*

*Vừa tỉnh giấc…nồi kê chửa chín !!!*

Cụ Ôn Như Nguyễn Gia Thiều cũng diễn tả nhân sinh rất thật :

*Nghĩ thân phù thế mà đau*

*Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê*

*Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ*

*Đường thế đồ gót rõ kỳ khu*

*Sóng cồn cửa bể nhấp nhô*

*Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh*

*Trẻ Tạo Hóa đành hanh quá ngán*

*Chết đuối người trên cạn mà chơi*

*Lò cừ nung nấu sự đời*

*Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương* ( Cung Oán Ngâm Khúc)…

Còn trong Tin Mừng thì Chúa Giêsu  dạy :

***Có người trong đám đông nói với Đức Giê-su rằng: “Thưa Thầy, xin Thầy bảo anh tôi chia phần gia tài cho tôi.”***14***Người đáp: “Này anh, ai đã đặt tôi làm người xử kiện hay người chia gia tài cho các anh ?”***

15***Và Người nói với họ: “Anh em phải coi chừng, phải giữ mình khỏi mọi thứ tham lam, không phải vì dư giả mà mạng sống con người được bảo đảm nhờ của cải đâu.”***

16***Sau đó Người nói với họ dụ ngôn này: “Có một nhà phú hộ kia, ruộng nương sinh nhiều hoa lợi,***17***mới nghĩ bụng rằng: ‘Mình phải làm gì đây ? Vì còn chỗ đâu mà tích trữ hoa mầu!’***

18***Rồi ông ta tự bảo: ‘Mình sẽ làm thế này: phá những cái kho kia đi, xây những cái lớn hơn, rồi tích trữ tất cả thóc lúa và của cải mình vào đó.***19***Lúc ấy ta sẽ nhủ lòng: hồn ta hỡi, mình bây giờ ê hề của cải, dư xài nhiều năm. Thôi, cứ nghỉ ngơi, cứ ăn uống vui chơi cho đã!*’**

20***Nhưng Thiên Chúa bảo ông ta: ‘Đồ ngốc! Nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng ngươi, thì những gì ngươi sắm sẵn đó sẽ về tay ai ?’***

21***Ấy kẻ nào thu tích của cải cho mình, mà không lo làm giàu trước mặt Thiên Chúa, thì số phận cũng như thế đó.”* (Lc 12 , 13 -21)**

**Hay :**

***Khi ấy, Đức Giê-su nói với người Pha-ri-sêu dụ ngôn sau đây: “Có một ông nhà giàu kia, mặc toàn lụa là gấm vóc, ngày ngày yến tiệc linh đình.***

20***Lại có một người nghèo khó tên là La-da-rô, mụn nhọt đầy mình, nằm trước cổng ông nhà giàu,***21***thèm được những thứ trên bàn ăn của ông ấy rớt xuống mà ăn cho no. Lại thêm mấy con chó cứ đến liếm ghẻ chốc anh ta.***

22***Thế rồi người nghèo này chết, và được thiên thần đem vào lòng ông Áp-ra-ham. Ông nhà giàu cũng chết, và người ta đem chôn.***

23***“Dưới âm phủ, đang khi chịu cực hình, ông ta ngước mắt lên, thấy tổ phụ Áp-ra-ham ở tận đàng xa, và thấy anh La-da-rô trong lòng tổ phụ.***

24***Bấy giờ ông ta kêu lên: ‘Lạy tổ phụ Áp-ra-ham, xin thương xót con, và sai anh La-da-rô nhúng đầu ngón tay vào nước, nhỏ trên lưỡi con cho mát; vì ở đây con bị lửa thiêu đốt khổ lắm!’***

25***Ông Áp-ra-ham đáp: ‘Con ơi, hãy nhớ lại: suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi; còn La-da-rô suốt một đời chịu toàn những bất hạnh. Bây giờ, La-da-rô được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khốn khổ.***

26***Hơn nữa, giữa chúng ta đây và các con đã có một vực thẳm lớn, đến nỗi bên này muốn qua bên các con cũng không được, mà bên đó có qua bên chúng ta đây cũng không được.’***

27***“Ông nhà giàu nói: ‘Lạy tổ phụ, vậy thì con xin tổ phụ sai anh La-da-rô đến nhà cha con,***28***vì con hiện còn năm người anh em nữa. Xin sai anh đến cảnh cáo họ, kẻo họ lại cũng sa vào chốn cực hình này!’***

29***Ông Áp-ra-ham đáp: ‘Chúng đã có Mô-sê và các Ngôn Sứ, thì chúng cứ nghe lời các vị đó.’***

30***Ông nhà giàu nói: ‘Thưa tổ phụ Áp-ra-ham, họ không chịu nghe đâu, nhưng nếu có người từ cõi chết đến với họ, thì họ sẽ ăn năn sám hối.’***

31***Ông Áp-ra-ham đáp: ‘Mô-sê và các Ngôn Sứ mà họ còn chẳng chịu nghe, thì người chết có sống lại, họ cũng chẳng chịu tin’.”*(Lc 16 , 19 – 31)**

**Cái nhân sinh Kitô giáo khá là rõ ràng, không hề “*bóng đèn, mây nổi, gió thổi, chiêm bao*” chút nào, và cũng không hề “ *bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê*”,  hoặc “*bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương*” chút nào, ngược lại rõ ràng, rất rõ ràng là “ *kẻ nào thu tích của cải cho mình mà không lo làm giàu trước mặt Thiên Chúa*” thì thưa bạn, “*đêm nay người ta sẽ đòi mạng ngươi và những gì ngươi sắm sẵn đó sẽ về tay ai ???*”…**

**Cũng đừng nghĩ đến chuyện xin Chúa cho người chết về “*báo mộng*” để cảnh giác anh chị em mình, bởi “ *Chúng đã có Môisen và các ngôn sứ…thì chúng cứ nghe lời các vị ấy* ” và *“ Môisen và các ngôn sứ mà chúng không chịu nghe thì người chết có sống lại chúng cũng chẳng chịu tin !*”…**

**Mặt đất trần gian từ sau tiếng nổ Big Bang cho đến thời của Chúa Giêsu và… cho đến hôm nay ngập ngụa những rác rến về mọi mặt…Càng phát triển, rác rến càng chất chồng: rác rến do sinh hoạt buông thả, rác rến từ những đầu óc bệnh hoạn, rác rến trên đất, rác rến dưới biển, thậm chí rác rến cả trong không gian…Chính vi vậy mà cái *nhân sinh* trở thành một mớ bòng bong không đường lần, không lối gỡ…**

**Giáo Hội vâng lời Chúa mang lại cho nhân loại Năm  Hồng Ân – Năm  Thánh 2025 – Năm của “*Những Người Hành Hương của Hy Vọng*” – với ước mong con người “*ôm*” lấy nhau và cùng nhau bám víu vào Niềm Hy Vọng nơi Đấng Cứu Thế để nỗ lực cho nhau có được một cuộc sống xanh – sạch – đẹp cả trong lẫn ngoài, cả tinh thần lẫn thể xác, cả con tim lẫn hành động...Phải chăng đấy chẳng là sự nỗ lực trong hôm nay từng ngày để có được một hành tinh thuần khiết cho tương lai…Sứ điệp Kitô giáo gửi “Dear Future” là vậy…Bởi Đấng Vô Cùng đã chấp nhận mặc lấy thân xác phàm nhân, đi vào cái cõi trần ô trọc vốn chẳng thơm tho chi…và dĩ nhiên là kém xa cái nơi dọn “*Bữa Tiệc Đêm*” hi hữu cho chú nhóc trong câu chuyện được mượn để đi vào những suy nghĩ hôm nay…**

**Năm Ất Tỵ - 2025 này nhuận hai tháng sáu âm lịch – nghĩa là dài hơn bình thường, đồng thời cũng hai lần đón tiết Lập Xuân : lần I vào ngày 3/2/2025 tức mùng 6 tháng giêng Ất Tỵ và lần 2 vào ngày 4/2/2026 tức ngày 17 tháng chạp năm Ất Tỵ…Vậy là con rắn hai đầu Ất Tỵ này – theo truyền thuyết – sẽ mang lại cho thế gian sự hài hòa, cân bằng Trời và Đất, sự hòa hợp Âm và Dương : - một đầu tượng trưng cho ánh sáng, mang theo niềm hy vọng và lòng dũng cảm;  –  một đầu tượng trưng cho bóng tối, thử thách, khó khăn và cám dỗ cần phải vượt qua…**

**Sự trở lại của “*thần thú*” này – theo Kinh Dịch – là sự nhắc nhớ chúng ta rằng chỉ cần trong con tim chúng ta có ánh sáng và giữ ánh sáng thì khó khăn nào rồi cũng vượt qua, bóng tối nào cũng bị xua tan…**

***Lạy Cha rất nhân từ,***

***Cảm tạ Cha đã ban cho chúng con Năm Mới Ất Tỵ - Năm Thánh 2025 này…***

***Xin Cha xuống ơn bình an cho gia đình nhân loại chúng con.***

***Chúng con nguyện trung tín với Lời của Cha.***

***Chúng con nguyện chia cơm sẻ áo cho nhau và cho những anh chị em thiếu thốn quanh chúng con.***

***Cùng với nhau và trong tình yêu mến, cậy trông, chúng con thực hiện cuộc Hành Hương Năm Thánh trong tư thế của những người Lữ Hành Hy Vọng ở từng ngày sống với Cha, với Đức Kitô, trong Chúa Thánh Thần…và cùng nhau hướng về Mùa Xuân Vĩnh Cửu…Amen***

***Chúc mừng Năm Mới Ất Tỵ…***

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp**

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**THẾ GIỚI THƠ FRANCIS ASSISI LÊ ĐÌNH BẢNG**

**Thi sĩ Vincent Mai Văn Phấn**

*"Tôi làm thơ, nghĩa là tôi cầu nguyện*

*Như chùm hoa tự trút hết hương thơm"*

(Lê Đình Bảng)

Francis Assisi Lê Đình Bảng là một trong những nhà thơ Công giáo tiêu biểu, để lại dấu ấn sâu đậm trong dòng chảy thi ca Việt Nam đương đại. Thơ ông hòa quyện đức tin kiên vững, lòng đạo và chiều sâu giáo lý, vẻ đẹp mỹ học Kitô giáo và bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện sự uyên bác về tri thức văn hóa Đông – Tây. Sự nghiệp thi ca của ông như vùng đất phong nhiêu, với thổ nhưỡng và khí hậu riêng biệt, cất lên tiếng nói sáng tạo,  vừa khơi nguồn cảm hứng cho những người yêu văn chương, vừa nuôi dưỡng khát vọng chiêm nghiệm đức tin.

Nói đến thơ của Lê Đình Bảng là nói đến những dòng mạch thơ về đức tin và tình yêu Thiên Chúa, về hình tượng người mẹ và gia đình, về quê hương và ký ức tuổi thơ, về triết lý nhân sinh và nỗi niềm nhân thế, về tâm tư trước thời cuộc và dấu ấn lịch sử, về thiên nhiên và cái đẹp. Ở khuôn khổ bài này, tôi muốn đi sâu vào những dòng mạch trên đồng thời khái quát đặc trưng thi pháp của ông, để thấy được lực hấp dẫn và tầm ảnh hưởng của thơ Lê Đình Bảng.

**"*Chút gia tài của lòng đạo, đức tin*****[[1]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn1)" – Đức tin và tình yêu Thiên Chúa**

Lòng đạo và đức tin là cốt lõi xuyên suốt hành trình thi ca của Lê Đình Bảng. Đức tin Kitô giáo thấm đẫm trong từng câu chữ, trở thành ý hướng chủ đạo, kết tinh thành những khúc tụng ca ngợi khen và tôn vinh tình yêu Thiên Chúa. Như mạch suối ân sủng tuôn trào, thơ ông dẫn dắt tâm hồn người đọc đến với sự chiêm niệm và niềm khát khao hướng thượng. Hình ảnh thiên nhiên sống động trong bài thơ "*Suối nguồn"*chính là biểu tượng cho ân tình Thiên Chúa – suối mát thiêng liêng luôn tuôn đổ xuống lòng người:

*"Suối nguồn, như gấm, như hoa*

*Mở phơi, thấm đẫm sương sa đất trời*

*Từ trong mạch giếng sâu khơi*

*Dấu yêu, ngọt mật. Chúa ôi, dịu dàng."*

Dòng suối ấy biểu trưng cho ân điển của Chúa, tưới mát và thấm sâu vào đời sống, cho tâm hồn tín hữu thêm vững vàng. Trong bài "Ơn Người quá đủ cho tôi", Lê Đình Bảng bày tỏ lòng tri ân chân thành, giản dị:

*"Lạy Chúa, bao giờ tôi cảm nhận*

*Mỗi người tôi gặp, mỗi buồn vui*

*Mỗi nơi, mỗi lúc, chiều, mai, sớm*

*Chúa ở cùng tôi, trong phận người*

*Là mạch nguồn thiêng liêng, máu thịt*

*Từ trong mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi*

*Bây giờ, tôi sống hay tôi chết*

*Tôi được bình yên như khí trời"*

Tứ thơ biểu đạt niềm tin mạnh mẽ vào sự hiện diện của Chúa trong mọi khoảnh khắc. Tình yêu Thiên Chúa bao dung là điểm tựa bền vững và sức mạnh tinh thần nâng đỡ con người. Đến với Chúa là hành trình qua những khúc quanh của cuộc đời, nơi thử thách trở thành phép rèn luyện đức tin.

*"Kể từ nay, xác hồn tôi, tất cả*

*Được treo lên, được cứu rỗi đời đời*

*Lên ngọn sông đào, tắm mát thảnh thơi*

*Dưới đôi cánh từ bi, trong nhà Chúa"*

(Trong cõi đầy vơi)

Hình ảnh *"ngọn sông đào, tắm mát thảnh thơi"* gợi sự thanh lọc, bình an trong vòng tay Thiên Chúa. Một trong những giá trị cốt lõi của thơ Lê Đình Bảng là đức tính khiêm nhường, thể hiện qua giọng điệu dung dị, lắng sâu, không khoa trương mà chân thành, tha thiết.

*"Con xin Chúa, một chỗ ngồi chót hết*

*Bất cứ đâu đây, xa lạ, không tên*

*Chỗ muộn mằn còn sót lại, bỏ quên*

*Vụn bánh rớt rơi, chẳng ai thèm nhặt*

*...*

*Sao mòn mỏi? Sao gập ghềnh, chia cắt*

*Con chỉ là người đầy tớ vô duyên*

*Phận nữ tỳ, đâu dám đến gần bên*

*Nơi diên yến, đền vua trên Núi Thánh"*

(Ơi, người làng Sông)

Lời thơ thể hiện trọn vẹn tinh thần phó thác và phụng sự Thiên Chúa, một sự tự nguyện rèn luyện bản thân trong tinh thần khiêm hạ, sẵn sàng từ bỏ ý riêng, để tâm hồn hoàn toàn thuộc về Đức Mến, như một chứng nhân sống của đức tin và ân sủng.

*“Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi*

*Bát cơm nhà Chúa, hạt vơi, hạt đầy*

*Hạt nào tôi giữ trong tay*

*Của riêng, xin để dành ngày cánh chung”*

(Tự tình khúc)

Đó là nỗi trăn trở mang màu sắc triết lý và tôn giáo, khi con người đối diện với chính mình, tự vấn về ý nghĩa của sự sở hữu và dâng hiến. Nỗi băn khoăn của nhân vật trữ tình hướng đến một viễn cảnh lớn hơn – "ngày cánh chung". Ở đó, con người không còn bị ràng buộc bởi những toan tính trần thế, mà đứng trước sự phán xét tối hậu, nơi mọi sự đều được cân nhắc theo ánh sáng của lòng bác ái và đức tin.

Phần lớn thơ của Lê Đình Bảng mang tinh thần đối thoại thiêng liêng giữa con người và Thiên Chúa. Bằng giọng điệu thân mật, ông trò chuyện với Đấng-Tối-Cao như với người Cha hiền hậu, Đấng yêu thương và che chở, cũng như một người bạn tri kỷ luôn lắng nghe và đồng hành trên mọi nẻo đường.

*"Cảm ơn Chúa đã cho tôi tắm gội*

*Lớn dần lên trong hương sắc của người*

*Ngày lại ngày hoa trái cứ sinh sôi*

*Mỗi gieo vãi là một lần đẫy hạt"*

(Giữa bao la đất trời )

Sự gắn bó với Thiên Chúa trong thơ Lê Đình Bảng không phải một huyền nhiệm xa vời, mà là mối thân tình tràn đầy ân sủng, nhuộm thấm từng khoảnh khắc đời sống. Thơ ông vang lên như lời kinh dâng hiến, trào dâng từ cõi lòng thành kính, ngợi ca tình yêu thương bao dung và sự hiện diện nhiệm mầu của Chúa. Với đức tin vững vàng, ông khơi dậy khát vọng sống đẹp, sống trọn vẹn trong tình yêu thương vô biên của Thiên Chúa.

**"*Con mang ơn mẹ suốt đời*****[[2]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn2)" – Hình tượng người mẹ và gia đình**

Hình tượng người mẹ và gia đình trong thơ Lê Đình Bảng được khắc họa với chiều sâu cảm xúc, mang sắc thái tâm linh.

Người mẹ hiện lên như biểu tượng thiêng liêng của sự hy sinh, lòng nhẫn nại và đức tin bền bỉ, là kết tinh của vẻ đẹp cao cả. Mẹ là hiện thân của tình yêu thương vô bờ, âm thầm gánh vác mọi nhọc nhằn, gian khó để con cái trưởng thành. Những câu thơ của ông về người mẹ rất giàu sức lay động, phản chiếu triết lý nhân sinh và niềm tin tôn giáo:

*“Con đâu dám, ngồi ở không, trông đợi*

*Mẹ gánh hàng rong tất tả mỗi ngày*

*Tuổi đã già, ai bắt phải luôn tay*

*Đêm rét buốt, ổ rơm không đủ chỗ”*

(Lời mẹ ru)

Tứ thơ này gợi nhắc công ơn sinh thành của mẹ, chạm tới tâm linh – nơi tình mẫu tử tỏa sáng trong đức tin. Lòng biết ơn mẹ là một giá trị thiêng liêng, phản chiếu tình yêu và ân sủng của Thiên Chúa, cần được thấu hiểu sâu sắc và thể hiện qua những hành động bác ái trong đời sống.

Hình tượng gia đình trong thơ ông không chỉ là tổ ấm mà còn mang ý nghĩa văn hóa – tinh thần, là nơi lưu giữ đức tin, các giá trị truyền thống, đồng thời kết tinh và lan tỏa tình yêu thương giữa các thế hệ.

*"Lời của tổ tiên, ông bà, cha mẹ*

*Của xóm làng quê, của hết mọi người*

*Từ trong bào thai, mẹ hát ru nôi*

*Từ gồng gánh, nhịp tang bồng, ra chợ"*

(Di sản);

*"Của cải mẹ cha cho, có vậy*

*Để dành, khi con lớn, con khôn*

*Những câu kinh sách, phiên chầu lễ*

*Đã thấm vào da thịt, máu xương"*

(Chuyện những mùa hoa năm ấy)

Trong dòng cảm xúc về mẹ và gia đình, một trong những tác phẩm nổi bật của Lê Đình Bảng là trường ca "*Ca dao mẹ*", gồm 132 khúc thơ lục bát. Sử dụng thi pháp lục bát truyền thống, tác giả rất thành công trong việc khắc họa vẻ đẹp của tình mẫu tử và giá trị gia đình. Ngay từ câu thơ đầu tiên, hình ảnh người mẹ hiện ra với tình yêu thương ấm áp, dịu dàng và bao dung:

*“Hương cau, hương bưởi hiên nhà*

*Mẹ ngồi gom mẹt khoai hà, chờ con”*

Trong “Ca dao mẹ”, hình ảnh Người Mẹ sáng ngời đức tin, lo toan chu toàn mọi việc, kể cả việc hậu sự của chính mình, dẫn dắt con theo tinh thần “tốt đời đẹp đạo”, cần kiệm như truyền thống của các bà mẹ Việt Nam. Những câu thơ đọc lên khiến lòng rưng rưng:

*“Ngọt bùi, cay đắng cho cam*

*Nhớ, mai mẹ mất, đừng làm ma to*

*Chỉ đưa mẹ đến nhà thờ*

*Ăn mày các phép, đừng lo, tội tình”*

Gia đình trong "*Ca dao mẹ"*phản ánh những nét đẹp trong văn hóa cộng đồng như sự đùm bọc, che chở, lòng biết ơn và niềm tin tôn giáo. Các đoạn thơ miêu tả phong tục tập quán của người Việt, từ bữa cơm quê giản dị đến phong tục sinh hoạt, các nghi thức lễ giỗ tổ tiên, mở ra một không gian văn hóa đặc sắc và phong phú.

*“Mẹ bày ra bữa cơm quê*

*Khói thơm quanh cái chõng tre đầu hồi”*

Tính biểu trưng của hình tượng Người Mẹ trong bài thơ sâu đậm đến mức ta như thấy hình bóng mẹ mình trong đó. Lê Đình Bảng dung hòa đạo lý truyền thống với đức tin Thiên Chúa, cất lên khúc ca bất tận về tình mẫu tử thiêng liêng. Hình ảnh người mẹ rất riêng mà cũng rất chung ấy gợi nhắc câu ca dao:*“Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa/ Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương.”*

*“Cứ mỗi mùa Vu Lan, cúng quả*

*Nghe chùa bên mở huệ, tuần chay*

*Dọc đường ra nghĩa trang, Em bảo*

*Mẹ ngủ trong gò đất cỏ may*

*Thành bụi, thành tro than lãng đãng*

*Vầng trăng tơ mọc giữa ban ngày”*

(Mùa trăng vu lan nhớ mẹ)

Hình ảnh Người Mẹ được nhà thơ khắc họa bằng những nét chấm phá vừa thiêng liêng, vừa dung dị, gợi lên nỗi nhớ thương sâu thẳm trong mùa Vu Lan – mùa hiếu hạnh. Mẹ không còn hiện diện trong hình hài quen thuộc, mà đã hòa vào thiên nhiên, vào đất trời, thành tro bụi, như một sự trở về với cội nguồn vô tận. Nhưng dù đã khuất, Mẹ vẫn hiển hiện trong từng chi tiết đời thường. Không gian thơ thấm đẫm sắc thái tâm linh và nỗi nhớ ngậm ngùi. Cỏ may mọc trên nấm mộ không chỉ gợi lên sự hoang hoải, mà còn là dấu vết thời gian, như một sự nhắc nhớ về sự mong manh của kiếp người. Đặc biệt, hình ảnh *"vầng trăng tơ mọc giữa ban ngày"* gợi ra một ẩn dụ đẹp đẽ: dẫu Mẹ đã khuất, tình yêu và sự che chở của Mẹ vẫn còn đó, nhẹ nhàng mà bền bỉ, như ánh trăng hiển hiện giữa nhân gian dù không còn thuộc về cõi thế.

Hình ảnh ấy không chỉ gợi nhớ về Mẹ, mà còn mở rộng ra nỗi mất mát trong đời sống, nơi những người ở lại mãi khắc khoải trong niềm thương nhớ. Tình cảm vợ chồng là nền tảng bền vững của mỗi gia đình Việt Nam, và khi một người ra đi, khoảng trống để lại không gì có thể lấp đầy. Đoạn thơ là tiếng lòng đau đáu của người chồng thương nhớ người vợ đã khuất.

*“Từ hôm Em bỏ đi xa*

*Ngẩn ngơ, tôi cứ vào ra, như là*

*Con tàu về cuối sân ga*

*Chúa ôi, mưa nhạt, mưa nhoà, vắng không*

*Cái ngày khăn gói qua sông*

*Mênh mông một dải quê chồng xa xôi*

*Quạt nồng, ấp lạnh chưa vơi*

*Tóc tơ đã rối một đời vào nhau”*

(Requiem)

Nỗi đau thấm vào từng khoảnh khắc thường nhật, trong những bước chân lặng lẽ, không gian vắng vẻ, cơn mưa nhòa nhạt - tất cả nhuốm màu cô quạnh. Hồi tưởng về người vợ, tác giả không chỉ nhớ đến bóng hình xưa mà còn cả chặng đường đời đã cùng nhau đi qua, từ ngày nàng khăn gói theo chồng xa quê đến những tháng ngày sẻ chia buồn vui, quạt nồng ấp lạnh. Đoạn thơ vừa là lời tiếc thương, vừa là sự tri ân, lưu giữ dư âm của một tình yêu đã hóa vĩnh hằng.

Lòng thành kính của nhà thơ đối với mẹ được thể hiện qua nhiều bài thơ, qua nhiều tầng ý nghĩa, từ người mẹ trần gian – người đã nuôi dưỡng và che chở, đến mẹ quê hương – biểu tượng của cội nguồn và sự gắn bó thiêng liêng, và đỉnh cao là Đức Mẹ Maria – nguồn cội của yêu thương, lòng từ ái và đức hy sinh cho nhân loại:

*"Kính chào Mẹ Maria*

*Trăm muôn ríu rít chim ca đầu mùa*

*Con thường hỏi giữa vu vơ*

*Bao giờ mưa tạnh? Bao giờ nước lên?"*

(Con về xứ mẹ mùa hoa)

Nhà thơ đã dâng lời nguyện cầu thành kính hướng về Đức Trinh Nữ Maria – biểu tượng thiêng liêng của lòng tin và sự che chở. Hình ảnh thiên nhiên trong khổ thơ trên, với tiếng chim ca đầu mùa và khung cảnh tươi mới, thể hiện niềm hân hoan của muôn loài trong sự chào mừng Mẹ Maria. Ẩn sau những câu hỏi tưởng chừng như vu vơ *“Bao giờ mưa tạnh? Bao giờ nước lên?”* là nỗi trăn trở về cuộc đời, sự tìm kiếm ánh sáng dẫn lối trong những giai đoạn mịt mù của kiếp người. Nhà thơ khẳng định niềm tin mãnh liệt và sự trở về trong vòng tay yêu thương của Đức Mẹ, nơi tín hữu tìm thấy sự an ủi, hy vọng và ý nghĩa đời sống.

*"Đền Vàng Quỳ Trước Dâng Hoa*

*Trông lên tháp bảo, thấy toà Ba Ngôi*

*Mười Hai Nhân Đức gương soi*

*Kính thân Đức Mẹ, đời đời ngửa trông.”*

(Quỳ trước đền vàng)

Tâm hồn Lê Đình Bảng luôn chan chứa lòng tôn kính và yêu mến sâu sắc dành cho Đức Mẹ Maria. Hình ảnh Đức Mẹ trong thơ ông bao trùm toàn bộ đời sống tinh thần, trở thành bầu trời, mặt đất, và cả bầu khí quyển để ông được hít thở và hân hưởng trong tình yêu thương bao la của Mẹ.

*"Đội ơn Đức Mẹ Môi Khôi*

*Cho con yêu cả nắng nôi, giãi dầu*

*Cũng đành áo rách thương nhau*

*Cái duyên cam quýt vừa sâu, vừa đằm"*

(Con về xứ bưởi Năm Roi)

Đó là một đức tin thuần khiết, một tình yêu thẳm sâu không chút nghi ngại, khi Lê Đình Bảng đặt trọn niềm cậy trông vào Đức Mẹ. Ông cảm nhận được sự chở che của Mẹ ngay trong những khốn khó, để từ đó biết yêu cả những gian nan, tìm thấy sự an ủi trong từng biến cố. Chính tình yêu ấy đã làm nên sức mạnh nội tâm, giúp ông giữ vững đức tin và tiếp tục hành trình thi ca của mình trong niềm phó thác trọn vẹn.

Đức Mẹ Maria đã hiển hiện trong đời sống thiêng liêng và cả trong thế giới trần thế. Lê Đình Bảng tuyên xưng Đức Mẹ như *“hoa đồng trinh”* – một hình ảnh quen thuộc trong thần học và nghệ thuật Công giáo. Hoa đồng trinh không chỉ biểu trưng cho sự thanh sạch, mà còn mang ý nghĩa thiêng liêng về sự sinh nở thánh thiện, nhắc đến biến cố Truyền Tin khi Đức Mẹ đón nhận Ngôi Lời Nhập Thể: *"Có phải hoa đồng trinh Đức Mẹ/ Đương vào mùa bụi phấn bay bay"*(Trong khu vườn rào kín). Nhà thơ luôn thể hiện lòng tin tưởng và cậy trông vào Đức Mẹ. Cách cầu nguyện trong thơ của Lê Đình Bảng hết sức giản dị nhưng đượm đầy tâm tình của người con ngoan đạo – tín hữu tìm về nơi trú ẩn an toàn nhất của lòng tin: *"Lạy xin Đức Mẹ ban ơn/ Qua mùa đói khổ, gặp cơn yên bình"*(Về cõi trời mênh mang). Hay, câu thơ *"Mẹ về trời, nhưng chẳng rời mặt đất/ Kính mừng Maria, Đức Mẹ Chúa Trời"* (Về Carthage, nhà Mẹ yên vui) vang lên tiếng kinh nguyện, gợi nhớ Thiên thần Gabriel truyền tin cho Mẹ Maria là biến cố độc nhất vô nhị trong lịch sử nhân loại. Đó không chỉ là lời tụng ca, mà còn xác tín vai trò của Đức Mẹ trong lịch sử cứu độ: Người là Mẹ Thiên Chúa, là Đấng chuyển cầu đầy quyền năng cho nhân loại.

**"*Thì ra, thuở ấy, chưa xa*****[[3]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn3)" – Quê hương và ký ức tuổi thơ**

Trong thơ Lê Đình Bảng, quê hương và ký ức tuổi thơ là miền nhớ nhung da diết, là cội nguồn của yêu thương và sức mạnh tinh thần. Thơ ông vừa chân chất, ấm áp, vừa nhắc nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn. Quê hương trong thơ ông không chỉ là điểm tựa mà còn là nguồn cảm hứng vô tận, là niềm an ủi và chốn nương tựa tinh thần.

Nhà thơ sinh ra tại vùng Kinh Bắc, có nguyên quán ở Thái Bình - mảnh đất lưu giữ những giá trị truyền thống nghìn năm, tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc và độc đáo: *“Mẹ là cổ tích, ca dao/ Câu kinh, nguyện ngắm chảy vào hồn con”* (Ca dao mẹ). Đất mẹ, nguồn cảm hứng thiêng liêng, đã khắc sâu dấu ấn vĩnh cửu trong từng nhịp đập trái tim người nghệ sĩ.

Thơ Lê Đình Bảng mang đậm dấu ấn quê hương ông, đặc biệt khắc họa sinh động không gian văn hóa Kinh Bắc, gắn liền với những lễ hội dân gian, tập quán lâu đời và vẻ đẹp thiên nhiên. Một không gian phản chiếu ngàn năm văn hiến.

*"Ai về Kinh Bắc xa xôi*

*Nhớ câu quan họ, nhớ người mình thương"*

(Rước tình về với quê hương)

Kinh Bắc – mảnh đất gắn liền với những di sản văn hóa lâu đời, từ những làn điệu dân ca quan họ đến các lễ hội dân gian truyền thống, đã được Lê Đình Bảng tái hiện một cách sinh động với những hình ảnh quen thuộc của làng quê: con sông hiền hòa, cánh đồng lúa vàng, ngôi đình làng cổ kính, tiếng trống hội vang vọng, và những mái nhà tranh giản dị, ấm cúng.

*"Lúc trưa nắng,về dừng chân nghỉ mát*

*Nghêu ngao lời ca quan họ tang bồng"*

(Một khúc tang bồng);

*"Liền anh liền chị vãn hát đêm qua*

*Mớ bảy, mớ ba, hội Lim quan họ*"

(Về La Vang, nhà mẹ trăm gian)

Làn điệu quan họ trong thơ Lê Đình Bảng vừa là di sản văn hóa đặc sắc của Kinh Bắc, vừa biểu trưng cho sự thăng hoa của văn hóa dân gian. Những câu hát quan họ ngọt ngào biểu đạt tình yêu và sự gắn kết cộng đồng, trở thành yếu tố văn hóa độc đáo, là nhịp điệu của đời sống qua các thế hệ.

*"Chờ câu quan họ tình tang*

*Là đi về chốn mình đang thuộc về"*

(Nghêu ngao hát thương hồ)

*"Ngồi nghe quan họ, giờ lâu*

*Mái ngoài, văn miếu, áo chầu lạnh tanh*

*Tràng An ngày trước, như tranh*

*Những con phố cổ Hà Thành rêu phong"*

(Có ai về Tràng An)

Lê Đình Bảng tái hiện những hình ảnh giàu màu sắc và âm điệu của làng quê Bắc Bộ, qua các lễ hội tôn vinh tình yêu và sinh hoạt cộng đồng. Thơ ông gửi gắm thông điệp bảo tồn giá trị văn hóa trong bối cảnh hiện đại.

Làng quê tuổi thơ của ông hòa quyện giữa hoài niệm về những ngày tháng gieo neo vất vả và lòng biết ơn đối với cha mẹ, gia đình, làng xóm. Đó là nỗi lòng da diết của những ai đã từng lớn lên trong cảnh nghèo khó nhưng tràn đầy tình yêu thương, nơi những bữa cơm đạm bạc vẫn ấm áp tiếng cười, nơi từng mái nhà đơn sơ chất chứa bao kỷ niệm.

*"Con đâu dám, ngồi ở không, trông đợi*

*Mẹ gánh hàng rong tất tả mỗi ngày"*

(Lời mẹ ru)

Quê hương trong thơ Lê Đình Bảng là không gian lưu giữ "hồn cốt" một cộng đồng, là nơi con người luôn mong muốn trở về. Ký ức tuổi thơ với những hình ảnh giản dị là điểm tựa vững chắc, giúp kết nối cội nguồn và kế thừa những giá trị truyền thống.

*"Qua lối ngõ, mãi gập ghềnh đá dặm*

*Nhìn hai bên sông, điên điển rực vàng*

*Chuyến phà bên kia, đợi khách quá giang*

*Mấy đọt dừa reo trong chuông nhựt một"*

(Một miền ký ức)

Quê hương là dòng chảy trong mỗi trái tim, nơi ký ức là điểm tựa vững chãi, là nơi chốn để ta cảm nhận bình yên và tình yêu thương.

*“Giữa hai mùa, Nam bộ, nắng và mưa*

*Đâu có Mẹ, là quê hương con đó”*

(Mẹ và quê hương)

Quê hương không chỉ là miền đất, một địa danh cố định, mà là nơi có tình yêu thương của Mẹ. Câu thơ mở ra một cách nhìn rộng hơn về khái niệm quê hương: đó không chỉ là nơi ta sinh ra, mà còn là nơi trái tim ta thuộc về, nơi có người thân yêu nhất. Với những ai xa quê hương, nếu có Mẹ bên cạnh, dù ở bất cứ đâu, nơi ấy vẫn là chốn yên bình nhất.

Thơ của Lê Đình Bảng khắc họa ký ức tuổi thơ và quê hương nghèo khó qua những hình ảnh thiên nhiên bình dị nhưng đậm chất trữ tình. Tác giả không chỉ vẽ nên bức tranh quê nhà quen thuộc với những khu vườn rào kín, hoa nở rộ và những góc nhỏ chứa chan kỷ niệm, mà còn gửi gắm tình cảm sâu nặng của một tâm hồn luôn hướng về cội nguồn. Những dấu ấn của tuổi thơ – sự mộc mạc, thuần khiết và chan chứa niềm nhớ – được hiện lên qua hình ảnh của thiên nhiên thay đổi theo mùa, gợi nhớ đến những ngày xưa bình dị, nơi mà từng khoảnh khắc dường như chứa đựng cả niềm khát khao yêu thương và khát vọng sống.

*"Người về, nẻo khuất, canh thâu*

*Nhớ nhung, xin gửi ơn sâu, nghĩa dày*

*Hỏi mùa xanh lá, xanh cây*

*Em ơi, nụ biếc, cành đầy măng tơ*

*Nhà em sau bụi ô rô*

*Đứng trên bậc đá nhà thờ ngó nghiêng"*

(Quê nhà)

Đoạn thơ dưới đây mở ra một không gian ký ức tuổi thơ mộng mơ, nơi những hình ảnh thiên nhiên thấm đượm tình yêu, nhớ nhung và khát khao sống, trở thành biểu tượng cảm xúc sâu sắc vượt thời gian:

*"Suốt mùa hoa, dưới chân đê, thả nghé*

*Tuổi thơ ta ru vời vợi cánh diều*

*Ở quê, mình những trộm nhớ, thầm yêu*

*Con nhện giăng tơ, chờ hoa, chờ nụ"*

(Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ)

Những giá trị tinh thần được nuôi dưỡng qua ký ức càng trở nên thiêng liêng và trân quý. Không gian quê hương và ký ức tuổi thơ trong thơ Lê Đình Bảng là nơi lưu giữ những kỷ niệm ngọt bùi, là nguồn động lực giúp con người vượt qua khó khăn và tìm lại chính mình mỗi khi lạc lối giữa dòng chảy thời gian. Qua đó, nhà thơ đã thể hiện niềm tin vào sức mạnh của ký ức – một sức mạnh có thể thắp sáng cả những con đường mịt mờ, gợi mở những ước mơ giản dị nhưng đầy ý nghĩa.

*“Con bé bỏng suốt đời trong mắt Mẹ*

*Và măng tơ, vừa xanh nụ, xanh chồi*

*Cứ ngỡ bầu trời là mảnh sân chơi*

*Một ông sáng sao, hai ông sao sáng*

*….*

*Câu hát ấy của một thời xa vắng*

*Những đêm trăng tuổi mọn ở quê nhà*

*Ai khôn thì về, ai dại thì xa*

*Thả đỉa ba ba, nhớ cha, nhớ Chúa”*

(Những mùa trăng tuổi mọn)

Trong thơ Lê Đình Bảng, quê hương là nơi lưu giữ những ký ức tuổi thơ trong trẻo, hồn nhiên; đó là thế giới của những trò chơi con trẻ, của bầu trời rộng lớn tưởng chừng chỉ là một mảnh sân vui đùa, nơi từng ánh sao cũng trở thành người bạn đồng hành trong những đêm tuổi thơ. Nhưng sâu thẳm hơn, quê hương đã hóa thân vào hình ảnh Người Mẹ - một biểu tượng dịu dàng, chở che và mãi mãi dang rộng vòng tay yêu thương. Nỗi nhớ quê nhà là sự trở về với cội nguồn, với tình yêu thương vô bờ bến của mẹ và đức tin đã nuôi dưỡng tâm hồn nhà thơ. Trong dòng chảy ký ức ấy, quê hương không chỉ là nơi chốn, mà trở thành một phần tâm hồn, một miền thiêng liêng không thể phai mờ, nơi tình mẹ hòa quyện cùng tình Chúa, nâng đỡ con người suốt hành trình cuộc đời.

**"*Triết lý, nhân sinh gửi lại đời*****[[4]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn4)" – Triết lý nhân sinh và nỗi niềm nhân thế**

Thơ Lê Đình Bảng thấm đẫm triết lý nhân sinh, phản ánh những trăn trở về thân phận con người, thời cuộc và lịch sử. Tác phẩm của ông vừa tái hiện những biến động xã hội vừa gợi mở những suy tư về bản chất của sự sống, tính vô thường của thời gian và nỗi lênh đênh của phận người; đồng thời biểu đạt nền tảng của đức tin, là điểm tựa tinh thần giúp con người đối diện với thế sự xoay vần, vượt qua thử thách và tìm kiếm ý nghĩa cứu rỗi trong dòng chảy lịch sử và vận mệnh cá nhân.

*"Mỗi ngày, tập đi đàng nhân đức*

*Bằng cả trăm năm ở thế gian"*

(Một ngày ở trong nhà Chúa)

Trong sáng tác của Lê Đình Bảng, thể loại trường ca giữ vai trò quan trọng để biểu đạt đức tin, đồng thời kết tinh tư tưởng và hệ hình thẩm mĩ. Các trường ca như "Nghêu ngao hát thương hồ" (gồm 130 khổ thơ), "Nhật nguyệt hành" (541 khổ), "Những cơn bão muộn" (670 khổ), và "Trong cõi vô ngôn" (162 khổ) đã khắc họa chân thực thân phận con người trong dòng thời gian và những biến động thời cuộc. Những bão tố trong cuộc đời và hành trình tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống trong sự chiêm nghiệm đã tạo nên những tác phẩm mang vẻ đẹp trầm lặng, giàu suy tưởng.

Câu hỏi về sự vô thường của cuộc đời và vai trò của con người trong dòng chảy thời gian được đặt ra trong trường ca "Nghêu ngao hát thương hồ". Tác giả trăn trở về kiếp người phiêu dạt, một đời sống gắn liền với sông nước, con đò, nơi con người dường như bị cuốn theo sự vô định và không thể làm chủ số phận mình:

*"Quanh năm, làm kiếp thương hồ*

*Nước sông, gạo chợ, con đò lênh đênh*

*Ai về bờ bãi chông chênh*

*Tình tang, qua mấy những bềnh bồng thôn"*

(Nghêu ngao hát thương hồ)

Trường ca "*Nhật nguyệt hành*" thể hiện triết lý về thời gian và sự thăng trầm của cuộc đời qua hình tượng nhật nguyệt – biểu trưng cho sự xoay vần không ngừng của vũ trụ. Tác phẩm khắc họa dấu ấn thời cuộc, phản ánh những biến động của con người và xã hội. Thời gian, với quy luật tuần hoàn, đặt con người trước những đổi thay bên ngoài lẫn những biến chuyển nội tâm. Trong vận hành của "nhật nguyệt", mỗi cá nhân bị cuốn vào dòng chảy sự sống, buộc phải đối diện với những đấu tranh nội tại và tìm cách hòa nhập vào cuộc thế. Ở trường ca này, Lê Đình Bảng thể hiện sự giằng xé khi đối diện với sự thay đổi không ngừng của vạn vật. Quá khứ, như dòng sông lùi mãi về xa, khiến con người cảm thấy lạc lõng và bơ vơ trong một thế giới đầy biến động. Con người trong cơn biến động ấy phải đối diện với nỗi sợ bị lãng quên, bị tách khỏi quá khứ và quê hương. Đây là không gian đầy khắc khoải, phơi bày những nỗi cô đơn, mất mát, và khát vọng khôi phục, nối kết với quá khứ.

*"Để lưu giữ vững bền một quá khứ*

*Lục bình trông tím ngắt cả dòng sông*

*Hỏi quê nhà, còn nhớ, nhớ ta không*

*Thuở trước, nhìn nhau, đầm đìa nước mắt"*

(Nhật nguyệt hành)

Những biến động của thời cuộc và con người trong các thập kỷ đầy xáo trộn cũng được khắc họa rõ nét trong trường ca "Những cơn bão muộn". Hình ảnh cơn bão, ngoài sức mạnh tàn phá thực tế, còn tượng trưng cho những dông tố trong cuộc đời, những vật lộn tranh đấu ngoại tại và nội tại, những ước mơ và khát vọng chưa thành.

*"Vẫn biết ở bên bờ sóng gió*

*Bồn chồn, ai biết thuở nào khuây*

*Chờ thêm mùa lũ, sau cơn bão*

*Để đất bồi lên những luống cày*

*...*

*Nước mắt chực rơi, rồi chững lại*

*Ra sông và ra biển, bao giờ*

*Mẹ vun lại vồng, sau cơn bão*

*Từng khúc sông sạt lở, vỡ bờ"*

(Những cơn bão muộn)

Nhà thơ bày tỏ tâm tư về sự biến thiên của thời cuộc, về quá khứ và hiện tại, về những mất mát và hy vọng; đó là những chìm nổi mà con người phải trải qua trong hành trình tìm lại sự bình yên. Dẫu có cả những bồn chồn và những giọt nước mắt hoang mang trước nghịch cảnh, nhưng qua hình ảnh *"đất bồi lên những luống cày"* hay *"mẹ vun lại vồng"*, cho thấy sự kiên trì và khát vọng tái sinh, mong chờ sự phục hồi sau những bão tố. Song những vần thơ này cũng gói ghém cảm giác ngậm ngùi thế sự của tác giả, như một nỗi trăn trở trước dòng chảy vô thường của cuộc đời, nơi mà mất mát và hy vọng luôn đan xen.

Ở trường ca "Trong cõi vô ngôn", Lê Đình Bảng vẽ lên bức tranh sống động về cuộc đời con người qua những giai đoạn thử thách, tìm kiếm sự cứu rỗi, và đối diện với bi kịch nhân sinh. Dưới vẻ trầm lắng, mỗi câu thơ tự sự như những dấu tích của đời sống, đồng thời cũng phản chiếu khát vọng giải thoát và niềm tin vững chắc vào sự trở về.

*"Lặng thầm trong cõi vô ngôn ấy*

*Như luống cày trên ruộng nẻ khô*

*Chúa bảo con đi, đừng ngoái lại*

*Làm sao nước lã vã nên hồ*

*Nhưng không, ơn Chúa ban nhiều quá*

*Mặt đất này sinh sôi tốt tươi*

*Con được trầm mình trong giếng thánh*

*Làm hoa, con lại được làm người"*

(Trong cõi vô ngôn)

Trường ca "Trong cõi vô ngôn" cho ta thấy cảm giác bất định và khiêm nhường trong mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa. Nhà thơ dẫn ta vào cõi vô ngôn, nơi tình yêu của Thiên Chúa không đến với ta bằng ngôn từ, mà lan tỏa trong sự thinh lặng thiêng liêng, trong những rung động sâu thẳm của tâm hồn, nơi con người lắng nghe và cảm nhận bằng đức tin và trái tim hơn là bằng lý trí. Tác phẩm thấm đẫm triết lý nhân sinh này phản ánh nỗi day dứt trước cuộc sống đầy bất công và thách thức, đồng thời cũng dẫn đến hành trình tìm kiếm sự cứu rỗi. Dòng tự sự này khắc họa quá trình lạc lối, đấu tranh với bản thân và thế giới, rồi cuối cùng sự cứu rỗi của Chúa chính là hy vọng, là điểm tựa giúp con người vượt lên số phận, khổ ải và nguy nan.

Thơ Lê Đình Bảng cũng phản ánh những biến động xã hội, những nỗi đau chiến tranh và khát vọng hòa bình. Nhà thơ đề cập đến những sự kiện lớn của dân tộc, những cuộc chiến tàn khốc và những mất mát mà con người phải gánh chịu. Tuy nhiên, thơ ông không chỉ phản ánh những khía cạnh u ám, buồn thương mà còn thể hiện khát vọng mạnh mẽ về sự hồi sinh.

*"Nhưng làm sao cấm tôi chờ đợi*

*Trong chiến tranh, mới hiểu ngậm ngùi*

*Cây khế đầu hồi đương nhú quả*

*Hình như ai đến, báo tin vui"*

(Ngược dòng)

Một trong những đặc điểm nổi bật trong thơ ông là sự hòa quyện giữa triết lý nhân sinh và hình ảnh thiên nhiên. Những dòng sông, cơn bão, cây cối, chim muông… không chỉ là cảnh vật mà còn mang tính triết lý, ẩn chứa những suy tư về cuộc đời. Thơ ông thấm đượm một nỗi buồn trầm lắng, man mác trước sự không hoàn hảo của kiếp nhân sinh, nhưng đồng thời cũng khơi dậy niềm hy vọng vào hành trình tìm kiếm ý nghĩa giữa dòng chảy vô thường.

*"Tiếng của thiên nhiên, mùa màng, thời vụ*

*Tiếng của đồng xanh, bóng cả, cây cao*

*Tiếng gió reo vui như mận, như đào*

*Vội ghi chép, để truyền đời, san sẻ"*

(Di sản)

Nhà thơ không né tránh những vấn đề xã hội mà thay vào đó, ông sử dụng thơ như một công cụ mạnh mẽ để khám phá và diễn giải những biến động của thời gian và ngoại cảnh. Thơ của ông vừa phản ánh hiện thực vừa gợi mở những suy ngẫm sâu sắc về những chuyển biến không ngừng của thời cuộc, thiên nhiên và vũ trụ. Những hình ảnh và tình huống trong tác phẩm của ông gợi mở suy tư về mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, giữa hiện tại và quá khứ, giữa hữu hạn và vô tận.

*"Chuyện vũ trụ, chuyện nhân sinh, thời cuộc*

*Cây cỏ muôn loài, bờ bãi, khe truông*

*Sợi tóc trên đầu, dâu bể, tang thương*

*Quy luật tuần hoàn, hoá sinh, trụ diệt*

*Việc của Chúa, Chúa làm, nào ai biết*

*Bởi thiên nhiên là bàn tiệc ê hề*

*Dọn bày ra, cho ăn uống thoả thuê*

*Để nếm trải đủ ngọt bùi thế sự"*

(Kinh Cáo mình)

Thơ Lê Đình Bảng mở ra không gian rộng lớn, khơi gợi những chiêm nghiệm về sự vô thường, đồng thời mời gọi con người sống có ý nghĩa trong dòng chảy bất tận của thời gian. Đây là hành trình khám phá bản thể con người khi đối diện với thời gian và những biến động lịch sử, nó giúp người đọc tìm thấy những bài học quý giá về sự sống, cái chết và những giá trị tinh thần.

**"*Đợi cả thiên nhiên nở một lần*****[[5]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn5)" – Thiên nhiên và cái đẹp**

Trong thơ Lê Đình Bảng, ánh sáng Thiên Chúa luôn chiếu rọi cuộc sống con người, làm rạng rỡ vẻ đẹp thiên nhiên và ban cho nó khí sắc thiêng. Vẻ đẹp ấy biểu lộ tình yêu vô biên và sự quan phòng của Thiên Chúa, khiến mỗi hình ảnh thiên nhiên trở thành minh chứng sống động cho sự hiện diện của Đấng-Sáng-Tạo.

*"Con hát lời hoan ca, thánh vịnh*

*Hàng hàng châu ngọc, những thi thiên*

*Cùng muông chim, cỏ hoa, trời đất*

*Là nhã ca và sách Khải Huyền"*

(Về suối miền Nam)

Thiên nhiên mở ra những suy tưởng về sự hòa hợp giữa con người và Thượng Đế. Vẻ đẹp thiên nhiên hiển lộ trong ánh sáng bao phủ, kết nối thế giới trần gian với thiên đàng, nơi con người tìm thấy hạnh phúc trong Đức Mến.

Thơ ông cũng khơi mở một miền ký ức thiêng liêng, nơi con người cảm nhận sự yên bình và hòa hợp:

*"Bằng lăng rợp hai bờ kinh thăm thẳm*

*Ấy là nơi, sông chia nhánh, cắm sào*

*Hai vai đầy cành lá mướt lên cao*

*Tiếng cá quẫy dưới ao nhà tanh tách"*

(Một miền ký ức)

Những thi ảnh đó in dấu sự thân thuộc, hòa quyện trong ánh sáng và thanh âm kỳ diệu của sự sống.

Hình ảnh thiên nhiên trong thơ ông mang tính biểu tượng, mở ra không gian an bình, chan chứa tình yêu thương của Chúa. Vẻ đẹp do Đấng Sáng Thế tạo nên trở thành lời mời gọi con người quay về với lòng bác ái, sự tha thứ và khát khao ơn cứu rỗi, hòa hợp trong nhịp điệu của vũ trụ.

*"Về suối miền Nam, bên mé nước*

*Của trời cho, vô tận, vô vàn*

*Một ngày được ở trong nhà Chúa*

*Con sẽ đàn ca lên, hát vang"*

(Về suối miền Nam);

*"Chúa đến với tôi, như một làn gió*

*Cứ phiêu diêu và ẩn hiện, không chừng*

*Dặm thẳng, đường quanh, uốn khúc, vòng cung*

*Đất và nước, cùng cỏ cây, hoa lá"*

(Khi Chúa đến với tôi)

Vẻ đẹp thiên nhiên trong thơ Lê Đình Bảng là lời ngợi ca công trình kỳ diệu của Thiên Chúa. Mỗi hình ảnh, dù bé mọn hay tráng lệ, đều mang dấu thiêng, gợi mở suy tư về đức tin và khát vọng hòa quyện trong tình yêu của Đấng Tối Cao. Qua đó, tác phẩm tạo nên một giai điệu tâm linh, nơi sự huyền nhiệm của vũ trụ hòa quyện với ánh sáng Kitô giáo, mở ra không gian thiêng liêng đầy cảm nghiệm.

**Khái quát đặc trưng thi pháp**

Thơ Lê Đình Bảng chịu ảnh hưởng của thi pháp Thơ Mới, với khuynh hướng đề cao cảm xúc cá nhân và khắc họa cái tôi trữ tình trong sự giao thoa giữa nội cảm và suy tưởng. Ông khai thác đa dạng miền tâm trạng, từ nỗi buồn, sự cô đơn đến khát vọng yêu thương và niềm vui sống, tạo dựng một thế giới thi ca giàu tính triết lý và chiều sâu nội tâm. Thơ ông là sự kết hợp hài hòa giữa nhạc điệu và hình ảnh tượng trưng, đồng thời là sự giao thoa giữa tinh thần lãng mạn và tư tưởng Kitô giáo, định hình nên một phong cách riêng giàu tính thiêng.

Lê Đình Bảng vận dụng phong phú các biểu tượng Công giáo như Kinh Thánh, Kinh Nguyện, Thánh Giá, dòng suối, ngọn nến, ánh sáng, đại dương cùng những biểu tượng trong văn hoá dân gian Việt Nam đã khắc họa sự màu nhiệm của Thiên Chúa mà không cần nói đến phép màu. Những biểu tượng này vừa mang ý nghĩa trực quan vừa gợi mở suy niệm về đức tin, ân sủng và hành trình cứu độ. Thơ ông khiến người đọc cảm nhận Thiên Chúa gần gụi hơn và thế giới thiện lành hơn.

*"Suối nguồn, như gấm, như hoa*

*Mở phơi, thấm đẫm sương sa đất trời*

*Từ trong mạch giếng sâu khơi*

*Dấu yêu, ngọt mật. Chúa ôi, dịu dàng"*

(Suối nguồn)

Biểu tượng Thánh Giá trong thơ Lê Đình Bảng thể hiện sự hy sinh cao cả của Chúa và lòng thương xót vô biên dành cho nhân loại:

*"Chúa vẫn treo mình trên thánh giá*

*Máu còn nhuộm đỏ thắm hồn con*

*Đội ơn lòng Chúa luôn thương xót"*

*Từng bước con đi, dẫu mỏi mòn"*

(Nguyện thầm)

Thánh Giá không chỉ gợi nhắc nỗi đau và sự cứu chuộc, mà còn trở thành điểm tựa tâm linh, nâng đỡ con người trong hành trình đức tin. Đó là dấu ấn của tình yêu thiêng liêng, truyền sức mạnh và niềm an ủi cho những ai đang đối diện với thử thách, giúp họ kiên vững tiến bước dù cuộc đời đầy gian nan.

Biểu tượng Kinh Nguyện thể hiện niềm tin và sự kết nối thiêng liêng giữa con người với Thiên Chúa. Hình ảnh thiên nhiên hòa quyện với lời kinh tạo nên không gian thiêng liêng, nơi tâm hồn tìm thấy sự che chở, bình an và hy vọng:

*“Con về đây, ngước trông lên*

*Mẹ - ngôi sao sáng giữa đêm tối trời”*

(Kinh Nguyện La Vang);

*"Chim non ríu rít*

*lời kinh nguyện*

*Ta,*

*kẻ chầu nhưng*

*đọc thánh thư*

(Cõi thiêng)

Trong thơ Lê Đình Bảng, các biểu tượng văn hóa dân gian Việt Nam mang đậm sắc thái tôn giáo và lịch sử. Những hình ảnh quen thuộc như sông, núi, giếng nước, sân đình, cây đa, bến nước, cây tre, cây lúa, hoa sen... đều hiện diện trong thơ ông, tạo nên một không gian văn hóa đa tầng và đặc sắc. Cảm hứng tôn giáo kết hợp với cảm nhận về quê hương và lịch sử được thể hiện rõ qua những câu thơ giàu hình ảnh:

*"Muôn dân nước, đủ màu da, tiếng nói*

*Nhưng cùng chung một Mẹ Maria*

*Mẹ ở đầu làng, bến nước, cây đa*

*Mẹ tít trên non, Mẹ trong hốc đá"*

(Mẹ và quê hương)

Những hình ảnh giản dị mà thiêng liêng ấy thể hiện sự gắn kết sâu sắc giữa con người, tín ngưỡng và thiên nhiên, mang đến một cảm thức về sự bình dị và vĩnh hằng của Mẹ Maria, gắn liền với những không gian quen thuộc trong đời sống văn hóa của người Việt.

Một trong những hình ảnh gây ấn tượng mạnh với tôi trong thơ Lê Đình Bảng là "*đóa từ tâm*" – biểu tượng cho tình yêu, lòng nhân ái và sự thanh tịnh. "*Từ tâm*" không chỉ gợi lên ý nghĩa lòng từ bi, vị tha mà còn hàm chứa tình yêu thương trọn vẹn noi gương Đức Kitô và Đức Mẹ Maria, trong khi "*đóa*" tượng trưng cho sự nở rộ của ân sủng, vẻ đẹp tinh thần được nuôi dưỡng bởi đức tin. Hình ảnh này gắn liền với đời sống đạo hạnh, sự an lạc nội tâm và khát vọng dâng hiến. Trong bài thơ "*Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ*", "*đóa từ tâm*" trở thành biểu tượng của tình yêu thuần khiết, bền bỉ và thầm lặng, không vội vàng mà kiên nhẫn chờ đợi, tựa như lòng mến dâng đầy sự khiêm nhường và tin tưởng. Đây chính là biểu trưng của tình yêu dâng hiến, hòa quyện với đức tin và ánh sáng thiêng liêng:

*"Em vẫn thế, là con chiên của Chúa*

*Trong vườn thiêng, rào kín rất lặng thầm*

*Ôi, ước gì, Em là đoá từ tâm*

*Tôi an trú một đời yên ấm mãi"*

*(Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ)*

Đến bài "*Ngọc lan hương",* *"đóa từ tâm"* khắc họa hành trình chuyển hóa tinh thần - từ những cảm nhận trần thế đến sự giác ngộ trong tình yêu Thiên Chúa - nơi con người tìm thấy bình yên và viên mãn trong đức tin:

*"Lệ mùa rơi đóa Thu phong ấy*

*Hương ngọc lan ủ dưới gối nằm*

*Chợt nửa khuya, mơ hồ tỉnh giấc*

*Đêm thơm như là đoá từ tâm"*

Sự gian giao thoa giữa trần gian và cõi thiêng, nơi tình yêu con người chuyển hóa thành tình yêu Thiên Chúa là những nết đặc sắc trong thơ Lê Đình Bảng.

*“mùa thương, mùa nhớ, mùa vui đấy*

*Mùa của bồ câu yêu thóc phơi*

*Cơm bạc, cơm vàng rơi vãi hết*

*Từ Em như cây cải về trời*

*….*

*Chợt nhớ, mỗi lần lên rước lễ*

*Tôi bâng khuâng một thoáng, Em nhìn*

*Trời ơi, đôi mắt buồn u ẩn*

*Hai trái tim cùng một đức tin”*

(Lời tự tình của bến trần gian)

Những hình ảnh thân thuộc như "bồ câu yêu thóc phơi" hay "cơm bạc, cơm vàng" mang hơi thở cuộc sống đời thường, nhưng đồng thời cũng gợi đến sự buông bỏ, dâng hiến, như một hành trình "về trời". Tình yêu trần thế không mất đi mà chuyển hóa thành một trạng thái tinh khôi hơn, nơi sự gắn kết giữa con người được soi rọi bởi ánh sáng đức tin. Khoảnh khắc "lên rước lễ" trở thành giây phút nhận thức sâu sắc về sự hiện diện của nhau không chỉ trong đời sống tình cảm mà còn trong hành trình tâm linh. Cái nhìn bâng khuâng của nhân vật trữ tình trước đôi mắt "buồn u ẩn" của người mình thương không còn thuần túy là cảm xúc nhân gian, mà đã mang một sắc thái thiêng liêng. Hai trái tim vẫn rung động, nhưng giờ đây không chỉ hướng về nhau, mà cùng hòa chung một đức tin, một tình yêu lớn lao hơn. Ở đó, tình yêu con người được nâng lên một tầng ý nghĩa cao hơn - trở thành sự đồng điệu trong đức tin, hòa trong ánh sáng thiêng liêng.

Điểm nổi bật nữa trong thơ Lê Đình Bảng là sự phong phú của chất liệu văn hóa dân gian Việt Nam. Ông thường sử dụng thể lục bát – thể thơ truyền thống quen thuộc, gắn bó với tâm hồn người Việt, đồng thời khéo léo đưa vào đó những hình ảnh, điển tích và phong vị dân dã. Ngôn ngữ trong thơ ông giản dị mà tinh tế, tạo nên những câu thơ nhẹ nhàng, mượt mà như làn điệu quan họ “Người ở đừng về”, lại rưng rưng một thứ chia xa, khiến người ta phải ngậm ngùi

*"Thôi người ở lại dương gian*

*Có đem nhung nhớ đời dan díu này*

*Để gieo hết hạt trong tay*

*Phơi phong hết nắng những ngày đương xuân"*

(Ta còn để lại gì không)

Sự kết hợp giữa văn hóa Công giáo và chất liệu dân gian truyền thống tạo nên một thế giới thơ vừa có chiều sâu tâm linh, vừa khắng khít, thân thuộc. Giọng thơ của Lê Đình Bảng thường mang âm hưởng nguyện cầu, thể hiện sự khiêm cung trước Thiên Chúa và tự thấy mình không xứng đáng để nhận ân điển của Ngài.

*"Tôi đâu dám ngửa tay, xin điềm lạ*

*Bởi biết mình, loài cỏ rác vãi vương*

*Có là chi mà đáng để Chúa thương*

*Tôi rách rưới và ăn đong từng bữa"*

(Tôi đâu dám xin)

Thơ ông mở ra cảnh giới vừa thực vừa mộng, với những hình ảnh thân quen giàu sức gợi. Ông không dụng chữ cầu kỳ hay bóng bẩy, mà chọn lối diễn đạt chân tình, chạm tới trái tim người đọc. Sự giản dị này giúp những ý tưởng lớn lao về đức tin và tình yêu trở nên gắn bó. Những câu thơ như *"Chúa dạy con giục lòng ăn năn tội/ Vì bẩm sinh, mang trăm nỗi đoạn trường/ Ôi, tội hồng ân đã sớm đau thương/ Phải ra sức, tập đi đàng nhân đức"* (Cho con theo dấu bước của Người) mang tính triết lý sâu sắc nhưng vẫn dễ đi vào lòng người. Thi pháp đặc sắc này của Lê Đình Bảng không chỉ làm phong phú thêm diện mạo thơ Công giáo đương đại mà còn là gợi ý quý giá cho những cây bút trẻ muốn dấn thân vào con đường thi ca tâm linh.

**\* \* \***

Thơ Lê Đình Bảng đóng vai trò quan trọng trong dòng chảy văn chương Công giáo, và có chỗ đứng xứng đáng trong thơ Việt Nam đương đại. Nhà nghiên cứu, phê bình văn học Bùi Công Thuấn đã nhận xét: "Lê Đình Bảng vẫn làm thơ truyền thống, nhưng đã nâng phẩm chất nghệ thuật của thơ truyền thống Việt lên một bước mới, đó là sự kết hợp *mỹ học truyền thống* với *mỹ học Thiên Chúa giáo* đậm chất Việt.[[6]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftn6)". Tác giả góp phần làm phong phú và khẳng định vị trí của thơ Công giáo trong nền thi ca nước nhà. Nếu như thế hệ trước có các nhà thơ Công giáo tiêu biểu như Hàn Mặc Tử, Xuân Ly Băng, Xuân Văn... thì Lê Đình Bảng tiếp nối và mở rộng biên độ sáng tạo, ca ngợi đức tin và đào sâu những suy tư triết học, nhân sinh. Những tác phẩm của ông khơi dậy ý thức về đức tin, không chỉ dành riêng cho tín hữu mà còn lan tỏa đến những ai trăn trở về ý nghĩa cuộc đời, về sự hiện hữu và lòng biết ơn Thượng Đế. Bên cạnh đó, thơ Lê Đình Bảng tạo ra cầu nối giữa văn thơ Công giáo và văn hóa dân tộc, nó không chỉ mang giá trị nghệ thuật mà còn góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh sáng tạo mới.

Nhiều bài thơ của Lê Đình Bảng được phổ nhạc, trở thành những bài thánh ca vang lên trong đời sống phụng vụ và tâm hồn tín hữu Công giáo Việt Nam. Chính sự kết hợp hài hòa giữa thi ca và âm nhạc đã làm cho thơ ông vượt ra khỏi giới hạn của một thể loại văn học đơn thuần, trở thành một phần của đời sống tâm linh, đồng hành cùng những giờ cầu nguyện và suy niệm của tín hữu. Với những đóng góp lớn lao đó, thơ Lê Đình Bảng trở thành một phần quan trọng trong dòng chảy thơ ca Việt Nam đương đại, mở ra những hướng đi mới cho thơ Công giáo trong thời đại hôm nay.

**\* \* \***

Thơ của Francis Assisi Lê Đình Bảng là thế giới của đức tin, nơi mỗi vần thơ là lời nguyện ca dâng lên Thiên Chúa. Đó là hành trình suy niệm về ân sủng, tình yêu và ơn cứu độ, qua đó khẳng định và củng cố mối hiệp thông giữa con người với Đấng-Tối-Cao cũng như tình huynh đệ trong cộng đoàn tín hữu. Không chỉ mang chiều kích tâm linh, thơ ông còn khắc họa đời sống bình dị, nơi ký ức tuổi thơ, tình yêu gia đình và quê hương trở thành những giá trị vĩnh cửu, nuôi dưỡng tâm hồn con người. Nhà thơ cũng đồng thời mở ra cuộc đối thoại với thời gian, con người và lịch sử. Hành trình thi ca của ông là sự dâng hiến, nơi mỹ học tôn giáo giao thoa hài hòa với mỹ học dân tộc. Thơ Lê Đình Bảng đang tiếp tục lan tỏa, trở thành nguồn cảm hứng cho những thế hệ sau.

Những bài thơ của ông đã và sẽ tiếp tục vang lên, không chỉ trong lòng tín hữu mà còn trong tâm hồn những ai kiếm tìm ý nghĩa và sự cứu rỗi trong cuộc sống. Cá nhân tôi luôn dành cho thơ ông sự yêu mến và ngưỡng mộ. Qua những vần thơ ấy, tôi học được cách kết hợp nhuần nhị giữa đức tin và nghệ thuật, giữa chiêm nghiệm tâm linh và sáng tạo thi ca. Xin kính chúc ông luôn tràn đầy ơn phúc, tiếp tục sáng tạo và để lại cho đời thêm nhiều di sản thiêng liêng.

*Nhà thơ Francis Assisi Lê Đình Bảng là cây bút Công giáo. Ông sinh ngày 17/9/1942 tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Nguyên quán: Thọ Cách, Thụy Anh( Thái Thụy), Thái Bình. Học Tiểu chủng viện  Thái Bình, Phan Rang (1954-1957); Tiểu chủng viện Phan-xi-cô Xavie Bùi Chu (1957-1960); Đại chủng viện Lê Bảo Tịnh, Sài gòn; Đại Học Văn Khoa Sài gòn (1961-1965, 1967-1975); Cử nhân Giáo Khoa Văn Chương Việt Hán, Đại Học Sư Phạm Ban Việt Hán; Cao Học Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt. Ông từng là thành viên, ủy viên các Ban thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam: Ủy Ban Thánh Nhạc, Ủy Ban Phụng Tự, Ủy Ban Giáo Dân, Ủy Ban Văn hóa, Ủy Ban loan báo Tin Mừng. Lê Đình Bảng là cây bút đa tài, hiểu biết sâu rộng ở nhiều lĩnh vực. Ngoài sáng tác thơ, ông còn viết văn xuôi, tùy bút, nghiên cứu, sưu tầm, phê bình văn học, Thánh Nhạc Thánh Ca, biên soạn giáo trình văn học, gia phả học, báo chí… Ông đã xuất bản: "Những dặm dài hành hương" (Trường ca lục bát về cuộc di cư từ Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Phủ Lý, Hà Nội và Hải Phòng, Sài gòn, 1954-1955); "Lưu đày" (Thơ nguyện cầu. Phan Rang, 1956-1957. Bút hiệu: Mạc La Đình); "Lời con dâng" (Thơ nguyện cầu. Phan Rang, 1957. Bút hiệu: Mạc La Đình); "Lộc trời" (Thơ nguyện cầu. Sài gòn, Gia Định, 1958-1961. Bút hiệu: Mạc La Đình); "Bước chân người Giao Chỉ" (Thơ. Bút hiệu Đỳnh Bảng. Sài gòn, 1967); "Đêm Rất Thánh" (Tuỳ bút. Quà tặng học trò, 1969); "Kinh Sầu" (Thơ nguyện cầu. Long Xuyên, Cần Thơ, Mỹ Tho, Đà Lạt, Nha Trang, 1965-1969); "Hiện tượng lục bát trong thi ca Việt Nam" (Tiểu luận. Sài gòn, 1970); "Giảng văn - Văn học sử Việt Nam - Phương pháp nghị luận" (Giáo trình giảng dạy Quốc văn các lớp Đệ Nhất và Đệ Nhị cấp, ban ABCD. Sài gòn, 1963-1975); "Chuyên Hóa - Sinh hoạt học đường" (Giáo trình giảng dạy các lớp 10,11,12. Sài gòn, 1972-1975. Giảng khoá Giáo chức Tư thục Công giáo Việt Nam tại Sài gòn, Mỹ Tho và Ban Mê Thuột, 1970-1974.); "Dưới cờ" (Thơ, 1972); "Gia phả Lê tộc" (Điền dã và ghi chép tại Sài gòn, Gia Định, Đồng Nai, Long Xuyên, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, 1976-1986); "Vòng quanh xứ đạo" (Bút hiệu Lê Quán Thư. Bút ký lịch sử các xứ đạo – nhà thờ tại Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định, 1988-1991); "Hành hương" (Thơ, Sài gòn, 1994); "Ngôn ngữ Nhà Đạo" (Bút hiệu: Mộ Dung, Thuỵ Anh, Người Sông Hoá, Nhất Kiếm, Quốc Chính, Ngũ Kinh. Tạp bút chuyện văn hoá nhà đạo, 1988-1995); "Thánh ca Hoài Đức – Một thời để nhớ" (Biên khảo, 1994-2002); "Chuyện đất và người làng Thọ" (Bút ký gia phả học, 2005); "Thiên đường của loài chim sâu" (Tuyển tập truyện ngắn, bút hiệu Thuỵ Anh, Lại Thị Hương Nhu, Sài gòn, 1963-2007); "Hành hương" (Thơ tái bản, Nxb. Tôn Giáo, 2006); "Những tháng ngày không quên" (Sổ tay Hát Lên Mừng Chúa - Bút hiệu Lê Quán Thư. Ghi nhận mọi sinh hoạt lịch sử, sáng tác, hội thảo, biểu diễn, giảng dạy Thánh nhạc Thánh ca qua những chặng đường lịch sử từ 1990); "Kinh trong sương" (Tuyển tập thơ Công giáo. Hợp soạn với Trăng Thập Tự, Phan xi cô, Cao Huy Hoàng, 2007); "Các giám mục nước ngoài phục vụ tại Việt Nam" (Biên khảo lịch sử Công giáo. Hợp soạn với Lê Ngọc Bích và Lê Thiện Sỹ, Nxb. Tôn Giáo, 2009); "Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam" (Sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu thi ca Công giáo Việt Nam từ khởi thuỷ (thế kỷ XVI) đến hiện đại. Toàn bộ gồm 6 Tập, trên 4000 trang, với 6 chủ đề: Thơ trong Kinh nguyện; thơ cầu nguyện; thơ Phúc Âm diễn ca; thơ Huấn ca; thơ Ký Ức dòng đời và thơ trong Thánh nhạc thánh ca. Nxb. Tôn Giáo, Đông Phương, 2009); "Quỳ trước đền vàng" (Thơ. Nxb. Tôn Giáo, 2010); "Văn học Công giáo Việt Nam – Những chặng đường" (Biên khảo lịch sử văn học Công giáo Việt Nam từ khởi thuỷ (thế kỷ XVI) đến hiện đại. Nxb. Từ Điển Bách Khoa, 2010); "Như hương trầm bay lên" (Biên khảo về Hàn Mạc Tử. Hợp soạn với Võ Long Tê và Phạm Đình Khiêm, 2010); "Nhã ca La Vang" (Tuyển tập thi ca về Đức Mẹ La Vang (1901-2014); "Gặp gỡ những dòng sông" (Tạp bút, Nxb. Tôn Giáo, 2012); "Về bên mẹ – Vào đời – Nói với những người đang yêu" (Bút ký, tâm tình với khách hành hương La Vang (1998-2014); Giáo trình giảng dạy các lớp Vào Đời, Nhân Bản và Giáo Lý Hôn Nhân (1988-2016) tại các nhà thờ giáo xứ tại Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Xuân Lộc, Đà Lạt, Bình Dương, Long Xuyên, Nha Trang, Qui Nhơn, Huế... "Lời tự tình của bến trần gian" (Thơ. Nxb. Tôn Giáo, 2012); "Đội ơn lòng chúa bao dung" (Thơ, 2012); "Lời khấn nhỏ chiều chúa nhật" (Thơ, Nxb, Tôn Giáo 2012); "Về cõi trời mênh mang" (Thơ, Nxb. Tôn Giáo, 2012); "Hành trình một trăm năm (1908-2008) Báo chí công giáo Việt Nam" (Biên khảo về Lịch sử Báo chí Công giáo Việt Nam từ khởi thuỷ đến hiện đại. 2008-2012); "Nửa vòng trái đất vừa xa vừa gần" (Tạp bút du ký Hoa Kỳ, Nxb Tôn Giáo, 2014); "Ơn đời một cõi mênh mang" (Thơ, Nxb Tôn Giáo); "Đồng dao Nước Trời" (Tuyển tập Thơ và Nhạc với Nhạc sỹ Hồ Đăng Tín, Nxb Tôn Giáo, 2014); "Vè vãn ca ngâm Công giáo Việt Nam" (Biên khảo, Nxb. Đồng Nai, 2015). Lê Đình Bảng đã hoàn tất một số tác phẩm như "Quê Người" (Thơ), "Dâng Hoa Toàn Tập" (Biên khảo), "Lục Bát Thương Hồ" (Thơ); "Dặm Dài Nghêu Ngao" (Thơ), "Ca Dao Mẹ" (Thơ); "Văn Hoá Lễ Hội Công giáo Việt Nam" (Biên khảo), "Ở Một Cõi Nào" (Thơ), "Tản Mạn Chuyện Văn Hoá Công giáo" (Tạp bút), "Lòng Đạo Dân Gian Của Người Công Giáo Việt Nam" (Biên khảo) và dự định sẽ xuất bản trong tương lai. (Tư liệu do tác giả cung cấp).*

*Hải Phòng - Phát Diệm, 9/2/2025*

**M.V.P**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thị Kim Hồng (2018), Giọng điệu giãi bày trong thơ Công giáo Việt Nam hiện đại, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Kim Hồng (2018), Biểu tượng trong thơ Công giáo Việt Nam hiện đại, Tạp chí Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Vy Khanh (2023), Sơ thảo Văn học Công giáo Việt Nam, Nguyễn Publishing, Toronto, Canada.

4. Cảm thức hiện sinh hữu thần trong tập thơ "Hành hương" của Lê Đình Bảng. Hội dòng Nữ tu Thừa sai Đức Mẹ Trinh Vương.

5. Khải Triều (2022), Những nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay, Lưu hành nội bộ, Thư viện Mân Côi.

6. Bùi Công Thuấn (2020), Những mùa vàng văn học Công giáo Việt Nam, NXB Hội Nhà văn.

7. Bùi Công Thuấn (2022), Văn học Công giáo Việt Nam đương đại, NXB Hội Nhà văn.

[[1]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref1) Vì mục đích của bài viết này, một số câu thơ của Lê Đình Bảng được dùng làm tiêu đề cho từng tiểu mục (chữ in đậm). Câu tiêu đề này trích này từ bài thơ "Về Lưu Phương, xứ mẹ" của Lê Đình Bảng.

[[2]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref2) Câu tiêu đề này trích này từ bài thơ “Ca dao mẹ” của Lê Đình Bảng.

[[3]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref3) Câu tiêu đề này trích này từ bài thơ “Hạnh nguyện” của Lê Đình Bảng.

[[4]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref4) Câu tiêu đề này trích này từ bài thơ “Tao phách” của Lê Đình Bảng.

[[5]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref5) Câu tiêu đề này trích này từ bài thơ "Quê người và tuyết" của Lê Đình Bảng.

[[6]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Th%E1%BA%BF%20gi%E1%BB%9Bi%20th%C6%A1%20L%C3%AA%20%C4%90%C3%ACnh%20B%E1%BA%A3ng%20-%20MVP%20-%2010-2-2025.docx" \l "_ftnref6) *Văn học Công Giáo Việt Nam đương đại* (Nghiên cứu & Phê bình, 2022), Nxb. Hội Nhà văn, tr. 72.

|  |
| --- |
| ***Thi sĩ Vincent Mai Văn Phấn*** |

﻿[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

**LỜI TẠM BIỆT:**

****

**Kính xin mọi người hiệp thông**

**cầu nguyện cho Cha Cố**

**PX. Hoàng Đình Mai**

**1947- 01.09.2018**

**Xin chân thành cám ơn**

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,**

**Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,**

**Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

**Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:**

**"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...**

**"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.**

**Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.**

**Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

**Kính báo:** Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,

xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

##### Tri Ân

**Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ**

**Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**



**30.12.1946 – 01.12.2020**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.**

**TGP Baltimore** **USA**

1. CĐ FIRENZÊ*, Decretum pro Graecis*: DS 693 (1305). [↑](#footnote-ref-1)
2. Ngoài những tài liệu xưa hơn, có từ thời Đức Alexandrô IV ngăn cấm mọi hình thức chiêu hồn (27.9.1258), xem Thông điệp của Bộ Thánh Vụ *De magnetismi abusu*, 4.8.1856: ASS (1865) tr. 177-178; DS 1653-1654 (2823-2825); Trả lời của Bộ Thánh Vụ, 24.4.1917: AAS 9 (1917), tr. 268, DS 2182 (3642). [↑](#footnote-ref-2)
3. x. Bài đúc kết về học thuyết này của Thánh Phaolô, trong PIÔ XII, Thông điệp, *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943), tr. 200 và nhiều nơi khác. [↑](#footnote-ref-3)
4. x. T. AUGUSTINÔ, *Enarr. In Ps*. 85, 24: PL 37, 1099; T. GIÊRÔNIMÔ, *Liber contra Vigilantium*, 6: PL 23, 344; T. TÔMA, *In 4m Sent.*, d. 45, q. 3, a. 2; T. BÔNAVENTURA, *In 4m Sent.*, d. 45, a. 3, q. 2; v.v… [↑](#footnote-ref-4)
5. x. PIÔ XII, Thông điệp *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943), tr. 245. [↑](#footnote-ref-5)
6. x. Rất nhiều bia ký trong các hầm mộ cổ ở Rôma. [↑](#footnote-ref-6)
7. x. GÊLASIÔ I, Giáo lệnh *De libris recipiendis*, 3: PL 59, 160; DS 165 (353). [↑](#footnote-ref-7)
8. x. METHÔĐIÔ, *Symposion* VII, 3: GCS (Bonwetsch), tr. 74. [↑](#footnote-ref-8)
9. x. BÊNÊĐICTÔ XV, Decretum approbationis virtutum in Causa beatificationis et canonizationis Servi Dei Joannis Nepomuceni Neumann: AAS 14 (1922), tr. 23; Nhiều diễn văn của Đức PIÔ XI về các Thánh: Inviti all’eroismo, trong Discorsi e Radiomessaggi bộ I-III, Rôma 1941-1942, và nhiều nơi khác; Đức PIÔ XII, Discorsi e Radiomessaggi, bộ 10, 1949, tr. 37- 43. [↑](#footnote-ref-9)
10. x. PIÔ XII, Thông điệp *Mediator Dei*: AAS 39 (1947), tr. 581. [↑](#footnote-ref-10)
11. x. Dt 13,7; Hc 44-50; Dt 11,3-40; xem thêm PIÔ XII, Thông điệp *Mediator Dei*: AAS 39 (1947), tr. 582-583. [↑](#footnote-ref-11)
12. x. CĐ VATICAN I, Hiến chế về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 3: DS 1794 (3013). [↑](#footnote-ref-12)
13. x. PIÔ XII, Thông điệp *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943), tr. 216. [↑](#footnote-ref-13)
14. Về sự biết ơn đối với các thánh, x. E. DIEHL, *Inscriptiones latinae christianae veteres*, I, Berlin, 1925, các số 2008, 2382 và nhiều nơi khác. [↑](#footnote-ref-14)
15. CĐ TRENTÔ, Sắc lệnh *De Invocatione*…... *sanctorum*: DS 984 (1821). [↑](#footnote-ref-15)
16. *Sách nguyện Rôma*, Tiền xướng lễ Các Thánh. [↑](#footnote-ref-16)
17. x. Ví dụ: 2 Ts 1,10. [↑](#footnote-ref-17)
18. CĐ VATICAN II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*, 104. [↑](#footnote-ref-18)
19. x. Sách lễ Rôma, Lễ quy. [↑](#footnote-ref-19)
20. x. CĐ NICÊA II, Văn kiện VII: DS 302 (600). [↑](#footnote-ref-20)
21. x. CĐ FIRENZÊ, *Sắc lệnh Pro Graecis*: DS 693 (1304). [↑](#footnote-ref-21)
22. x. CĐ TRENTÔ, Sắc lệnh *De invocatione, veneratione et reliquiis Sanctorum et sacris imaginibus*: DS 984-988 (1821-1824); Sắc lệnh *De Purgatorio*: DS 983 (1820); Sắc lệnh *De Iustificatione*, khoản 30: DS 840 (1580). [↑](#footnote-ref-22)
23. *Sách lễ Rôma*, Kinh Tiền Tụng lễ Các Thánh, dùng trong một số giáo phận tại Pháp. [↑](#footnote-ref-23)
24. x. T. PHÊRÔ CANISIÔ, *Catechismus Maior seu Summa Doctrinae christianae*, ch. III, xb. F. Streicher, phần I, tr. 15-16, số 44, và tr. 100-101, số 49. [↑](#footnote-ref-24)
25. x. CĐ VATICAN II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*, 8: AAS 56 (1964), tr. 401. [↑](#footnote-ref-25)